VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 05/2019/TT-BTNMT	*Hà Nội, ngày 28 tháng 6 năm 2019*

THÔNG TƯ

Ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Nam Định

Căn cứ Luật Đo đạc và bản đồ ngày 14 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Nam Định.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Nam Định.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 14 tháng 8 năm 2019.

Điều 3. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Thị Phương Hoa

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC ĐỊA DANH DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ PHẦN ĐẤT LIỀN TỈNH NAM ĐỊNH

(Ban hành kèm theo Thông tư số 05/2019/TT-BTNMT ngày 28 tháng 6 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Phần I
QUY ĐỊNH CHUNG

1. Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Nam Định được chuẩn hóa từ địa danh thống kê trên bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:25.000 Hệ VN-2000 khu vực phần đất liền tỉnh Nam Định.

2. Danh mục địa danh tỉnh Nam Định được sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái tiếng Việt của các đơn vị hành chính cấp huyện gồm thành phố và các huyện, trong đó:

a) Cột "Địa danh" là các địa danh đã được chuẩn hóa. Tên gọi khác của địa danh hoặc ghi chú để phân biệt các địa danh cùng tên trong một đơn vị hành chính cấp xã được thể hiện trong ngoặc đơn.

b) Cột "Nhóm đối tượng" là ký hiệu các nhóm địa danh, trong đó: "DC" là nhóm địa danh dân cư; "SV" là nhóm địa danh sơn văn; "TV" là nhóm địa danh thủy văn; "KX" là nhóm địa danh kinh tế - xã hội.

c) Cột "Tên ĐVHC cấp xã" là tên đơn vị hành chính cấp xã, trong đó: P. là chữ viết tắt của "phường"; TT. là chữ viết tắt của "thị trấn".

d) Cột "Tên ĐVHC cấp huyện" là tên đơn vị hành chính cấp huyện, trong đó: TP. là chữ viết tắt của "thành phố"; H. là chữ viết tắt của "huyện".

đ) Cột "Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng" là tọa độ vị trí tương đối của đối tượng địa lý tương ứng với địa danh trong cột "Địa danh", nếu đối tượng địa lý được thể hiện trên bản đồ bằng ký hiệu dạng điểm, dạng vùng thì giá trị tọa độ

tương ứng theo cột "Tọa độ trung tâm", nếu đối tượng địa lý được thể hiện trên bản đồ bằng ký hiệu dạng đường thì giá trị tọa độ tương ứng theo 2 cột "Tọa độ điểm đầu" và "Tọa độ điểm cuối".

e) Cột "Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình" là ký hiệu mảnh bản đồ địa hình tỷ lệ 1:25.000 chứa địa danh chuẩn hóa ở cột "Địa danh".

Phần II
DANH MỤC ĐỊA DANH DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ PHẦN ĐẤT LIỀN TỈNH NAM ĐỊNH

Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Nam Định gồm địa danh của các đơn vị hành chính cấp huyện được thống kê trong bảng sau:

STT	Đơn vị hành chính cấp huyện	Trang
1	Thành phố Nam Định	
2	Huyện Giao Thủy	
3	Huyện Hải Hậu	
4	Huyện Mỹ Lộc	
5	Huyện Nam Trực	
6	Huyện Nghĩa Hưng	
7	Huyện Trực Ninh	
8	Huyện Vụ Bản	
9	Huyện Xuân Trường	
10	Huyện Ý Yên	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Chợ Rồng	KX	P. Bà Triệu	TP. Nam Định	20° 25' 46"	106° 10' 18"					F-48-93-A-b
Di tích lịch sử Cửa hàng ăn uống dưới hầm	KX	P. Bà Triệu	TP. Nam Định	20° 25' 49"	106° 10' 19"					F-48-93-A-b
đường Hàng Tiện	KX	P. Bà Triệu	TP. Nam Định			20° 25' 48"	106° 10' 19"	20° 25' 56"	106° 10' 31"	F-48-93-A-b
đường Hoàng Văn Thụ	KX	P. Bà Triệu	TP. Nam Định			20° 25' 58"	106° 10' 15"	20° 25' 27"	106° 10' 45"	F-48-93-A-b
đường Trần Hưng Đạo	KX	P. Bà Triệu	TP. Nam Định			20° 25' 21"	106° 10' 39"	20° 26' 07"	106° 09' 41"	F-48-93-A-b
đường Trường Chinh	KX	P. Bà Triệu	TP. Nam Định			20° 26' 29"	106° 11' 12"	20° 25' 48"	106° 10' 00"	F-48-93-A-b
Quốc lộ 21	KX	P. Bà Triệu	TP. Nam Định			20° 28' 19"	106° 02' 33"	20° 01' 27"	106° 12' 13"	F-48-93-A-b
Trường Đại học Kinh tế Kỹ Thuật Công nghiệp	KX	P. Bà Triệu	TP. Nam Định	20° 25' 54"	106° 10' 12"					F-48-93-A-b
Di tích lịch sử Khu chỉ huy Sở của Nhà máy Dệt	KX	P. Cửa Bắc	TP. Nam Định	20° 25' 42"	106° 10' 03"					F-48-93-A-b
đường Điện Biên	KX	P. Cửa Bắc	TP. Nam Định			20° 25' 48"	106° 10' 00"	20° 26' 04"	106° 08' 54"	F-48-93-A-b
đường Giải Phóng	KX	P. Cửa Bắc	TP. Nam Định			20° 24' 55"	106° 09' 39"	20° 26' 07"	106° 09' 41"	F-48-93-A-b
đường Trường Chinh	KX	P. Cửa Bắc	TP. Nam Định			20° 26' 29"	106° 11' 12"	20° 25' 48"	106° 10' 00"	F-48-93-A-b
Quốc lộ 21	KX	P. Cửa Bắc	TP. Nam Định			20° 28' 19"	106° 02' 33"	20° 01' 27"	106° 12' 13"	F-48-93-A-b
cầu Đò Quan	KX	P. Cửa Nam	TP. Nam Định	20° 25' 18"	106° 10' 42"					F-48-93-A-b
chùa Phong Lộc	KX	P. Cửa Nam	TP. Nam Định	20° 25' 01"	106° 10' 44"					F-48-93-A-b
chùa Vấn Khẩu	KX	P. Cửa Nam	TP. Nam Định	20° 24' 39"	106° 10' 35"					F-48-93-A-b
Công ty cổ phần Sinh hóa Nam Định	KX	P. Cửa Nam	TP. Nam Định	20° 24' 54"	106° 10' 27"					F-48-93-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đền Vấn Khẩu	KX	P. Cửa Nam	TP. Nam Định	20° 24' 44"	106° 10' 34"					F-48-93-A-b
đình Phong Lộc	KX	P. Cửa Nam	TP. Nam Định	20° 25' 01"	106° 10' 39"					F-48-93-A-b
đường Đặng Xuân Bảng	KX	P. Cửa Nam	TP. Nam Định			20° 25' 16"	106° 10' 44"	20° 24' 27"	106° 11' 36"	F-48-93-A-b
Đường tỉnh 490C	KX	P. Cửa Nam	TP. Nam Định			20° 25' 11"	106° 10' 49"	19° 58' 08"	106° 08' 13"	F-48-93-A-b
đường Vũ Hữu Lợi	KX	P. Cửa Nam	TP. Nam Định			20° 25' 11"	106° 10' 49"	20° 23' 17"	106° 10' 41"	F-48-93-A-b
Hợp tác xã Vận tải Trung Hải	KX	P. Cửa Nam	TP. Nam Định	20° 24' 47"	106° 10' 27"					F-48-93-A-b
Khu du lịch Sinh thái Phường Cửa Nam	KX	P. Cửa Nam	TP. Nam Định	20° 24' 34"	106° 10' 30"					F-48-93-A-b
phủ Phong Lộc	KX	P. Cửa Nam	TP. Nam Định	20° 24' 58"	106° 10' 46"					F-48-93-A-b
Quốc lộ 21	KX	P. Cửa Nam	TP. Nam Định			20° 28' 19"	106° 02' 33"	20° 01' 27"	106° 12' 13"	F-48-93-A-b
Sông Đào (sông Nam Định)	TV	P. Cửa Nam	TP. Nam Định			20° 25' 53"	106° 12' 16"	20° 15' 08"	106° 05' 47"	F-48-93-A-b
đường Phù Nghĩa	KX	P. Hạ Long	TP. Nam Định			20° 26' 25"	106° 11' 04"	20° 27' 11"	106° 10' 46"	F-48-93-A-b
đường Trường Chinh	KX	P. Hạ Long	TP. Nam Định			20° 26' 29"	106° 11' 12"	20° 25' 48"	106° 10' 00"	F-48-93-A-b
Trường Cao đẳng Sư phạm Nam Định	KX	P. Hạ Long	TP. Nam Định	20° 26' 32"	106° 11' 04"					F-48-93-A-b
cầu Tân Phong	KX	P. Lộc Hạ	TP. Nam Định	20° 26' 41"	106° 12' 04"					F-48-93-A-b
chùa Đệ Tứ	KX	P. Lộc Hạ	TP. Nam Định	20° 27' 17"	106° 10' 48"					F-48-93-A-b
Công ty cổ phần may Sông Hồng	KX	P. Lộc Hạ	TP. Nam Định	20° 27' 14"	106° 10' 37"					F-48-93-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đền Lan Hoa	KX	P. Lộc Hạ	TP. Nam Định	20° 26' 54"	106° 10' 55"					F-48-93-A-b
đường Phù Nghĩa	KX	P. Lộc Hạ	TP. Nam Định			20° 26' 25"	106° 11' 04"	20° 27' 11"	106° 10' 46"	F-48-93-A-b
Quốc lộ 10	KX	P. Lộc Hạ	TP. Nam Định			20° 26' 41"	106° 13' 01"	20° 15' 59"	105° 58' 44"	F-48-93-A-b
Quốc lộ 21B	KX	P. Lộc Hạ	TP. Nam Định			20° 27' 45"	106° 04' 44"	20° 03' 29"	106° 07' 42"	F-48-93-A-b
Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định	KX	P. Lộc Hạ	TP. Nam Định	20° 27' 00"	106° 10' 53"					F-48-93-A-b
Sông Đào (sông Nam Định)	TV	P. Lộc Hạ	TP. Nam Định			20° 25' 53"	106° 12' 16"	20° 15' 08"	106° 05' 47"	F-48-93-A-b
chùa Phổ Minh (Chùa Tháp)	KX	P. Lộc Vượng	TP. Nam Định	20° 27' 21"	106° 09' 40"					F-48-93-A-b
Đền Trần	KX	P. Lộc Vượng	TP. Nam Định	20° 27' 27"	106° 09' 58"					F-48-93-A-b
đường Đông A	KX	P. Lộc Vượng	TP. Nam Định			20° 26' 20"	106° 09' 08"	20° 26' 07"	106° 09' 41"	F-48-93-A-b
đường Trần Hưng Đạo	KX	P. Lộc Vượng	TP. Nam Định			20° 25' 21"	106° 10' 39"	20° 26' 07"	106° 09' 41"	F-48-93-A-b
Quốc lộ 10	KX	P. Lộc Vượng	TP. Nam Định			20° 26' 41"	106° 13' 01"	20° 15' 59"	105° 58' 44"	F-48-93-A-b
Quốc lộ 21B	KX	P. Lộc Vượng	TP. Nam Định			20° 27' 45"	106° 04' 44"	20° 03' 29"	106° 07' 42"	F-48-93-A-b
Quốc lộ 38B	KX	P. Lộc Vượng	TP. Nam Định			20° 28' 53"	106° 10' 42"	20° 15' 59"	105° 58' 44"	F-48-93-A-b
Trường đào tạo Vận động viên	KX	P. Lộc Vượng	TP. Nam Định	20° 26' 36"	106° 09' 27"					F-48-93-A-b
hồ Lộc Vượng	TV	P. Lộc Vượng	TP. Nam Định	20° 26' 29"	106° 09' 52"					F-48-93-A-b
hồ Truyền Thống	TV	P. Lộc Vượng	TP. Nam Định	20° 26' 16"	106° 10' 04"					F-48-93-A-b
sông Vĩnh Giang	TV	P. Lộc Vượng	TP. Nam Định			20° 28' 12"	106° 11' 23"	20° 24' 45"	106° 07' 56"	F-48-93-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khu đô thị Công ty Dệt	DC	P. Năng Tĩnh	TP. Nam Định	20° 25' 16"	106° 10' 09"					F-48-93-A-b
đường Trần Huy Liệu	KX	P. Năng Tĩnh	TP. Nam Định			20° 25' 15"	106° 09' 57"	20° 24' 12"	106° 07' 46"	F-48-93-A-b
đường Trần Phú	KX	P. Năng Tĩnh	TP. Nam Định			20° 25' 37"	106° 10' 27"	20° 25' 17"	106° 09' 59"	F-48-93-A-b
đường Văn Cao	KX	P. Năng Tĩnh	TP. Nam Định			20° 25' 17"	106° 09' 59"	20° 24' 01"	106° 08' 57"	F-48-93-A-b
Xí nghiệp may Nam Hải	KX	P. Năng Tĩnh	TP. Nam Định	20° 24' 51"	106° 10' 07"					F-48-93-A-b
Sông Đào (sông Nam Định)	TV	P. Năng Tĩnh	TP. Nam Định			20° 25' 53"	106° 12' 16"	20° 15' 08"	106° 05' 47"	F-48-93-A-b
Bệnh viện Đa khoa tỉnh Nam Định	KX	P. Ngô Quyền	TP. Nam Định	20° 25' 39"	106° 10' 11"					F-48-93-A-b
Di tích lịch sử Cột Cờ	KX	P. Ngô Quyền	TP. Nam Định	20° 25' 26"	106° 10' 17"					F-48-93-A-b
đường Trần Phú	KX	P. Ngô Quyền	TP. Nam Định			20° 25' 37"	106° 10' 27"	20° 25' 17"	106° 09' 59"	F-48-93-A-b
Sông Đào (sông Nam Định)	TV	P. Ngô Quyền	TP. Nam Định			20° 25' 53"	106° 12' 16"	20° 15' 08"	106° 05' 47"	F-48-93-A-b
Di tích lịch sử Cửa hàng cắt tóc dưới hầm	KX	P. Nguyễn Du	TP. Nam Định	20° 25' 53"	106° 10' 34"					F-48-93-A-b
đường Hoàng Văn Thụ	KX	P. Nguyễn Du	TP. Nam Định			20° 25' 58"	106° 10' 15"	20° 25' 27"	106° 10' 45"	F-48-93-A-b
đường Lê Hồng Phong	KX	P. Nguyễn Du	TP. Nam Định			20° 26' 07"	106° 11' 10"	20° 25' 37"	106° 10' 27"	F-48-93-A-b
nhà thờ Khoái Đồng	KX	P. Nguyễn Du	TP. Nam Định	20° 25' 50"	106° 10' 42"					F-48-93-A-b
Di tích lịch sử Nhà số 7 phố Bến Ngự	KX	P. Phan Đình Phùng	TP. Nam Định	20° 25' 36"	106° 10' 40"					F-48-93-A-b
đường Hoàng Văn Thụ	KX	P. Phan Đình Phùng	TP. Nam Định			20° 25' 58"	106° 10' 15"	20° 25' 27"	106° 10' 45"	F-48-93-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đường Lê Hồng Phong	KX	P. Phan Đình Phùng	TP. Nam Định			20° 26' 07"	106° 11' 10"	20° 25' 37"	106° 10' 27"	F-48-93-A-b
Trung tâm Văn Hoá - Thể thao thanh thiếu niên tỉnh Nam Định	KX	P. Phan Đình Phùng	TP. Nam Định	20° 25' 45"	106° 10' 42"					F-48-93-A-b
Sông Đào (sông Nam Định)	TV	P. Phan Đình Phùng	TP. Nam Định			20° 25' 53"	106° 12' 16"	20° 15' 08"	106° 05' 47"	F-48-93-A-b
Di tích lịch sử Hầm chỉ huy Thành Ủy Nam Định trong thời kỳ chống Mỹ cứu nước	KX	P. Quang Trung	TP. Nam Định	20° 25' 55"	106° 10' 21"					F-48-93-A-b
đường Hàng Cấp	KX	P. Quang Trung	TP. Nam Định			20° 25' 56"	106° 10' 31"	20° 26' 01"	106° 10' 36"	F-48-93-A-b
đường Hàng Tiện	KX	P. Quang Trung	TP. Nam Định			20° 25' 48"	106° 10' 19"	20° 25' 56"	106° 10' 31"	F-48-93-A-b
đường Hoàng Văn Thụ	KX	P. Quang Trung	TP. Nam Định			20° 25' 58"	106° 10' 15"	20° 25' 27"	106° 10' 45"	F-48-93-A-b
đường Trường Chinh	KX	P. Quang Trung	TP. Nam Định			20° 26' 29"	106° 11' 12"	20° 25' 48"	106° 10' 00"	F-48-93-A-b
nhà thờ Giáo Họ An Phong	KX	P. Quang Trung	TP. Nam Định	20° 25' 56"	106° 10' 24"					F-48-93-A-b
cầu Vĩnh Giang	KX	P. Thống Nhất	TP. Nam Định	20° 27' 10"	106° 10' 22"					F-48-93-A-b
chùa Hàn Sơn	KX	P. Thống Nhất	TP. Nam Định	20° 26' 22"	106° 10' 18"					F-48-93-A-b
đường Trường Chinh	KX	P. Thống Nhất	TP. Nam Định			20° 26' 29"	106° 11' 12"	20° 25' 48"	106° 10' 00"	F-48-93-A-b
Quốc lộ 10	KX	P. Thống Nhất	TP. Nam Định			20° 26' 41"	106° 13' 01"	20° 15' 59"	105° 58' 44"	F-48-93-A-b
Quốc lộ 21B	KX	P. Thống Nhất	TP. Nam Định			20° 27' 45"	106° 04' 44"	20° 03' 29"	106° 07' 42"	F-48-93-A-b
Bảo tàng Dệt	KX	P. Trần Đăng Ninh	TP. Nam Định	20° 25' 33"	106° 10' 07"					F-48-93-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Công ty cổ phần Phát triển đô thị Dệt may Nam Định	KX	P. Trần Đăng Ninh	TP. Nam Định	20° 25' 27"	106° 10' 04"					F-48-93-A-b
đường Trần Huy Liệu	KX	P. Trần Đăng Ninh	TP. Nam Định			20° 25' 15"	106° 09' 57"	20° 24' 12"	106° 07' 46"	F-48-93-A-b
đường Trần Phú	KX	P. Trần Đăng Ninh	TP. Nam Định			20° 25' 37"	106° 10' 27"	20° 25' 17"	106° 09' 59"	F-48-93-A-b
ga Nam Định	KX	P. Trần Đăng Ninh	TP. Nam Định	20° 25' 21"	106° 09' 46"					F-48-93-A-b
cầu Đò Quan	KX	P. Trần Hưng Đạo	TP. Nam Định	20° 25' 18"	106° 10' 42"					F-48-93-A-b
đường Lê Hồng Phong	KX	P. Trần Hưng Đạo	TP. Nam Định			20° 26' 07"	106° 11' 10"	20° 25' 37"	106° 10' 27"	F-48-93-A-b
đường Trần Hưng Đạo	KX	P. Trần Hưng Đạo	TP. Nam Định			20° 25' 21"	106° 10' 39"	20° 26' 07"	106° 09' 41"	F-48-93-A-b
đường Trần Phú	KX	P. Trần Hưng Đạo	TP. Nam Định			20° 25' 37"	106° 10' 27"	20° 25' 17"	106° 09' 59"	F-48-93-A-b
Khu di tích Phố Hàng Thao - nơi ghi lại tội ác của giặc Mỹ	KX	P. Trần Hưng Đạo	TP. Nam Định	20° 25' 28"	106° 10' 32"					F-48-93-A-b
nhà thờ lớn Giáo xứ Nam Định	KX	P. Trần Hưng Đạo	TP. Nam Định	20° 25' 33"	106° 10' 34"					F-48-93-A-b
quảng trường Hòa Bình	KX	P. Trần Hưng Đạo	TP. Nam Định	20° 25' 35"	106° 10' 21"					F-48-93-A-b
Quốc lộ 21	KX	P. Trần Hưng Đạo	TP. Nam Định			20° 28' 19"	106° 02' 33"	20° 01' 27"	106° 12' 13"	F-48-93-A-b
Sông Đào (sông Nam Định)	TV	P. Trần Hưng Đạo	TP. Nam Định			20° 25' 53"	106° 12' 16"	20° 15' 08"	106° 05' 47"	F-48-93-A-b
Công ty cổ phần Công nghiệp Tàu thủy Nam Hà	KX	P. Trần Quang Khải	TP. Nam Định	20° 24' 26"	106° 10' 07"					F-48-93-A-b
Công ty cổ phần Vận tải thủy Nam Định	KX	P. Trần Quang Khải	TP. Nam Định	20° 24' 38"	106° 10' 13"					F-48-93-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đường Văn Cao	KX	P. Trần Quang Khải	TP. Nam Định			20° 25' 17"	106° 09' 59"	20° 24' 01"	106° 08' 57"	F-48-93-A-b
Sông Đào (sông Nam Định)	TV	P. Trần Quang Khải	TP. Nam Định			20° 25' 53"	106° 12' 16"	20° 15' 08"	106° 05' 47"	F-48-93-A-b
đường Cù Chính Lan	KX	P. Trần Tế Xương	TP. Nam Định			20° 26' 27"	106° 11' 08"	20° 26' 04"	106° 11' 18"	F-48-93-A-b
đường Hàn Thuyên	KX	P. Trần Tế Xương	TP. Nam Định			20° 26' 29"	106° 11' 12"	20° 26' 01"	106° 10' 36"	F-48-93-A-b
đường Phù Nghĩa	KX	P. Trần Tế Xương	TP. Nam Định			20° 26' 25"	106° 11' 04"	20° 27' 11"	106° 10' 46"	F-48-93-A-b
đường Trần Nhật Duật	KX	P. Trần Tế Xương	TP. Nam Định			20° 26' 23"	106° 11' 02"	20° 25' 59"	106° 11' 14"	F-48-93-A-b
đường Trường Chinh	KX	P. Trần Tế Xương	TP. Nam Định			20° 26' 29"	106° 11' 12"	20° 25' 48"	106° 10' 00"	F-48-93-A-b
Trung tâm Y tế Thành phố Nam Định	KX	P. Trần Tế Xương	TP. Nam Định	20° 26' 33"	106° 11' 25"					F-48-93-A-b
Sông Đào (sông Nam Định)	TV	P. Trần Tế Xương	TP. Nam Định			20° 25' 53"	106° 12' 16"	20° 15' 08"	106° 05' 47"	F-48-93-A-b
Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại Xe Đạp - Xe Máy	KX	P. Trường Thi	TP. Nam Định	20° 25' 20"	106° 09' 25"					F-48-93-A-b
Công ty cổ phần Đay Nam Định	KX	P. Trường Thi	TP. Nam Định	20° 25' 25"	106° 09' 19"					F-48-93-A-b
Công ty cổ phần may Nam Hà	KX	P. Trường Thi	TP. Nam Định	20° 25' 23"	106° 09' 24"					F-48-93-A-b
Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Thủ công Mỹ nghệ Nam Định	KX	P. Trường Thi	TP. Nam Định	20° 25' 26"	106° 09' 23"					F-48-93-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đường Giải Phóng	KX	P. Trường Thi	TP. Nam Định			20° 24' 55"	106° 09' 39"	20° 26' 07"	106° 09' 41"	F-48-93-A-b
đường Trần Huy Liệu	KX	P. Trường Thi	TP. Nam Định			20° 25' 15"	106° 09' 57"	20° 24' 12"	106° 07' 46"	F-48-93-A-b
đường Giải Phóng	KX	P. Văn Miếu	TP. Nam Định			20° 24' 55"	106° 09' 39"	20° 26' 07"	106° 09' 41"	F-48-93-A-b
đường Trần Huy Liệu	KX	P. Văn Miếu	TP. Nam Định			20° 25' 15"	106° 09' 57"	20° 24' 12"	106° 07' 46"	F-48-93-A-b
đường Văn Cao	KX	P. Văn Miếu	TP. Nam Định			20° 25' 17"	106° 09' 59"	20° 24' 01"	106° 08' 57"	F-48-93-A-b
Trường Trung học phổ thông Ngô Quyền	KX	P. Văn Miếu	TP. Nam Định	20° 25' 02"	106° 09' 26"					F-48-93-A-b
Xí nghiệp Dịch vụ Bao bì Công ty cổ phần Bia Na Da	KX	P. Văn Miếu	TP. Nam Định	20° 25' 03"	106° 09' 31"					F-48-93-A-b
đường Hàn Thuyên	KX	P. Vị Hoàng	TP. Nam Định			20° 26' 29"	106° 11' 12"	20° 26' 01"	106° 10' 36"	F-48-93-A-b
đường Hùng Vương	KX	P. Vị Hoàng	TP. Nam Định			20° 26' 19"	106° 10' 41"	20° 25' 52"	106° 11' 08"	F-48-93-A-b
đường Lê Hồng Phong	KX	P. Vị Hoàng	TP. Nam Định			20° 26' 07"	106° 11' 10"	20° 25' 37"	106° 10' 27"	F-48-93-A-b
đường Trường Chinh	KX	P. Vị Hoàng	TP. Nam Định			20° 26' 29"	106° 11' 12"	20° 25' 48"	106° 10' 00"	F-48-93-A-b
Mộ Nhà thơ Trần Tế Xương	KX	P. Vị Hoàng	TP. Nam Định	20° 26' 03"	106° 10' 54"					F-48-93-A-b
Nhà lưu niệm Nhà thơ Trần Tế Xương	KX	P. Vị Hoàng	TP. Nam Định	20° 26' 07"	106° 10' 50"					F-48-93-A-b
Sân vận động Thiên Trường	KX	P. Vị Hoàng	TP. Nam Định	20° 26' 15"	106° 10' 42"					F-48-93-A-b
tượng đài Trần Hưng Đạo	KX	P. Vị Hoàng	TP. Nam Định	20° 26' 01"	106° 10' 48"					F-48-93-A-b
hồ Vị Hoàng	TV	P. Vị Hoàng	TP. Nam Định	20° 26' 11"	106° 10' 36"					F-48-93-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
hồ Vị Xuyên	TV	P. Vị Hoàng	TP. Nam Định	20° 25' 56"	106° 10' 51"					F-48-93-A-b
Sông Đào (sông Nam Định)	TV	P. Vị Hoàng	TP. Nam Định			20° 25' 53"	106° 12' 16"	20° 15' 08"	106° 05' 47"	F-48-93-A-b
đường Hàn Thuyên	KX	P. Vị Xuyên	TP. Nam Định			20° 26' 29"	106° 11' 12"	20° 26' 01"	106° 10' 36"	F-48-93-A-b
đường Hùng Vương	KX	P. Vị Xuyên	TP. Nam Định			20° 26' 19"	106° 10' 41"	20° 25' 52"	106° 11' 08"	F-48-93-A-b
đường Lê Hồng Phong	KX	P. Vị Xuyên	TP. Nam Định			20° 26' 07"	106° 11' 10"	20° 25' 37"	106° 10' 27"	F-48-93-A-b
đường Phù Nghĩa	KX	P. Vị Xuyên	TP. Nam Định			20° 26' 25"	106° 11' 04"	20° 27' 11"	106° 10' 46"	F-48-93-A-b
đường Trần Nhật Duật	KX	P. Vị Xuyên	TP. Nam Định			20° 26' 23"	106° 11' 02"	20° 25' 59"	106° 11' 14"	F-48-93-A-b
đường Trường Chinh	KX	P. Vị Xuyên	TP. Nam Định			20° 26' 29"	106° 11' 12"	20° 25' 48"	106° 10' 00"	F-48-93-A-b
Trung tâm Bồi dưỡng Chính trị tỉnh Nam Định	KX	P. Vị Xuyên	TP. Nam Định	20° 26' 12"	106° 11' 00"					F-48-93-A-b
Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định	KX	P. Vị Xuyên	TP. Nam Định	20° 26' 20"	106° 10' 51"					F-48-93-A-b
Trường Trung học phổ thông Chuyên Lê Hồng Phong	KX	P. Vị Xuyên	TP. Nam Định	20° 26' 10"	106° 11' 00"					F-48-93-A-b
Sông Đào (sông Nam Định)	TV	P. Vị Xuyên	TP. Nam Định			20° 25' 53"	106° 12' 16"	20° 15' 08"	106° 05' 47"	F-48-93-A-b
thôn Gia Hòa	DC	xã Lộc An	TP. Nam Định	20° 24' 38"	106° 09' 06"					F-48-93-A-b
thôn Lộng Đồng	DC	xã Lộc An	TP. Nam Định	20° 24' 31"	106° 09' 23"					F-48-93-A-b
thôn Vụ Bản	DC	xã Lộc An	TP. Nam Định	20° 24' 02"	106° 08' 44"					F-48-93-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Thị Kiều	DC	xã Lộc An	TP. Nam Định	20° 24' 31"	106° 09' 11"					F-48-93-A-b
Xóm Trại	DC	xã Lộc An	TP. Nam Định	20° 24' 48"	106° 09' 36"					F-48-93-A-b
Cầu Vụ	KX	xã Lộc An	TP. Nam Định	20° 23' 54"	106° 08' 53"					F-48-93-A-b
đường Lê Đức Thọ	KX	xã Lộc An	TP. Nam Định			20° 24' 08"	106° 09' 01"	20° 23' 53"	106° 12' 03"	F-48-93-A-b
đường Trần Huy Liệu	KX	xã Lộc An	TP. Nam Định			20° 25' 15"	106° 09' 57"	20° 24' 12"	106° 07' 46"	F-48-93-A-b
đường Văn Cao	KX	xã Lộc An	TP. Nam Định			20° 25' 17"	106° 09' 59"	20° 24' 01"	106° 08' 57"	F-48-93-A-b
Quốc lộ 10	KX	xã Lộc An	TP. Nam Định			20° 26' 41"	106° 13' 01"	20° 15' 59"	105° 58' 44"	F-48-93-A-b
khu đô thị mới Hòa Vượng	DC	xã Lộc Hòa	TP. Nam Định	20° 26' 12"	106° 09' 11"					F-48-93-A-b
xóm 1 Lương Xá	DC	xã Lộc Hòa	TP. Nam Định	20° 26' 05"	106° 08' 13"					F-48-93-A-b
xóm 1 Phú Ốc	DC	xã Lộc Hòa	TP. Nam Định	20° 26' 47"	106° 08' 37"					F-48-93-A-b
xóm 1 Tân An	DC	xã Lộc Hòa	TP. Nam Định	20° 25' 54"	106° 09' 21"					F-48-93-A-b
xóm 2 Lương Xá	DC	xã Lộc Hòa	TP. Nam Định	20° 25' 54"	106° 08' 02"					F-48-93-A-b
xóm 2 Phú Ốc	DC	xã Lộc Hòa	TP. Nam Định	20° 26' 15"	106° 08' 24"					F-48-93-A-b
xóm 2 Tân An	DC	xã Lộc Hòa	TP. Nam Định	20° 25' 56"	106° 09' 12"					F-48-93-A-b
xóm 3 Lương Xá	DC	xã Lộc Hòa	TP. Nam Định	20° 25' 54"	106° 07' 53"					F-48-93-A-b
xóm 3 Phú Ốc	DC	xã Lộc Hòa	TP. Nam Định	20° 26' 13"	106° 08' 35"					F-48-93-A-b
xóm 3 Tân An	DC	xã Lộc Hòa	TP. Nam Định	20° 26' 02"	106° 08' 57"					F-48-93-A-b
xóm 4 Lương Xá	DC	xã Lộc Hòa	TP. Nam Định	20° 25' 46"	106° 07' 19"					F-48-93-A-a
xóm 4 Phú Ốc	DC	xã Lộc Hòa	TP. Nam Định	20° 26' 23"	106° 08' 34"					F-48-93-A-b
xóm 5 Lương Xá	DC	xã Lộc Hòa	TP. Nam Định	20° 25' 11"	106° 07' 51"					F-48-93-A-b
xóm 5 Phú Ốc	DC	xã Lộc Hòa	TP. Nam Định	20° 26' 07"	106° 08' 31"					F-48-93-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cầu vượt Nam Định	KX	xã Lộc Hòa	TP. Nam Định	20° 26' 04"	106° 08' 54"					F-48-93-A-b
Chùa Thỏ	KX	xã Lộc Hòa	TP. Nam Định	20° 26' 16"	106° 08' 36"					F-48-93-A-b
đường Điện Biên	KX	xã Lộc Hòa	TP. Nam Định			20° 25' 48"	106° 10' 00"	20° 26' 04"	106° 08' 54"	F-48-93-A-b
đường Đông A	KX	xã Lộc Hòa	TP. Nam Định			20° 26' 20"	106° 09' 08"	20° 26' 07"	106° 09' 41"	F-48-93-A-b
đường Giải Phóng	KX	xã Lộc Hòa	TP. Nam Định			20° 24' 55"	106° 09' 39"	20° 26' 07"	106° 09' 41"	F-48-93-A-b
Quốc lộ 10	KX	xã Lộc Hòa	TP. Nam Định			20° 26' 41"	106° 13' 01"	20° 15' 59"	105° 58' 44"	F-48-93-A-b
Quốc lộ 21	KX	xã Lộc Hòa	TP. Nam Định			20° 28' 19"	106° 02' 33"	20° 01' 27"	106° 12' 13"	F-48-93-A-b
Quốc lộ 21B	KX	xã Lộc Hòa	TP. Nam Định			20° 27' 45"	106° 04' 44"	20° 03' 29"	106° 07' 42"	F-48-93-A-b
Quốc lộ 38B	KX	xã Lộc Hòa	TP. Nam Định			20° 28' 53"	106° 10' 42"	20° 15' 59"	105° 58' 44"	F-48-93-A-b
sông Vĩnh Giang	TV	xã Lộc Hòa	TP. Nam Định			20° 28' 12"	106° 11' 23"	20° 24' 45"	106° 07' 56"	F-48-93-A-b
thôn Phúc Trọng	DC	xã Mỹ Xá	TP. Nam Định	20° 25' 34"	106° 09' 06"					F-48-93-A-b
thôn Vị Dương	DC	xã Mỹ Xá	TP. Nam Định	20° 24' 51"	106° 08' 47"					F-48-93-A-b
xóm 1 Mỹ Trọng	DC	xã Mỹ Xá	TP. Nam Định	20° 25' 00"	106° 09' 18"					F-48-93-A-b
xóm 2 Mỹ Trọng	DC	xã Mỹ Xá	TP. Nam Định	20° 25' 12"	106° 09' 12"					F-48-93-A-b
xóm 3 Mỹ Trọng	DC	xã Mỹ Xá	TP. Nam Định	20° 25' 06"	106° 08' 55"					F-48-93-A-b
xóm 4 Mỹ Trọng	DC	xã Mỹ Xá	TP. Nam Định	20° 25' 33"	106° 08' 21"					F-48-93-A-b
xóm Bến Mai Xá	DC	xã Mỹ Xá	TP. Nam Định	20° 24' 50"	106° 08' 39"					F-48-93-A-b
xóm Đoài 1 Mai Xá	DC	xã Mỹ Xá	TP. Nam Định	20° 24' 16"	106° 07' 59"					F-48-93-A-b
xóm Đoài 2 Mai Xá	DC	xã Mỹ Xá	TP. Nam Định	20° 24' 06"	106° 08' 06"					F-48-93-A-b
xóm Gôi Mai Xá	DC	xã Mỹ Xá	TP. Nam Định	20° 25' 31"	106° 08' 16"					F-48-93-A-b
xóm Thắng Mai Xá	DC	xã Mỹ Xá	TP. Nam Định	20° 24' 10"	106° 08' 13"					F-48-93-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Thượng Mai Xá	DC	xã Mỹ Xá	TP. Nam Định	20° 24' 25"	106° 08' 02"					F-48-93-A-b
xóm Trung Mai Xá	DC	xã Mỹ Xá	TP. Nam Định	20° 24' 15"	106° 08' 11"					F-48-93-A-b
cầu An Duyên	KX	xã Mỹ Xá	TP. Nam Định	20° 24' 12"	106° 07' 46"					F-48-93-A-b
Công ty cổ phần Najimex	KX	xã Mỹ Xá	TP. Nam Định	20° 25' 09"	106° 08' 39"					F-48-93-A-b
Công ty trách nhiệm hữu hạn Youngone	KX	xã Mỹ Xá	TP. Nam Định	20° 25' 14"	106° 08' 23"					F-48-93-A-b
đường Giải Phóng	KX	xã Mỹ Xá	TP. Nam Định			20° 24' 55"	106° 09' 39"	20° 26' 07"	106° 09' 41"	F-48-93-A-b
đường Trần Huy Liệu	KX	xã Mỹ Xá	TP. Nam Định			20° 25' 15"	106° 09' 57"	20° 24' 12"	106° 07' 46"	F-48-93-A-b
Khu công nghiệp Hòa Xá	KX	xã Mỹ Xá	TP. Nam Định	20° 25' 32"	106° 08' 44"					F-48-93-A-b
Quốc lộ 10	KX	xã Mỹ Xá	TP. Nam Định			20° 26' 41"	106° 13' 01"	20° 15' 59"	105° 58' 44"	F-48-93-A-b
Quốc lộ 38B	KX	xã Mỹ Xá	TP. Nam Định			20° 28' 53"	106° 10' 42"	20° 15' 59"	105° 58' 44"	F-48-93-A-b
sông An Duyên	TV	xã Mỹ Xá	TP. Nam Định			20° 24' 45"	106° 07' 56"	20° 23' 24"	106° 07' 47"	F-48-93-A-b
sông Vĩnh Giang	TV	xã Mỹ Xá	TP. Nam Định			20° 28' 12"	106° 11' 23"	20° 24' 45"	106° 07' 56"	F-48-93-A-b
xóm 1 Đò Quan	DC	xã Nam Phong	TP. Nam Định	20° 25' 15"	106° 10' 47"					F-48-93-A-b
xóm Cộng Hoà	DC	xã Nam Phong	TP. Nam Định	20° 25' 33"	106° 11' 55"					F-48-93-A-b
xóm Đồng Ích	DC	xã Nam Phong	TP. Nam Định	20° 25' 38"	106° 12' 00"					F-48-93-A-b
xóm Đồng Lạc	DC	xã Nam Phong	TP. Nam Định	20° 25' 38"	106° 11' 36"					F-48-93-A-b
xóm Đồng Ngãi	DC	xã Nam Phong	TP. Nam Định	20° 25' 03"	106° 11' 31"					F-48-93-A-b
xóm Hùng Vương	DC	xã Nam Phong	TP. Nam Định	20° 25' 16"	106° 10' 54"					F-48-93-A-b
xóm Long Giang	DC	xã Nam Phong	TP. Nam Định	20° 25' 19"	106° 10' 49"					F-48-93-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Mỹ Lợi 1	DC	xã Nam Phong	TP. Nam Định	20° 26' 20"	106° 12' 04"					F-48-93-A-b
xóm Mỹ Lợi 2	DC	xã Nam Phong	TP. Nam Định	20° 26' 24"	106° 11' 47"					F-48-93-A-b
xóm Mỹ Tiến 1	DC	xã Nam Phong	TP. Nam Định	20° 25' 58"	106° 11' 52"					F-48-93-A-b
xóm Mỹ Tiến 2	DC	xã Nam Phong	TP. Nam Định	20° 25' 59"	106° 11' 45"					F-48-93-A-b
xóm Nam Hùng 1	DC	xã Nam Phong	TP. Nam Định	20° 25' 07"	106° 12' 25"					F-48-93-A-b
xóm Nam Hùng 2	DC	xã Nam Phong	TP. Nam Định	20° 25' 40"	106° 12' 20"					F-48-93-A-b
xóm Nam Phong	DC	xã Nam Phong	TP. Nam Định	20° 25' 17"	106° 12' 20"					F-48-93-A-b
xóm Nhất Thanh	DC	xã Nam Phong	TP. Nam Định	20° 26' 14"	106° 12' 07"					F-48-93-A-b
xóm Phong Lộc Đông	DC	xã Nam Phong	TP. Nam Định	20° 25' 05"	106° 11' 26"					F-48-93-A-b
xóm Quang Trung	DC	xã Nam Phong	TP. Nam Định	20° 25' 30"	106° 10' 59"					F-48-93-A-b
xóm Tân Lập	DC	xã Nam Phong	TP. Nam Định	20° 25' 07"	106° 10' 54"					F-48-93-A-b
xóm Tiền Phong	DC	xã Nam Phong	TP. Nam Định	20° 25' 46"	106° 11' 49"					F-48-93-A-b
xóm Trung Thành	DC	xã Nam Phong	TP. Nam Định	20° 25' 33"	106° 11' 41"					F-48-93-A-b
cầu Đò Quan	KX	xã Nam Phong	TP. Nam Định	20° 25' 18"	106° 10' 42"					F-48-93-A-b
cầu Nam Phong	KX	xã Nam Phong	TP. Nam Định	20° 25' 07"	106° 11' 30"					F-48-93-A-b
cầu Tân Phong	KX	xã Nam Phong	TP. Nam Định	20° 26' 41"	106° 12' 04"					F-48-93-A-b
đền Tam Phủ	KX	xã Nam Phong	TP. Nam Định	20° 25' 45"	106° 12' 19"					F-48-93-A-b
đường Đặng Xuân Bảng	KX	xã Nam Phong	TP. Nam Định			20° 25' 16"	106° 10' 44"	20° 24' 27"	106° 11' 36"	F-48-93-A-b
Quốc lộ 21	KX	xã Nam Phong	TP. Nam Định			20° 28' 19"	106° 02' 33"	20° 01' 27"	106° 12' 13"	F-48-93-A-b
Quốc lộ 21B	KX	xã Nam Phong	TP. Nam Định			20° 27' 45"	106° 04' 44"	20° 03' 29"	106° 07' 42"	F-48-93-A-b
Trường Đào tạo Nghề	KX	xã Nam Phong	TP. Nam Định	20° 25' 10"	106° 11' 46"					F-48-93-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
số 3 Bộ quốc phòng										
sông Châu Thành	TV	xã Nam Phong	TP. Nam Định			20° 25' 09"	106° 12' 37"	20° 16' 54"	106° 13' 18"	F-48-93-A-b
Sông Đào (sông Nam Định)	TV	xã Nam Phong	TP. Nam Định			20° 25' 53"	106° 12' 16"	20° 15' 08"	106° 05' 47"	F-48-93-A-b
Sông Hồng	TV	xã Nam Phong	TP. Nam Định			20° 29' 09"	106° 10' 53"	20° 15' 05"	106° 35' 06"	F-48-93-A-b
thôn Địch Lễ A	DC	xã Nam Vân	TP. Nam Định	20° 24' 43"	106° 11' 16"					F-48-93-A-b
thôn Địch Lễ B	DC	xã Nam Vân	TP. Nam Định	20° 24' 25"	106° 11' 14"					F-48-93-A-b
Xóm 2	DC	xã Nam Vân	TP. Nam Định	20° 24' 00"	106° 11' 07"					F-48-93-A-b
xóm 3 - Vân Cát	DC	xã Nam Vân	TP. Nam Định	20° 23' 58"	106° 10' 43"					F-48-93-A-b
xóm 4 và 5	DC	xã Nam Vân	TP. Nam Định	20° 23' 48"	106° 11' 02"					F-48-93-A-b
Xóm 6	DC	xã Nam Vân	TP. Nam Định	20° 23' 41"	106° 11' 14"					F-48-93-A-b
Xóm 7A	DC	xã Nam Vân	TP. Nam Định	20° 23' 36"	106° 10' 45"					F-48-93-A-b
Xóm 7B	DC	xã Nam Vân	TP. Nam Định	20° 23' 35"	106° 10' 54"					F-48-93-A-b
Xóm 8	DC	xã Nam Vân	TP. Nam Định	20° 23' 38"	106° 12' 19"					F-48-93-A-b
xóm Vân Lợi	DC	xã Nam Vân	TP. Nam Định	20° 24' 21"	106° 11' 18"					F-48-93-A-b
xóm Vân Trung	DC	xã Nam Vân	TP. Nam Định	20° 24' 07"	106° 11' 02"					F-48-93-A-b
cầu Nam Vân	KX	xã Nam Vân	TP. Nam Định	20° 23' 32"	106° 12' 24"					F-48-93-A-b
chùa Bồ Đề	KX	xã Nam Vân	TP. Nam Định	20° 24' 18"	106° 10' 47"					F-48-93-A-b
chùa Liên Hoa	KX	xã Nam Vân	TP. Nam Định	20° 24' 43"	106° 11' 15"					F-48-93-A-b
chùa Vân Sơn	KX	xã Nam Vân	TP. Nam Định	20° 23' 39"	106° 10' 38"					F-48-93-A-b
đường Đặng Xuân Bảng	KX	xã Nam Vân	TP. Nam Định			20° 25' 16"	106° 10' 44"	20° 24' 27"	106° 11' 36"	F-48-93-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đường Lê Đức Thọ	KX	xã Nam Vân	TP. Nam Định			20° 24' 08"	106° 09' 01"	20° 23' 53"	106° 12' 03"	F-48-93-A-b
Đường tỉnh 490C	KX	xã Nam Vân	TP. Nam Định			20° 25' 11"	106° 10' 49"	19° 58' 08"	106° 08' 13"	F-48-93-A-b
đường Vũ Hữu Lợi	KX	xã Nam Vân	TP. Nam Định			20° 25' 11"	106° 10' 49"	20° 23' 17"	106° 10' 41"	F-48-93-A-b
Khu tưởng niệm Đồng chí Lê Đức Thọ	KX	xã Nam Vân	TP. Nam Định	20° 24' 21"	106° 11' 10"					F-48-93-A-b
Quốc lộ 21	KX	xã Nam Vân	TP. Nam Định			20° 28' 19"	106° 02' 33"	20° 01' 27"	106° 12' 13"	F-48-93-A-b
Quốc lộ 21B	KX	xã Nam Vân	TP. Nam Định			20° 27' 45"	106° 04' 44"	20° 03' 29"	106° 07' 42"	F-48-93-A-b
Sông Đào (sông Nam Định)	TV	xã Nam Vân	TP. Nam Định			20° 25' 53"	106° 12' 16"	20° 15' 08"	106° 05' 47"	F-48-93-A-b
Tổ dân phố 1	DC	TT. Ngô Đồng	H. Giao Thủy	20° 17' 40"	106° 26' 01"					F-48-93-B-d
Tổ dân phố 2	DC	TT. Ngô Đồng	H. Giao Thủy	20° 17' 18"	106° 26' 18"					F-48-93-B-d
Tổ dân phố 3	DC	TT. Ngô Đồng	H. Giao Thủy	20° 17' 12"	106° 26' 24"					F-48-93-B-d
Tổ dân phố 4A	DC	TT. Ngô Đồng	H. Giao Thủy	20° 17' 13"	106° 26' 50"					F-48-93-B-d
Tổ dân phố 4B	DC	TT. Ngô Đồng	H. Giao Thủy	20° 17' 00"	106° 26' 35"					F-48-93-B-d
Tổ dân phố 5A	DC	TT. Ngô Đồng	H. Giao Thủy	20° 17' 00"	106° 26' 19"					F-48-93-B-d
Tổ dân phố 5B	DC	TT. Ngô Đồng	H. Giao Thủy	20° 16' 50"	106° 26' 25"					F-48-93-B-d
Tổ dân phố 6	DC	TT. Ngô Đồng	H. Giao Thủy	20° 17' 00"	106° 26' 09"					F-48-93-B-d
bến khách ngang sông Cồn Nhất	KX	TT. Ngô Đồng	H. Giao Thủy	20° 17' 23"	106° 26' 57"					F-48-93-B-d
bến khách ngang sông Ngô Đồng	KX	TT. Ngô Đồng	H. Giao Thủy	20° 17' 55"	106° 25' 50"					F-48-93-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cầu Xuất Khẩu	KX	TT. Ngô Đồng	H. Giao Thủy	20° 16' 43"	106° 26' 22"					F-48-93-B-d
Đường tỉnh 488	KX	TT. Ngô Đồng	H. Giao Thủy			20° 19' 45"	106° 19' 33"	20° 13' 02"	106° 27' 52"	F-48-93-B-d
Đường tỉnh 489	KX	TT. Ngô Đồng	H. Giao Thủy			20° 22' 17"	106° 20' 31"	20° 14' 42"	106° 34' 09"	F-48-93-B-d
Quốc lộ 37B	KX	TT. Ngô Đồng	H. Giao Thủy			20° 17' 28"	106° 27' 00"	20° 24' 01"	106° 00' 44"	F-48-93-B-d
sông Cồn Nhất	TV	TT. Ngô Đồng	H. Giao Thủy			20° 13' 36"	106° 23' 27"	20° 17' 21"	106° 27' 05"	F-48-93-B-d
Sông Hồng	TV	TT. Ngô Đồng	H. Giao Thủy			20° 29' 09"	106° 10' 53"	20° 15' 05"	106° 35' 06"	F-48-93-B-d
Sông Láng	TV	TT. Ngô Đồng	H. Giao Thủy			20° 20' 33"	106° 21' 34"	20° 16' 42"	106° 26' 23"	F-48-93-B-d
tổ dân phố Bình Trung	DC	TT. Quất Lâm	H. Giao Thủy	20° 11' 27"	106° 21' 36"					F-48-93-D-a
tổ dân phố Cồn Tầu Đông	DC	TT. Quất Lâm	H. Giao Thủy	20° 12' 19"	106° 22' 52"					F-48-93-D-b
tổ dân phố Cồn Tầu Nam	DC	TT. Quất Lâm	H. Giao Thủy	20° 12' 06"	106° 22' 43"					F-48-93-D-b
tổ dân phố Cồn Tầu Tây	DC	TT. Quất Lâm	H. Giao Thủy	20° 11' 42"	106° 22' 21"					F-48-93-D-a
tổ dân phố Lâm Chính	DC	TT. Quất Lâm	H. Giao Thủy	20° 11' 36"	106° 21' 42"					F-48-93-D-a
tổ dân phố Lâm Dũng	DC	TT. Quất Lâm	H. Giao Thủy	20° 12' 32"	106° 22' 02"					F-48-93-D-a
tổ dân phố Lâm Hạ	DC	TT. Quất Lâm	H. Giao Thủy	20° 11' 42"	106° 21' 51"					F-48-93-D-a
tổ dân phố Lâm Hòa	DC	TT. Quất Lâm	H. Giao Thủy	20° 11' 15"	106° 21' 35"					F-48-93-D-a
tổ dân phố Lâm Khang	DC	TT. Quất Lâm	H. Giao Thủy	20° 12' 12"	106° 22' 12"					F-48-93-D-a
tổ dân phố Lâm Ninh	DC	TT. Quất Lâm	H. Giao Thủy	20° 12' 08"	106° 21' 59"					F-48-93-D-a
tổ dân phố Lâm Quý	DC	TT. Quất Lâm	H. Giao Thủy	20° 12' 43"	106° 22' 11"					F-48-93-D-a
tổ dân phố Lâm Sơn	DC	TT. Quất Lâm	H. Giao Thủy	20° 12' 27"	106° 21' 47"					F-48-93-D-a
tổ dân phố Lâm Tân	DC	TT. Quất Lâm	H. Giao Thủy	20° 11' 55"	106° 22' 08"					F-48-93-D-a
tổ dân phố Lâm Thọ	DC	TT. Quất Lâm	H. Giao Thủy	20° 12' 24"	106° 22' 23"					F-48-93-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tổ dân phố Lâm Thượng	DC	TT. Quất Lâm	H. Giao Thủy	20° 11' 49"	106° 21' 57"					F-48-93-D-a
tổ dân phố Lâm Tiên	DC	TT. Quất Lâm	H. Giao Thủy	20° 12' 34"	106° 22' 29"					F-48-93-D-a
tổ dân phố Ninh Tiến	DC	TT. Quất Lâm	H. Giao Thủy	20° 12' 01"	106° 21' 56"					F-48-93-D-a
bãi tắm Quất Lâm	KX	TT. Quất Lâm	H. Giao Thủy	20° 11' 26"	106° 22' 44"					F-48-93-D-b
Đường tỉnh 489B	KX	TT. Quất Lâm	H. Giao Thủy			20° 14' 40"	106° 19' 20"	20° 11' 31"	106° 22' 50"	F-48-93-D-a
Quốc lộ 37B	KX	TT. Quất Lâm	H. Giao Thủy			20° 17' 28"	106° 27' 00"	20° 24' 01"	106° 00' 44"	F-48-93-D-a
Sông Sò	TV	TT. Quất Lâm	H. Giao Thủy			20° 18' 00"	106° 25' 43"	20° 10' 38"	106° 21' 18"	F-48-93-D-a
xóm Hải Ninh	DC	xã Bạch Long	H. Giao Thủy	20° 13' 52"	106° 24' 09"					F-48-93-D-b
xóm Hải Yến	DC	xã Bạch Long	H. Giao Thủy	20° 13' 49"	106° 23' 53"					F-48-93-D-b
xóm Hoành Tiến	DC	xã Bạch Long	H. Giao Thủy	20° 13' 38"	106° 24' 05"					F-48-93-D-b
xóm Liên Hải	DC	xã Bạch Long	H. Giao Thủy	20° 13' 44"	106° 23' 57"					F-48-93-D-b
xóm Liên Hoan	DC	xã Bạch Long	H. Giao Thủy	20° 13' 36"	106° 23' 39"					F-48-93-D-b
xóm Nam Hải	DC	xã Bạch Long	H. Giao Thủy	20° 13' 49"	106° 24' 10"					F-48-93-D-b
xóm Tân Phú	DC	xã Bạch Long	H. Giao Thủy	20° 13' 31"	106° 23' 41"					F-48-93-D-b
xóm Thành Tiến	DC	xã Bạch Long	H. Giao Thủy	20° 13' 49"	106° 23' 59"					F-48-93-D-b
xóm Trung Đường	DC	xã Bạch Long	H. Giao Thủy	20° 13' 52"	106° 24' 45"					F-48-93-D-b
xóm Xuân Ninh	DC	xã Bạch Long	H. Giao Thủy	20° 14' 01"	106° 24' 58"					F-48-93-D-b
Xóm 1	DC	xã Bình Hòa	H. Giao Thủy	20° 16' 49"	106° 26' 41"					F-48-93-B-d
Xóm 2	DC	xã Bình Hòa	H. Giao Thủy	20° 16' 34"	106° 26' 52"					F-48-93-B-d
Xóm 3	DC	xã Bình Hòa	H. Giao Thủy	20° 16' 28"	106° 27' 00"					F-48-93-B-d
Xóm 4	DC	xã Bình Hòa	H. Giao Thủy	20° 16' 22"	106° 27' 05"					F-48-93-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Xóm 5	DC	xã Bình Hòa	H. Giao Thủy	20° 16' 08"	106° 27' 19"					F-48-93-B-d
Xóm 6	DC	xã Bình Hòa	H. Giao Thủy	20° 15' 51"	106° 27' 32"					F-48-93-B-d
Xóm 7	DC	xã Bình Hòa	H. Giao Thủy	20° 15' 30"	106° 27' 43"					F-48-93-B-d
Xóm 8	DC	xã Bình Hòa	H. Giao Thủy	20° 15' 13"	106° 27' 57"					F-48-93-B-d
Xóm 10	DC	xã Bình Hòa	H. Giao Thủy	20° 14' 53"	106° 28' 11"					F-48-93-D-b
Xóm 11	DC	xã Bình Hòa	H. Giao Thủy	20° 15' 39"	106° 28' 07"					F-48-93-B-d
Xóm 12	DC	xã Bình Hòa	H. Giao Thủy	20° 15' 50"	106° 28' 05"					F-48-93-B-d
Xóm 13	DC	xã Bình Hòa	H. Giao Thủy	20° 16' 22"	106° 27' 50"					F-48-93-B-d
Xóm 14	DC	xã Bình Hòa	H. Giao Thủy	20° 16' 31"	106° 27' 26"					F-48-93-B-d
Xóm 15	DC	xã Bình Hòa	H. Giao Thủy	20° 16' 53"	106° 27' 16"					F-48-93-B-d
Xóm 16	DC	xã Bình Hòa	H. Giao Thủy	20° 17' 09"	106° 27' 01"					F-48-93-B-d
chùa Diêm Điền	KX	xã Bình Hòa	H. Giao Thủy	20° 17' 08"	106° 26' 37"					F-48-93-B-d
đền Diêm Điền	KX	xã Bình Hòa	H. Giao Thủy	20° 17' 14"	106° 26' 42"					F-48-93-B-d
sông Cồn Năm	TV	xã Bình Hòa	H. Giao Thủy			20° 18' 31"	106° 29' 56"	20° 12' 59"	106° 27' 19"	F-48-93-B-d, F-48-93-D-b
sông Cồn Nhất	TV	xã Bình Hòa	H. Giao Thủy			20° 13' 36"	106° 23' 27"	20° 17' 21"	106° 27' 05"	F-48-93-B-d
sông Diêm Điền	TV	xã Bình Hòa	H. Giao Thủy			20° 14' 48"	106° 28' 12"	20° 16' 50"	106° 26' 34"	F-48-93-B-d, F-48-93-D-b
sông Thuận Hoà	TV	xã Bình Hòa	H. Giao Thủy			20° 15' 30"	106° 28' 46"	20° 17' 16"	106° 27' 00"	F-48-93-B-d
Xóm 1	DC	xã Giao An	H. Giao Thủy	20° 15' 10"	106° 30' 42"					F-48-94-A-c
Xóm 2	DC	xã Giao An	H. Giao Thủy	20° 15' 29"	106° 30' 29"					F-48-94-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Xóm 3	DC	xã Giao An	H. Giao Thủy	20° 15' 22"	106° 30' 17"					F-48-94-A-c
Xóm 4	DC	xã Giao An	H. Giao Thủy	20° 15' 29"	106° 30' 03"					F-48-94-A-c
Xóm 5	DC	xã Giao An	H. Giao Thủy	20° 15' 26"	106° 30' 56"					F-48-94-A-c
Xóm 6	DC	xã Giao An	H. Giao Thủy	20° 15' 45"	106° 30' 44"					F-48-94-A-c
Xóm 7	DC	xã Giao An	H. Giao Thủy	20° 15' 38"	106° 30' 34"					F-48-94-A-c
Xóm 8	DC	xã Giao An	H. Giao Thủy	20° 15' 55"	106° 30' 56"					F-48-94-A-c
Xóm 9	DC	xã Giao An	H. Giao Thủy	20° 15' 35"	106° 31' 06"					F-48-94-A-c
Xóm 10	DC	xã Giao An	H. Giao Thủy	20° 16' 16"	106° 30' 46"					F-48-94-A-c
Xóm 11	DC	xã Giao An	H. Giao Thủy	20° 15' 59"	106° 31' 06"					F-48-94-A-c
Xóm 12	DC	xã Giao An	H. Giao Thủy	20° 15' 46"	106° 31' 20"					F-48-94-A-c
Xóm 13	DC	xã Giao An	H. Giao Thủy	20° 16' 10"	106° 31' 19"					F-48-94-A-c
Xóm 14	DC	xã Giao An	H. Giao Thủy	20° 16' 19"	106° 31' 31"					F-48-94-A-c
Xóm 15	DC	xã Giao An	H. Giao Thủy	20° 16' 29"	106° 31' 14"					F-48-94-A-c
Xóm 16	DC	xã Giao An	H. Giao Thủy	20° 16' 02"	106° 31' 46"					F-48-94-A-c
Xóm 17	DC	xã Giao An	H. Giao Thủy	20° 15' 25"	106° 31' 33"					F-48-94-A-c
Xóm 18	DC	xã Giao An	H. Giao Thủy	20° 15' 13"	106° 31' 19"					F-48-94-A-c
Xóm 19	DC	xã Giao An	H. Giao Thủy	20° 14' 54"	106° 31' 04"					F-48-94-C-a
Xóm 20	DC	xã Giao An	H. Giao Thủy	20° 15' 32"	106° 31' 40"					F-48-94-A-c
Xóm 21	DC	xã Giao An	H. Giao Thủy	20° 15' 38"	106° 31' 48"					F-48-94-A-c
Xóm 22	DC	xã Giao An	H. Giao Thủy	20° 15' 45"	106° 31' 56"					F-48-94-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Đường tỉnh 489	KX	xã Giao An	H. Giao Thủy			20° 22' 17"	106° 20' 31"	20° 14' 42"	106° 34' 09"	F-48-93-B-d, F-48-94-A-c, F-48-94-C-a
sông Hàng Tổng	TV	xã Giao An	H. Giao Thủy			20° 15' 33"	106° 29' 56"	20° 16' 38"	106° 31' 07"	F-48-93-B-d, F-48-94-A-c, F-48-94-C-a
sông Nguyễn Văn Bé	TV	xã Giao An	H. Giao Thủy			20° 17' 17"	106° 32' 56"	20° 12' 59"	106° 27' 19"	F-48-94-A-c, F-48-94-C-a
sông VB10	TV	xã Giao An	H. Giao Thủy			20° 16' 01"	106° 29' 29"	20° 14' 41"	106° 30' 48"	F-48-93-B-d, F-48-94-A-c, F-48-94-C-a
Sông Vọp	TV	xã Giao An	H. Giao Thủy			20° 16' 31"	106° 33' 48"	20° 13' 42"	106° 32' 26"	F-48-94-A-c
xóm Đông Sơn	DC	xã Giao Châu	H. Giao Thủy	20° 15' 17"	106° 24' 46"					F-48-93-B-d
xóm Lạc Thuần	DC	xã Giao Châu	H. Giao Thủy	20° 15' 28"	106° 24' 40"					F-48-93-B-d
xóm Minh Đoàn	DC	xã Giao Châu	H. Giao Thủy	20° 15' 56"	106° 24' 19"					F-48-93-B-d
xóm Minh Lạc	DC	xã Giao Châu	H. Giao Thủy	20° 15' 46"	106° 24' 19"					F-48-93-B-d
xóm Minh Thắng	DC	xã Giao Châu	H. Giao Thủy	20° 15' 32"	106° 24' 07"					F-48-93-B-d
xóm Mỹ Bình	DC	xã Giao Châu	H. Giao Thủy	20° 15' 14"	106° 24' 31"					F-48-93-B-d
xóm Tây Sơn	DC	xã Giao Châu	H. Giao Thủy	20° 15' 07"	106° 24' 35"					F-48-93-B-d
xóm Thành Thắng	DC	xã Giao Châu	H. Giao Thủy	20° 15' 09"	106° 24' 22"					F-48-93-B-d
xóm Tiên Hưng	DC	xã Giao Châu	H. Giao Thủy	20° 15' 39"	106° 24' 54"					F-48-93-B-d
xóm Tiên Long	DC	xã Giao Châu	H. Giao Thủy	20° 15' 34"	106° 24' 47"					F-48-93-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Tiên Thành	DC	xã Giao Châu	H. Giao Thủy	20° 15' 19"	106° 24' 52"					F-48-93-B-d
xóm Tiên Thuỷ	DC	xã Giao Châu	H. Giao Thủy	20° 15' 31"	106° 25' 01"					F-48-93-B-d
Quốc lộ 37B	KX	xã Giao Châu	H. Giao Thủy			20° 17' 28"	106° 27' 00"	20° 24' 01"	106° 00' 44"	F-48-93-B-d
sông Cồn Nhất	TV	xã Giao Châu	H. Giao Thủy			20° 13' 36"	106° 23' 27"	20° 17' 21"	106° 27' 05"	F-48-93-B-d
sông Cồn Nhất 13	TV	xã Giao Châu	H. Giao Thủy			20° 15' 37"	106° 25' 03"	20° 13' 06"	106° 26' 50"	F-48-93-B-d, F-48-93-D-b
Xóm 1	DC	xã Giao Hà	H. Giao Thủy	20° 16' 23"	106° 26' 02"					F-48-93-B-d
Xóm 2	DC	xã Giao Hà	H. Giao Thủy	20° 16' 22"	106° 26' 26"					F-48-93-B-d
Xóm 3	DC	xã Giao Hà	H. Giao Thủy	20° 15' 39"	106° 26' 40"					F-48-93-B-d
Xóm 4	DC	xã Giao Hà	H. Giao Thủy	20° 15' 25"	106° 26' 59"					F-48-93-B-d
Xóm 5	DC	xã Giao Hà	H. Giao Thủy	20° 15' 09"	106° 27' 23"					F-48-93-B-d
Xóm 6	DC	xã Giao Hà	H. Giao Thủy	20° 14' 49"	106° 27' 42"					F-48-93-D-b
Xóm 7	DC	xã Giao Hà	H. Giao Thủy	20° 15' 01"	106° 27' 35"					F-48-93-B-d
Xóm 8	DC	xã Giao Hà	H. Giao Thủy	20° 15' 20"	106° 27' 22"					F-48-93-B-d
Xóm 9	DC	xã Giao Hà	H. Giao Thủy	20° 15' 41"	106° 27' 03"					F-48-93-B-d
Xóm 10	DC	xã Giao Hà	H. Giao Thủy	20° 15' 57"	106° 26' 52"					F-48-93-B-d
Xóm 11	DC	xã Giao Hà	H. Giao Thủy	20° 16' 32"	106° 26' 45"					F-48-93-B-d
Xóm 12	DC	xã Giao Hà	H. Giao Thủy	20° 16' 29"	106° 26' 26"					F-48-93-B-d
sông Cồn Năm	TV	xã Giao Hà	H. Giao Thủy			20° 18' 31"	106° 29' 56"	20° 12' 59"	106° 27' 19"	F-48-93-D-b
sông Cồn Nhất	TV	xã Giao Hà	H. Giao Thủy			20° 13' 36"	106° 23' 27"	20° 17' 21"	106° 27' 05"	F-48-93-B-d
sông Diêm Điền	TV	xã Giao Hà	H. Giao Thủy			20° 14' 48"	106° 28' 12"	20° 16' 50"	106° 26' 34"	F-48-93-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Nhân Hà	TV	xã Giao Hà	H. Giao Thủy			20° 15' 04"	106° 26' 56"	20° 16' 24"	106° 25' 57"	F-48-93-B-d
Xóm 1	DC	xã Giao Hải	H. Giao Thủy	20° 14' 39"	106° 27' 12"					F-48-93-D-b
Xóm 2	DC	xã Giao Hải	H. Giao Thủy	20° 14' 18"	106° 27' 28"					F-48-93-D-b
Xóm 3	DC	xã Giao Hải	H. Giao Thủy	20° 14' 01"	106° 27' 42"					F-48-93-D-b
Xóm 4	DC	xã Giao Hải	H. Giao Thủy	20° 13' 57"	106° 27' 47"					F-48-93-D-b
Xóm 5	DC	xã Giao Hải	H. Giao Thủy	20° 13' 51"	106° 27' 54"					F-48-93-D-b
Xóm 6	DC	xã Giao Hải	H. Giao Thủy	20° 13' 50"	106° 27' 42"					F-48-93-D-b
Xóm 7	DC	xã Giao Hải	H. Giao Thủy	20° 13' 44"	106° 27' 48"					F-48-93-D-b
Xóm 8	DC	xã Giao Hải	H. Giao Thủy	20° 13' 11"	106° 27' 44"					F-48-93-D-b
Xóm 9	DC	xã Giao Hải	H. Giao Thủy	20° 13' 19"	106° 27' 44"					F-48-93-D-b
Xóm 10	DC	xã Giao Hải	H. Giao Thủy	20° 13' 27"	106° 27' 35"					F-48-93-D-b
Xóm 11	DC	xã Giao Hải	H. Giao Thủy	20° 13' 33"	106° 27' 31"					F-48-93-D-b
Xóm 12	DC	xã Giao Hải	H. Giao Thủy	20° 13' 36"	106° 27' 26"					F-48-93-D-b
Xóm 13	DC	xã Giao Hải	H. Giao Thủy	20° 13' 51"	106° 27' 22"					F-48-93-D-b
Xóm 14	DC	xã Giao Hải	H. Giao Thủy	20° 13' 52"	106° 27' 28"					F-48-93-D-b
Xóm 15	DC	xã Giao Hải	H. Giao Thủy	20° 14' 22"	106° 26' 54"					F-48-93-D-b
Xóm 16	DC	xã Giao Hải	H. Giao Thủy	20° 14' 25"	106° 26' 50"					F-48-93-D-b
Xóm 17	DC	xã Giao Hải	H. Giao Thủy	20° 14' 34"	106° 26' 47"					F-48-93-D-b
Xóm 18	DC	xã Giao Hải	H. Giao Thủy	20° 14' 27"	106° 26' 58"					F-48-93-D-b
Đường tỉnh 488	KX	xã Giao Hải	H. Giao Thủy			20° 19' 45"	106° 19' 33"	20° 13' 02"	106° 27' 52"	F-48-93-D-b
sông Cồn Giữa	TV	xã Giao Hải	H. Giao Thủy			20° 17' 39"	106° 25' 29"	20° 13' 43"	106° 27' 28"	F-48-93-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Cồn Năm	TV	xã Giao Hải	H. Giao Thủy			20° 18' 31"	106° 29' 56"	20° 12' 59"	106° 27' 19"	F-48-93-D-b
sông Nguyễn Văn Bé	TV	xã Giao Hải	H. Giao Thủy			20° 17' 17"	106° 32' 56"	20° 12' 59"	106° 27' 19"	F-48-93-D-b
Xóm 1	DC	xã Giao Hương	H. Giao Thủy	20° 17' 58"	106° 30' 12"					F-48-94-A-c
Xóm 2	DC	xã Giao Hương	H. Giao Thủy	20° 17' 31"	106° 30' 33"					F-48-94-A-c
Xóm 3	DC	xã Giao Hương	H. Giao Thủy	20° 17' 26"	106° 30' 51"					F-48-94-A-c
Xóm 4	DC	xã Giao Hương	H. Giao Thủy	20° 17' 27"	106° 30' 56"					F-48-94-A-c
Xóm 5	DC	xã Giao Hương	H. Giao Thủy	20° 17' 39"	106° 30' 57"					F-48-94-A-c
Xóm 6	DC	xã Giao Hương	H. Giao Thủy	20° 17' 42"	106° 30' 35"					F-48-94-A-c
Xóm 7	DC	xã Giao Hương	H. Giao Thủy	20° 17' 41"	106° 30' 54"					F-48-94-A-c
Xóm 8	DC	xã Giao Hương	H. Giao Thủy	20° 17' 56"	106° 31' 04"					F-48-94-A-c
Xóm 9	DC	xã Giao Hương	H. Giao Thủy	20° 18' 26"	106° 31' 19"					F-48-94-A-c
Xóm 10	DC	xã Giao Hương	H. Giao Thủy	20° 18' 12"	106° 31' 18"					F-48-94-A-c
Xóm 11	DC	xã Giao Hương	H. Giao Thủy	20° 17' 51"	106° 31' 18"					F-48-94-A-c
Xóm 12	DC	xã Giao Hương	H. Giao Thủy	20° 18' 03"	106° 31' 35"					F-48-94-A-c
Xóm 13	DC	xã Giao Hương	H. Giao Thủy	20° 17' 51"	106° 32' 02"					F-48-94-A-c
Xóm 14	DC	xã Giao Hương	H. Giao Thủy	20° 17' 27"	106° 31' 51"					F-48-94-A-c
sông Cồn Năm	TV	xã Giao Hương	H. Giao Thủy			20° 18' 31"	106° 29' 56"	20° 12' 59"	106° 27' 19"	F-48-93-B-d, F-48-94-A-c
Sông Hồng	TV	xã Giao Hương	H. Giao Thủy			20° 29' 09"	106° 10' 53"	20° 15' 05"	106° 35' 06"	F-48-93-B-d, F-48-94-A-c
Xóm 1	DC	xã Giao Lạc	H. Giao Thủy	20° 15' 52"	106° 29' 33"					F-48-93-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Xóm 2	DC	xã Giao Lạc	H. Giao Thủy	20° 15' 46"	106° 29' 37"					F-48-93-B-d
Xóm 3	DC	xã Giao Lạc	H. Giao Thủy	20° 15' 35"	106° 29' 42"					F-48-93-B-d
Xóm 4	DC	xã Giao Lạc	H. Giao Thủy	20° 15' 19"	106° 30' 03"					F-48-94-A-c
Xóm 5	DC	xã Giao Lạc	H. Giao Thủy	20° 15' 07"	106° 29' 50"					F-48-93-B-d
Xóm 6	DC	xã Giao Lạc	H. Giao Thủy	20° 14' 57"	106° 30' 08"					F-48-94-C-a
Xóm 7	DC	xã Giao Lạc	H. Giao Thủy	20° 14' 39"	106° 30' 27"					F-48-94-C-a
Xóm 8	DC	xã Giao Lạc	H. Giao Thủy	20° 14' 34"	106° 30' 00"					F-48-93-D-b
Xóm 9	DC	xã Giao Lạc	H. Giao Thủy	20° 14' 22"	106° 29' 51"					F-48-93-D-b
Xóm 10	DC	xã Giao Lạc	H. Giao Thủy	20° 14' 12"	106° 29' 45"					F-48-93-D-b
Xóm 11	DC	xã Giao Lạc	H. Giao Thủy	20° 14' 35"	106° 29' 31"					F-48-93-D-b
Xóm 12	DC	xã Giao Lạc	H. Giao Thủy	20° 14' 47"	106° 29' 13"					F-48-93-D-b
Xóm 13	DC	xã Giao Lạc	H. Giao Thủy	20° 14' 58"	106° 29' 16"					F-48-93-D-b
Xóm 14	DC	xã Giao Lạc	H. Giao Thủy	20° 15' 10"	106° 29' 04"					F-48-93-B-d
Xóm 15	DC	xã Giao Lạc	H. Giao Thủy	20° 15' 27"	106° 28' 46"					F-48-93-B-d
Xóm 16	DC	xã Giao Lạc	H. Giao Thủy	20° 15' 37"	106° 29' 11"					F-48-93-B-d
Xóm 17	DC	xã Giao Lạc	H. Giao Thủy	20° 15' 18"	106° 29' 28"					F-48-93-B-d
Xóm 18	DC	xã Giao Lạc	H. Giao Thủy	20° 15' 05"	106° 29' 42"					F-48-93-B-d
Xóm 19	DC	xã Giao Lạc	H. Giao Thủy	20° 15' 35"	106° 29' 20"					F-48-93-B-d
Xóm 20	DC	xã Giao Lạc	H. Giao Thủy	20° 15' 34"	106° 29' 33"					F-48-93-B-d
Xóm 21	DC	xã Giao Lạc	H. Giao Thủy	20° 14' 29"	106° 30' 14"					F-48-94-C-a
Xóm 22	DC	xã Giao Lạc	H. Giao Thủy	20° 15' 28"	106° 29' 20"					F-48-93-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Đường tỉnh 489	KX	xã Giao Lạc	H. Giao Thủy			20° 22' 17"	106° 20' 31"	20° 14' 42"	106° 34' 09"	F-48-93-B-d
sông Cồn Năm	TV	xã Giao Lạc	H. Giao Thủy			20° 18' 31"	106° 29' 56"	20° 12' 59"	106° 27' 19"	F-48-93-B-d
sông Nguyễn Văn Bé	TV	xã Giao Lạc	H. Giao Thủy			20° 17' 17"	106° 32' 56"	20° 12' 59"	106° 27' 19"	F-48-93-D-b, F-48-94-C-a
sông VB10	TV	xã Giao Lạc	H. Giao Thủy			20° 16' 01"	106° 29' 29"	20° 14' 41"	106° 30' 48"	F-48-93-B-d, F-48-94-A-c, F-48-94-C-a
Xóm 1	DC	xã Giao Long	H. Giao Thủy	20° 14' 22"	106° 26' 07"					F-48-93-D-b
Xóm 2	DC	xã Giao Long	H. Giao Thủy	20° 14' 19"	106° 26' 02"					F-48-93-D-b
Xóm 3	DC	xã Giao Long	H. Giao Thủy	20° 14' 08"	106° 26' 08"					F-48-93-D-b
Xóm 4	DC	xã Giao Long	H. Giao Thủy	20° 14' 02"	106° 26' 03"					F-48-93-D-b
Xóm 5	DC	xã Giao Long	H. Giao Thủy	20° 13' 58"	106° 26' 09"					F-48-93-D-b
Xóm 6	DC	xã Giao Long	H. Giao Thủy	20° 14' 02"	106° 26' 12"					F-48-93-D-b
Xóm 7	DC	xã Giao Long	H. Giao Thủy	20° 14' 06"	106° 26' 20"					F-48-93-D-b
Xóm 8	DC	xã Giao Long	H. Giao Thủy	20° 14' 07"	106° 26' 23"					F-48-93-D-b
Xóm 9	DC	xã Giao Long	H. Giao Thủy	20° 14' 02"	106° 26' 30"					F-48-93-D-b
Xóm 10	DC	xã Giao Long	H. Giao Thủy	20° 13' 57"	106° 26' 34"					F-48-93-D-b
Xóm 11	DC	xã Giao Long	H. Giao Thủy	20° 13' 50"	106° 26' 42"					F-48-93-D-b
Xóm 12	DC	xã Giao Long	H. Giao Thủy	20° 13' 44"	106° 26' 32"					F-48-93-D-b
Xóm 13	DC	xã Giao Long	H. Giao Thủy	20° 13' 49"	106° 26' 47"					F-48-93-D-b
Xóm 14	DC	xã Giao Long	H. Giao Thủy	20° 13' 36"	106° 26' 41"					F-48-93-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Xóm 15	DC	xã Giao Long	H. Giao Thủy	20° 13' 42"	106° 26' 53"					F-48-93-D-b
Xóm 16	DC	xã Giao Long	H. Giao Thủy	20° 13' 33"	106° 26' 47"					F-48-93-D-b
Xóm 17	DC	xã Giao Long	H. Giao Thủy	20° 13' 35"	106° 27' 00"					F-48-93-D-b
Xóm 18	DC	xã Giao Long	H. Giao Thủy	20° 13' 28"	106° 26' 59"					F-48-93-D-b
Xóm 19	DC	xã Giao Long	H. Giao Thủy	20° 13' 25"	106° 26' 51"					F-48-93-D-b
Xóm 20	DC	xã Giao Long	H. Giao Thủy	20° 13' 17"	106° 26' 57"					F-48-93-D-b
Xóm 21	DC	xã Giao Long	H. Giao Thủy	20° 13' 20"	106° 27' 04"					F-48-93-D-b
Xóm 22	DC	xã Giao Long	H. Giao Thủy	20° 13' 03"	106° 27' 03"					F-48-93-D-b
sông Cồn Năm	TV	xã Giao Long	H. Giao Thủy			20° 18' 31"	106° 29' 56"	20° 12' 59"	106° 27' 19"	F-48-93-D-b
sông Cồn Nhất 13	TV	xã Giao Long	H. Giao Thủy			20° 15' 37"	106° 25' 03"	20° 13' 06"	106° 26' 50"	F-48-93-D-b
sông Nguyễn Văn Bé	TV	xã Giao Long	H. Giao Thủy			20° 17' 17"	106° 32' 56"	20° 12' 59"	106° 27' 19"	F-48-93-D-b
xóm Duyên Hải	DC	xã Giao Nhân	H. Giao Thủy	20° 15' 37"	106° 25' 56"					F-48-93-B-d
xóm Duyên Hòa	DC	xã Giao Nhân	H. Giao Thủy	20° 15' 51"	106° 25' 05"					F-48-93-B-d
xóm Duyên Hồng	DC	xã Giao Nhân	H. Giao Thủy	20° 15' 56"	106° 25' 33"					F-48-93-B-d
xóm Duyên Sinh	DC	xã Giao Nhân	H. Giao Thủy	20° 16' 05"	106° 25' 20"					F-48-93-B-d
xóm Duyên Trường	DC	xã Giao Nhân	H. Giao Thủy	20° 16' 01"	106° 26' 07"					F-48-93-B-d
xóm Lạc Thành	DC	xã Giao Nhân	H. Giao Thủy	20° 15' 42"	106° 26' 23"					F-48-93-B-d
xóm Nhân Thắng	DC	xã Giao Nhân	H. Giao Thủy	20° 16' 16"	106° 25' 34"					F-48-93-B-d
xóm Nhân Tiến	DC	xã Giao Nhân	H. Giao Thủy	20° 16' 27"	106° 25' 48"					F-48-93-B-d
Đường tỉnh 488	KX	xã Giao Nhân	H. Giao Thủy			20° 19' 45"	106° 19' 33"	20° 13' 02"	106° 27' 52"	F-48-93-B-d, F-48-93-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Quốc lộ 37B	KX	xã Giao Nhân	H. Giao Thủy			20° 17' 28"	106° 27' 00"	20° 24' 01"	106° 00' 44"	F-48-93-B-d
sông Cồn Giữa	TV	xã Giao Nhân	H. Giao Thủy			20° 17' 39"	106° 25' 29"	20° 13' 43"	106° 27' 28"	F-48-93-B-d, F-48-93-D-b
sông Cồn Nhất	TV	xã Giao Nhân	H. Giao Thủy			20° 13' 36"	106° 23' 27"	20° 17' 21"	106° 27' 05"	F-48-93-B-d
sông Nhân Hà	TV	xã Giao Nhân	H. Giao Thủy			20° 15' 04"	106° 26' 56"	20° 16' 24"	106° 25' 57"	F-48-93-B-d
xóm Lâm Bồi	DC	xã Giao Phong	H. Giao Thủy	20° 13' 34"	106° 23' 15"					F-48-93-D-b
xóm Lâm Đình	DC	xã Giao Phong	H. Giao Thủy	20° 12' 46"	106° 22' 42"					F-48-93-D-b
xóm Lâm Hải	DC	xã Giao Phong	H. Giao Thủy	20° 13' 14"	106° 23' 22"					F-48-93-D-b
xóm Lâm Hào	DC	xã Giao Phong	H. Giao Thủy	20° 12' 56"	106° 22' 18"					F-48-93-D-a
xóm Lâm Hồ	DC	xã Giao Phong	H. Giao Thủy	20° 13' 19"	106° 22' 28"					F-48-93-D-a
xóm Lâm Hoan	DC	xã Giao Phong	H. Giao Thủy	20° 13' 37"	106° 22' 37"					F-48-93-D-b
xóm Lâm Phú	DC	xã Giao Phong	H. Giao Thủy	20° 12' 55"	106° 22' 32"					F-48-93-D-b
xóm Lâm Quan	DC	xã Giao Phong	H. Giao Thủy	20° 13' 48"	106° 23' 01"					F-48-93-D-b
xóm Lâm Tiến	DC	xã Giao Phong	H. Giao Thủy	20° 13' 04"	106° 23' 06"					F-48-93-D-b
xóm Lâm Trụ	DC	xã Giao Phong	H. Giao Thủy	20° 13' 12"	106° 23' 12"					F-48-93-D-b
xóm Liên Phong	DC	xã Giao Phong	H. Giao Thủy	20° 12' 12"	106° 23' 49"					F-48-93-D-b
Quốc lộ 37B	KX	xã Giao Phong	H. Giao Thủy			20° 17' 28"	106° 27' 00"	20° 24' 01"	106° 00' 44"	F-48-93-D-a, F-48-93-D-b
Xóm 1	DC	xã Giao Tân	H. Giao Thủy	20° 15' 27"	106° 23' 08"					F-48-93-B-d
Xóm 2	DC	xã Giao Tân	H. Giao Thủy	20° 15' 18"	106° 22' 40"					F-48-93-B-d
Xóm 3	DC	xã Giao Tân	H. Giao Thủy	20° 15' 23"	106° 22' 31"					F-48-93-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Xóm 4	DC	xã Giao Tân	H. Giao Thủy	20° 14' 57"	106° 22' 11"					F-48-93-D-a
Xóm 5	DC	xã Giao Tân	H. Giao Thủy	20° 15' 01"	106° 22' 45"					F-48-93-B-d
Xóm 6	DC	xã Giao Tân	H. Giao Thủy	20° 15' 01"	106° 23' 07"					F-48-93-B-d
Xóm 7	DC	xã Giao Tân	H. Giao Thủy	20° 14' 56"	106° 23' 19"					F-48-93-D-b
Xóm 8	DC	xã Giao Tân	H. Giao Thủy	20° 15' 11"	106° 23' 19"					F-48-93-B-d
Xóm 9	DC	xã Giao Tân	H. Giao Thủy	20° 15' 23"	106° 23' 19"					F-48-93-B-d
Xóm 10	DC	xã Giao Tân	H. Giao Thủy	20° 15' 32"	106° 23' 23"					F-48-93-B-d
Xóm 11	DC	xã Giao Tân	H. Giao Thủy	20° 15' 31"	106° 23' 36"					F-48-93-B-d
Xóm 12	DC	xã Giao Tân	H. Giao Thủy	20° 15' 12"	106° 23' 38"					F-48-93-B-d
Sông Sò	TV	xã Giao Tân	H. Giao Thủy			20° 18' 00"	106° 25' 43"	20° 10' 38"	106° 21' 18"	F-48-93-B-c, F-48-93-D-a
xóm Thanh An	DC	xã Giao Thanh	H. Giao Thủy	20° 17' 16"	106° 30' 17"					F-48-94-A-c
xóm Thanh Châu	DC	xã Giao Thanh	H. Giao Thủy	20° 16' 43"	106° 30' 46"					F-48-94-A-c
xóm Thanh Giáo	DC	xã Giao Thanh	H. Giao Thủy	20° 16' 38"	106° 30' 01"					F-48-94-A-c
xóm Thanh Hùng	DC	xã Giao Thanh	H. Giao Thủy	20° 16' 06"	106° 30' 06"					F-48-94-A-c
xóm Thanh Lâm	DC	xã Giao Thanh	H. Giao Thủy	20° 17' 24"	106° 30' 15"					F-48-94-A-c
xóm Thanh Long	DC	xã Giao Thanh	H. Giao Thủy	20° 16' 08"	106° 29' 38"					F-48-93-B-d
xóm Thanh Minh	DC	xã Giao Thanh	H. Giao Thủy	20° 16' 59"	106° 31' 20"					F-48-94-A-c
xóm Thanh Mỹ	DC	xã Giao Thanh	H. Giao Thủy	20° 17' 01"	106° 30' 39"					F-48-94-A-c
xóm Thanh Nhân	DC	xã Giao Thanh	H. Giao Thủy	20° 16' 48"	106° 30' 45"					F-48-94-A-c
xóm Thanh Tân	DC	xã Giao Thanh	H. Giao Thủy	20° 16' 45"	106° 30' 10"					F-48-94-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Đường tỉnh 489	KX	xã Giao Thanh	H. Giao Thủy			20° 22' 17"	106° 20' 31"	20° 14' 42"	106° 34' 09"	F-48-93-B-d, F-48-94-A-c
sông Cồn Năm	TV	xã Giao Thanh	H. Giao Thủy			20° 18' 31"	106° 29' 56"	20° 12' 59"	106° 27' 19"	F-48-93-B-d, F-48-94-A-c
sông Hàng Tổng	TV	xã Giao Thanh	H. Giao Thủy			20° 15' 33"	106° 29' 56"	20° 16' 38"	106° 31' 07"	F-48-93-B-d, F-48-94-A-c
sông VB10	TV	xã Giao Thanh	H. Giao Thủy			20° 16' 01"	106° 29' 29"	20° 14' 41"	106° 30' 48"	F-48-93-B-d
Xóm 16	DC	xã Giao Thiện	H. Giao Thủy	20° 16' 23"	106° 31' 36"					F-48-94-A-c
Xóm 17	DC	xã Giao Thiện	H. Giao Thủy	20° 16' 12"	106° 31' 47"					F-48-94-A-c
Xóm 18	DC	xã Giao Thiện	H. Giao Thủy	20° 16' 31"	106° 31' 46"					F-48-94-A-c
Xóm 19	DC	xã Giao Thiện	H. Giao Thủy	20° 16' 23"	106° 31' 55"					F-48-94-A-c
Xóm 20	DC	xã Giao Thiện	H. Giao Thủy	20° 16' 40"	106° 31' 55"					F-48-94-A-c
Xóm 21	DC	xã Giao Thiện	H. Giao Thủy	20° 16' 29"	106° 32' 01"					F-48-94-A-c
Xóm 22	DC	xã Giao Thiện	H. Giao Thủy	20° 16' 46"	106° 31' 58"					F-48-94-A-c
Xóm 23	DC	xã Giao Thiện	H. Giao Thủy	20° 17' 06"	106° 31' 34"					F-48-94-A-c
Xóm 24	DC	xã Giao Thiện	H. Giao Thủy	20° 16' 53"	106° 32' 04"					F-48-94-A-c
Xóm 25	DC	xã Giao Thiện	H. Giao Thủy	20° 17' 01"	106° 32' 12"					F-48-94-A-c
Xóm 27	DC	xã Giao Thiện	H. Giao Thủy	20° 17' 08"	106° 32' 16"					F-48-94-A-c
Xóm 28	DC	xã Giao Thiện	H. Giao Thủy	20° 17' 31"	106° 32' 26"					F-48-94-A-c
Xóm 29	DC	xã Giao Thiện	H. Giao Thủy	20° 17' 37"	106° 32' 30"					F-48-94-A-c
Xóm 30	DC	xã Giao Thiện	H. Giao Thủy	20° 17' 48"	106° 32' 19"					F-48-94-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Tân Hồng	DC	xã Giao Thiện	H. Giao Thủy	20° 16' 14"	106° 32' 31"					F-48-94-A-c
Đường tỉnh 489	KX	xã Giao Thiện	H. Giao Thủy			20° 22' 17"	106° 20' 31"	20° 14' 42"	106° 34' 09"	F-48-94-A-c, F-48-94-C-a
Vườn Quốc gia Xuân Thủy	KX	xã Giao Thiện	H. Giao Thủy	20° 13' 24"	106° 33' 33"					F-48-94-A-c
cửa Ba Lạt	TV	xã Giao Thiện	H. Giao Thủy	20° 15' 05"	106° 35' 06"					F-48-94-A-c
Sông Hồng	TV	xã Giao Thiện	H. Giao Thủy			20° 29' 09"	106° 10' 53"	20° 15' 05"	106° 35' 06"	F-48-94-A-c
sông Nguyễn Văn Bé	TV	xã Giao Thiện	H. Giao Thủy			20° 17' 17"	106° 32' 56"	20° 12' 59"	106° 27' 19"	F-48-94-A-c
Sông Vọp	TV	xã Giao Thiện	H. Giao Thủy			20° 16' 31"	106° 33' 48"	20° 13' 42"	106° 32' 26"	F-48-94-A-c
Xóm 1	DC	xã Giao Thịnh	H. Giao Thủy	20° 14' 45"	106° 23' 07"					F-48-93-D-b
Xóm 2	DC	xã Giao Thịnh	H. Giao Thủy	20° 14' 39"	106° 22' 58"					F-48-93-D-b
Xóm 3	DC	xã Giao Thịnh	H. Giao Thủy	20° 14' 41"	106° 22' 40"					F-48-93-D-b
Xóm 4	DC	xã Giao Thịnh	H. Giao Thủy	20° 14' 25"	106° 22' 54"					F-48-93-D-b
Xóm 5	DC	xã Giao Thịnh	H. Giao Thủy	20° 14' 23"	106° 22' 43"					F-48-93-D-b
Xóm 6	DC	xã Giao Thịnh	H. Giao Thủy	20° 14' 17"	106° 22' 38"					F-48-93-D-b
Xóm 7	DC	xã Giao Thịnh	H. Giao Thủy	20° 13' 57"	106° 22' 22"					F-48-93-D-a
Xóm 8	DC	xã Giao Thịnh	H. Giao Thủy	20° 14' 00"	106° 22' 31"					F-48-93-D-b
Xóm 9	DC	xã Giao Thịnh	H. Giao Thủy	20° 13' 48"	106° 22' 30"					F-48-93-D-a
Xóm 10	DC	xã Giao Thịnh	H. Giao Thủy	20° 13' 16"	106° 22' 13"					F-48-93-D-a
Xóm 11	DC	xã Giao Thịnh	H. Giao Thủy	20° 13' 16"	106° 22' 04"					F-48-93-D-a
Xóm 12	DC	xã Giao Thịnh	H. Giao Thủy	20° 13' 09"	106° 22' 01"					F-48-93-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Xóm 13	DC	xã Giao Thịnh	H. Giao Thủy	20° 13' 06"	106° 21' 50"					F-48-93-D-a
Xóm 14	DC	xã Giao Thịnh	H. Giao Thủy	20° 12' 49"	106° 21' 56"					F-48-93-D-a
Xóm 15	DC	xã Giao Thịnh	H. Giao Thủy	20° 12' 41"	106° 21' 48"					F-48-93-D-a
Xóm 16	DC	xã Giao Thịnh	H. Giao Thủy	20° 12' 13"	106° 21' 40"					F-48-93-D-a
cầu Hà Lạn	KX	xã Giao Thịnh	H. Giao Thủy	20° 12' 06"	106° 21' 06"					F-48-93-D-a
cầu Thức Hóa	KX	xã Giao Thịnh	H. Giao Thủy	20° 14' 00"	106° 21' 36"					F-48-93-D-a
Đường tỉnh 489B	KX	xã Giao Thịnh	H. Giao Thủy			20° 14' 40"	106° 19' 20"	20° 11' 31"	106° 22' 50"	F-48-93-D-a
Quốc lộ 37B	KX	xã Giao Thịnh	H. Giao Thủy			20° 17' 28"	106° 27' 00"	20° 24' 01"	106° 00' 44"	F-48-93-D-a
sông Cồn Giữa	TV	xã Giao Thịnh	H. Giao Thủy			20° 13' 27"	106° 22' 22"	20° 14' 01"	106° 21' 38"	F-48-93-D-a
Sông Sò	TV	xã Giao Thịnh	H. Giao Thủy			20° 18' 00"	106° 25' 43"	20° 10' 38"	106° 21' 18"	F-48-93-D-a
xóm 1 Hùng Tiến	DC	xã Giao Tiến	H. Giao Thủy	20° 16' 46"	106° 23' 19"					F-48-93-B-d
xóm 1 Quyết Thắng	DC	xã Giao Tiến	H. Giao Thủy	20° 16' 30"	106° 24' 04"					F-48-93-B-d
xóm 1 Quyết Tiến	DC	xã Giao Tiến	H. Giao Thủy	20° 16' 59"	106° 24' 24"					F-48-93-B-d
xóm 2 Hùng Tiến	DC	xã Giao Tiến	H. Giao Thủy	20° 16' 31"	106° 23' 16"					F-48-93-B-d
xóm 2 Quyết Thắng	DC	xã Giao Tiến	H. Giao Thủy	20° 16' 27"	106° 24' 11"					F-48-93-B-d
xóm 2 Quyết Tiến	DC	xã Giao Tiến	H. Giao Thủy	20° 16' 57"	106° 24' 18"					F-48-93-B-d
xóm 3 Hùng Tiến	DC	xã Giao Tiến	H. Giao Thủy	20° 16' 43"	106° 23' 04"					F-48-93-B-d
xóm 3 Quyết Thắng	DC	xã Giao Tiến	H. Giao Thủy	20° 16' 21"	106° 23' 57"					F-48-93-B-d
xóm 3 Quyết Tiến	DC	xã Giao Tiến	H. Giao Thủy	20° 16' 45"	106° 24' 19"					F-48-93-B-d
xóm 4 Hùng Tiến	DC	xã Giao Tiến	H. Giao Thủy	20° 16' 35"	106° 23' 02"					F-48-93-B-d
xóm 4 Quyết Thắng	DC	xã Giao Tiến	H. Giao Thủy	20° 16' 15"	106° 24' 06"					F-48-93-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm 4 Quyết Tiến	DC	xã Giao Tiến	H. Giao Thủy	20° 16' 51"	106° 24' 03"					F-48-93-B-d
xóm 5 Hùng Tiến	DC	xã Giao Tiến	H. Giao Thủy	20° 16' 33"	106° 22' 42"					F-48-93-B-d
xóm 5 Quyết Thắng	DC	xã Giao Tiến	H. Giao Thủy	20° 16' 04"	106° 23' 54"					F-48-93-B-d
xóm 5 Quyết Tiến	DC	xã Giao Tiến	H. Giao Thủy	20° 16' 48"	106° 23' 48"					F-48-93-B-d
xóm 6 Hùng Tiến	DC	xã Giao Tiến	H. Giao Thủy	20° 16' 19"	106° 23' 08"					F-48-93-B-d
xóm 6 Quyết Thắng	DC	xã Giao Tiến	H. Giao Thủy	20° 15' 58"	106° 23' 44"					F-48-93-B-d
xóm 6 Quyết Tiến	DC	xã Giao Tiến	H. Giao Thủy	20° 16' 43"	106° 23' 30"					F-48-93-B-d
xóm 7 Hùng Tiến	DC	xã Giao Tiến	H. Giao Thủy	20° 16' 25"	106° 23' 11"					F-48-93-B-d
xóm 7 Quyết Thắng	DC	xã Giao Tiến	H. Giao Thủy	20° 16' 07"	106° 23' 38"					F-48-93-B-d
xóm 7 Quyết Tiến	DC	xã Giao Tiến	H. Giao Thủy	20° 16' 39"	106° 23' 36"					F-48-93-B-d
xóm 8 Hùng Tiến	DC	xã Giao Tiến	H. Giao Thủy	20° 16' 19"	106° 23' 19"					F-48-93-B-d
xóm 8 Quyết Thắng	DC	xã Giao Tiến	H. Giao Thủy	20° 16' 10"	106° 23' 30"					F-48-93-B-d
xóm 8 Quyết Tiến	DC	xã Giao Tiến	H. Giao Thủy	20° 16' 28"	106° 23' 44"					F-48-93-B-d
xóm 9 Hùng Tiến	DC	xã Giao Tiến	H. Giao Thủy	20° 15' 59"	106° 23' 04"					F-48-93-B-d
xóm 9 Quyết Tiến	DC	xã Giao Tiến	H. Giao Thủy	20° 16' 35"	106° 23' 47"					F-48-93-B-d
xóm 10 Hùng Tiến	DC	xã Giao Tiến	H. Giao Thủy	20° 16' 09"	106° 22' 55"					F-48-93-B-d
xóm 10 Quyết Tiến	DC	xã Giao Tiến	H. Giao Thủy	20° 16' 23"	106° 23' 53"					F-48-93-B-d
cầu Nam Điền B	KX	xã Giao Tiến	H. Giao Thủy	20° 16' 45"	106° 22' 28"					F-48-93-B-c
Đường tỉnh 488	KX	xã Giao Tiến	H. Giao Thủy			20° 19' 45"	106° 19' 33"	20° 13' 02"	106° 27' 52"	F-48-93-B-d
Đường tỉnh 489	KX	xã Giao Tiến	H. Giao Thủy			20° 22' 17"	106° 20' 31"	20° 14' 42"	106° 34' 09"	F-48-93-B-c, F-48-93-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Khu di tích lịch sử - văn hóa Hoành Nha	KX	xã Giao Tiến	H. Giao Thủy	20° 16' 37"	106° 23' 44"					F-48-93-B-d
Sông Sò	TV	xã Giao Tiến	H. Giao Thủy			20° 18' 00"	106° 25' 43"	20° 10' 38"	106° 21' 18"	F-48-93-B-c, F-48-93-B-d
xóm Thị Tứ	DC	xã Giao Xuân	H. Giao Thủy	20° 14' 29"	106° 28' 36"					F-48-93-D-b
xóm Xuân Châu	DC	xã Giao Xuân	H. Giao Thủy	20° 13' 25"	106° 28' 37"					F-48-93-D-b
xóm Xuân Hoành	DC	xã Giao Xuân	H. Giao Thủy	20° 14' 25"	106° 28' 24"					F-48-93-D-b
xóm Xuân Hùng	DC	xã Giao Xuân	H. Giao Thủy	20° 14' 07"	106° 29' 23"					F-48-93-D-b
xóm Xuân Minh	DC	xã Giao Xuân	H. Giao Thủy	20° 14' 12"	106° 28' 01"					F-48-93-D-b
xóm Xuân Phong	DC	xã Giao Xuân	H. Giao Thủy	20° 14' 03"	106° 29' 11"					F-48-93-D-b
xóm Xuân Thắng	DC	xã Giao Xuân	H. Giao Thủy	20° 14' 28"	106° 28' 48"					F-48-93-D-b
xóm Xuân Thọ	DC	xã Giao Xuân	H. Giao Thủy	20° 14' 37"	106° 28' 58"					F-48-93-D-b
xóm Xuân Tiên	DC	xã Giao Xuân	H. Giao Thủy	20° 13' 46"	106° 28' 57"					F-48-93-D-b
xóm Xuân Tiến	DC	xã Giao Xuân	H. Giao Thủy	20° 14' 58"	106° 28' 28"					F-48-93-D-b
sông Cồn Năm	TV	xã Giao Xuân	H. Giao Thủy			20° 18' 31"	106° 29' 56"	20° 12' 59"	106° 27' 19"	F-48-93-B-d, F-48-93-D-b
sông Nguyễn Văn Bé	TV	xã Giao Xuân	H. Giao Thủy			20° 17' 17"	106° 32' 56"	20° 12' 59"	106° 27' 19"	F-48-93-D-b
Xóm 1	DC	xã Giao Yến	H. Giao Thủy	20° 14' 59"	106° 24' 15"					F-48-93-D-b
Xóm 2	DC	xã Giao Yến	H. Giao Thủy	20° 14' 52"	106° 24' 17"					F-48-93-D-b
Xóm 3	DC	xã Giao Yến	H. Giao Thủy	20° 14' 44"	106° 24' 16"					F-48-93-D-b
Xóm 4	DC	xã Giao Yến	H. Giao Thủy	20° 14' 47"	106° 24' 00"					F-48-93-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Xóm 5	DC	xã Giao Yến	H. Giao Thủy	20° 14' 43"	106° 24' 01"					F-48-93-D-b
Xóm 6	DC	xã Giao Yến	H. Giao Thủy	20° 14' 39"	106° 23' 55"					F-48-93-D-b
Xóm 7	DC	xã Giao Yến	H. Giao Thủy	20° 14' 33"	106° 23' 53"					F-48-93-D-b
Xóm 8	DC	xã Giao Yến	H. Giao Thủy	20° 14' 22"	106° 23' 42"					F-48-93-D-b
Xóm 9	DC	xã Giao Yến	H. Giao Thủy	20° 14' 15"	106° 23' 37"					F-48-93-D-b
Xóm 10	DC	xã Giao Yến	H. Giao Thủy	20° 14' 29"	106° 23' 40"					F-48-93-D-b
Xóm 11	DC	xã Giao Yến	H. Giao Thủy	20° 14' 19"	106° 23' 34"					F-48-93-D-b
Xóm 12	DC	xã Giao Yến	H. Giao Thủy	20° 14' 15"	106° 23' 27"					F-48-93-D-b
Xóm 13	DC	xã Giao Yến	H. Giao Thủy	20° 14' 05"	106° 23' 37"					F-48-93-D-b
Xóm 14	DC	xã Giao Yến	H. Giao Thủy	20° 13' 50"	106° 23' 26"					F-48-93-D-b
Xóm 15	DC	xã Giao Yến	H. Giao Thủy	20° 13' 53"	106° 23' 14"					F-48-93-D-b
Quốc lộ 37B	KX	xã Giao Yến	H. Giao Thủy			20° 17' 28"	106° 27' 00"	20° 24' 01"	106° 00' 44"	F-48-93-B-d, F-48-93-D-b
sông Cồn Nhất	TV	xã Giao Yến	H. Giao Thủy			20° 13' 36"	106° 23' 27"	20° 17' 21"	106° 27' 05"	F-48-93-B-d, F-48-93-D-b
Xóm 1	DC	xã Hoành Sơn	H. Giao Thủy	20° 17' 05"	106° 25' 05"					F-48-93-B-d
Xóm 2	DC	xã Hoành Sơn	H. Giao Thủy	20° 17' 01"	106° 25' 04"					F-48-93-B-d
Xóm 3	DC	xã Hoành Sơn	H. Giao Thủy	20° 16' 48"	106° 25' 05"					F-48-93-B-d
Xóm 4	DC	xã Hoành Sơn	H. Giao Thủy	20° 16' 34"	106° 25' 02"					F-48-93-B-d
Xóm 5	DC	xã Hoành Sơn	H. Giao Thủy	20° 16' 38"	106° 24' 52"					F-48-93-B-d
Xóm 6	DC	xã Hoành Sơn	H. Giao Thủy	20° 16' 29"	106° 24' 50"					F-48-93-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Xóm 7	DC	xã Hoành Sơn	H. Giao Thủy	20° 16' 08"	106° 24' 48"					F-48-93-B-d
Xóm 8	DC	xã Hoành Sơn	H. Giao Thủy	20° 16' 39"	106° 24' 31"					F-48-93-B-d
Xóm 9	DC	xã Hoành Sơn	H. Giao Thủy	20° 16' 43"	106° 24' 40"					F-48-93-B-d
Xóm 10	DC	xã Hoành Sơn	H. Giao Thủy	20° 16' 59"	106° 24' 51"					F-48-93-B-d
Xóm 11	DC	xã Hoành Sơn	H. Giao Thủy	20° 17' 32"	106° 25' 38"					F-48-93-B-d
Xóm 12	DC	xã Hoành Sơn	H. Giao Thủy	20° 17' 15"	106° 25' 44"					F-48-93-B-d
Xóm 13	DC	xã Hoành Sơn	H. Giao Thủy	20° 16' 52"	106° 26' 10"					F-48-93-B-d
Xóm 14	DC	xã Hoành Sơn	H. Giao Thủy	20° 16' 37"	106° 26' 00"					F-48-93-B-d
Xóm 15	DC	xã Hoành Sơn	H. Giao Thủy	20° 17' 15"	106° 25' 25"					F-48-93-B-d
Xóm 16	DC	xã Hoành Sơn	H. Giao Thủy	20° 16' 53"	106° 25' 24"					F-48-93-B-d
Xóm 17	DC	xã Hoành Sơn	H. Giao Thủy	20° 16' 42"	106° 25' 28"					F-48-93-B-d
cầu Giao Sơn	KX	xã Hoành Sơn	H. Giao Thủy	20° 17' 45"	106° 25' 35"					F-48-93-B-d
cầu Xuất Khẩu	KX	xã Hoành Sơn	H. Giao Thủy	20° 16' 43"	106° 26' 22"					F-48-93-B-d
Đường tỉnh 488	KX	xã Hoành Sơn	H. Giao Thủy			20° 19' 45"	106° 19' 33"	20° 13' 02"	106° 27' 52"	F-48-93-B-d
Đường tỉnh 489	KX	xã Hoành Sơn	H. Giao Thủy			20° 22' 17"	106° 20' 31"	20° 14' 42"	106° 34' 09"	F-48-93-B-d
Quốc lộ 37B	KX	xã Hoành Sơn	H. Giao Thủy			20° 17' 28"	106° 27' 00"	20° 24' 01"	106° 00' 44"	F-48-93-B-d
sông Cồn Giữa	TV	xã Hoành Sơn	H. Giao Thủy			20° 17' 39"	106° 25' 29"	20° 13' 43"	106° 27' 28"	F-48-93-B-d
sông Cồn Nhất	TV	xã Hoành Sơn	H. Giao Thủy			20° 13' 36"	106° 23' 27"	20° 17' 21"	106° 27' 05"	F-48-93-B-d
Sông Láng	TV	xã Hoành Sơn	H. Giao Thủy			20° 20' 33"	106° 21' 34"	20° 16' 42"	106° 26' 23"	F-48-93-B-d
Sông Sò	TV	xã Hoành Sơn	H. Giao Thủy			20° 18' 00"	106° 25' 43"	20° 10' 38"	106° 21' 18"	F-48-93-B-d
Xóm 1	DC	xã Hồng Thuận	H. Giao Thủy	20° 17' 07"	106° 27' 54"					F-48-93-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Xóm 2	DC	xã Hồng Thuận	H. Giao Thủy	20° 16' 21"	106° 28' 19"					F-48-93-B-d
Xóm 3	DC	xã Hồng Thuận	H. Giao Thủy	20° 16' 27"	106° 28' 20"					F-48-93-B-d
Xóm 4	DC	xã Hồng Thuận	H. Giao Thủy	20° 16' 02"	106° 28' 42"					F-48-93-B-d
Xóm 5	DC	xã Hồng Thuận	H. Giao Thủy	20° 15' 50"	106° 28' 58"					F-48-93-B-d
Xóm 6	DC	xã Hồng Thuận	H. Giao Thủy	20° 16' 21"	106° 29' 23"					F-48-93-B-d
Xóm 7	DC	xã Hồng Thuận	H. Giao Thủy	20° 16' 47"	106° 28' 31"					F-48-93-B-d
Xóm 8	DC	xã Hồng Thuận	H. Giao Thủy	20° 17' 06"	106° 28' 16"					F-48-93-B-d
Xóm 9	DC	xã Hồng Thuận	H. Giao Thủy	20° 17' 15"	106° 28' 40"					F-48-93-B-d
Xóm 10	DC	xã Hồng Thuận	H. Giao Thủy	20° 17' 07"	106° 29' 25"					F-48-93-B-d
Xóm 11	DC	xã Hồng Thuận	H. Giao Thủy	20° 17' 45"	106° 29' 26"					F-48-93-B-d
Xóm 12	DC	xã Hồng Thuận	H. Giao Thủy	20° 17' 48"	106° 29' 55"					F-48-93-B-d
Xóm 13	DC	xã Hồng Thuận	H. Giao Thủy	20° 17' 38"	106° 29' 54"					F-48-93-B-d
Xóm 14	DC	xã Hồng Thuận	H. Giao Thủy	20° 16' 47"	106° 29' 10"					F-48-93-B-d
Xóm 15	DC	xã Hồng Thuận	H. Giao Thủy	20° 16' 27"	106° 29' 29"					F-48-93-B-d
Xóm 16	DC	xã Hồng Thuận	H. Giao Thủy	20° 16' 06"	106° 28' 25"					F-48-93-B-d
Xóm 17	DC	xã Hồng Thuận	H. Giao Thủy	20° 17' 13"	106° 29' 58"					F-48-93-B-d
Xóm 18	DC	xã Hồng Thuận	H. Giao Thủy	20° 16' 58"	106° 29' 23"					F-48-93-B-d
bến khách ngang sông Cồn Nhì	KX	xã Hồng Thuận	H. Giao Thủy	20° 17' 18"	106° 27' 59"					F-48-93-B-d
chùa Hà Cát	KX	xã Hồng Thuận	H. Giao Thủy	20° 17' 17"	106° 28' 30"					F-48-93-B-d
đền Hà Cát	KX	xã Hồng Thuận	H. Giao Thủy	20° 17' 19"	106° 28' 31"					F-48-93-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Đường tỉnh 489	KX	xã Hồng Thuận	H. Giao Thủy			20° 22' 17"	106° 20' 31"	20° 14' 42"	106° 34' 09"	F-48-93-B-d
sông Cồn Năm	TV	xã Hồng Thuận	H. Giao Thủy			20° 18' 31"	106° 29' 56"	20° 12' 59"	106° 27' 19"	F-48-93-B-d, F-48-94-A-c
sông Cồn Nhất	TV	xã Hồng Thuận	H. Giao Thủy			20° 13' 36"	106° 23' 27"	20° 17' 21"	106° 27' 05"	F-48-93-B-d
sông Cồn Tư	TV	xã Hồng Thuận	H. Giao Thủy			20° 16' 23"	106° 28' 52"	20° 17' 53"	106° 29' 14"	F-48-93-B-d
Sông Hồng	TV	xã Hồng Thuận	H. Giao Thủy			20° 29' 09"	106° 10' 53"	20° 15' 05"	106° 35' 06"	F-48-93-B-d
sông Thuận Hòa	TV	xã Hồng Thuận	H. Giao Thủy			20° 15' 30"	106° 28' 46"	20° 17' 16"	106° 27' 00"	F-48-93-B-d
sông Thuận Thành	TV	xã Hồng Thuận	H. Giao Thủy			20° 15' 55"	106° 28' 57"	20° 16' 17"	106° 27' 59"	F-48-93-B-d
Tổ dân phố 1	DC	TT. Cồn	H. Hải Hậu	20° 07' 37"	106° 16' 32"					F-48-93-D-a
Tổ dân phố 2	DC	TT. Cồn	H. Hải Hậu	20° 07' 58"	106° 16' 35"					F-48-93-D-a
Tổ dân phố 3	DC	TT. Cồn	H. Hải Hậu	20° 07' 50"	106° 16' 38"					F-48-93-D-a
Tổ dân phố 4A	DC	TT. Cồn	H. Hải Hậu	20° 07' 39"	106° 16' 38"					F-48-93-D-a
Tổ dân phố 4B	DC	TT. Cồn	H. Hải Hậu	20° 07' 16"	106° 16' 34"					F-48-93-D-c
Tổ dân phố 5	DC	TT. Cồn	H. Hải Hậu	20° 07' 33"	106° 16' 27"					F-48-93-D-a
tổ dân phố Cao An	DC	TT. Cồn	H. Hải Hậu	20° 07' 37"	106° 16' 09"					F-48-93-D-a
tổ dân phố Đỗ Bá	DC	TT. Cồn	H. Hải Hậu	20° 07' 21"	106° 16' 17"					F-48-93-D-c
tổ dân phố Hùng Uyển	DC	TT. Cồn	H. Hải Hậu	20° 07' 46"	106° 16' 20"					F-48-93-D-c
tổ dân phố Nam Thịnh	DC	TT. Cồn	H. Hải Hậu	20° 07' 01"	106° 16' 26"					F-48-93-D-c
tổ dân phố Nguyễn Chẩm A	DC	TT. Cồn	H. Hải Hậu	20° 07' 15"	106° 16' 04"					F-48-93-D-c
tổ dân phố Nguyễn Chẩm B	DC	TT. Cồn	H. Hải Hậu	20° 07' 23"	106° 15' 56"					F-48-93-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tổ dân phố Nguyễn Tảo	DC	TT. Cồn	H. Hải Hậu	20° 07' 33"	106° 15' 47"					F-48-93-D-a
tổ dân phố Nguyễn Thọ	DC	TT. Cồn	H. Hải Hậu	20° 07' 38"	106° 16' 18"					F-48-93-D-a
tổ dân phố Thị Lý	DC	TT. Cồn	H. Hải Hậu	20° 07' 35"	106° 15' 57"					F-48-93-D-a
tổ dân phố Vũ Đức	DC	TT. Cồn	H. Hải Hậu	20° 07' 49"	106° 16' 10"					F-48-93-D-c
cầu Hải Tây II	KX	TT. Cồn	H. Hải Hậu	20° 08' 06"	106° 16' 39"					F-48-93-D-a
Chùa Cồn	KX	TT. Cồn	H. Hải Hậu	20° 07' 35"	106° 16' 25"					F-48-93-D-a
Đường tỉnh 488C	KX	TT. Cồn	H. Hải Hậu			20° 11' 52"	106° 19' 25"	20° 07' 28"	106° 11' 26"	F-48-93-D-a, F-48-93-D-c
Quốc lộ 21	KX	TT. Cồn	H. Hải Hậu			20° 28' 19"	106° 02' 33"	20° 01' 27"	106° 12' 13"	F-48-93-D-a, F-48-93-D-c
Sông Múc	TV	TT. Cồn	H. Hải Hậu			20° 14' 17"	106° 16' 59"	20° 04' 21"	106° 14' 42"	F-48-93-D-a, F-48-93-D-c
tổ dân phố Số 01	DC	TT. Thịnh Long	H. Hải Hậu	20° 02' 55"	106° 13' 57"					F-48-93-C-d
tổ dân phố Số 02	DC	TT. Thịnh Long	H. Hải Hậu	20° 02' 45"	106° 13' 56"					F-48-93-C-d
tổ dân phố Số 03	DC	TT. Thịnh Long	H. Hải Hậu	20° 02' 40"	106° 13' 38"					F-48-93-C-d
tổ dân phố Số 04	DC	TT. Thịnh Long	H. Hải Hậu	20° 02' 43"	106° 13' 25"					F-48-93-C-d
tổ dân phố Số 05	DC	TT. Thịnh Long	H. Hải Hậu	20° 02' 32"	106° 13' 29"					F-48-93-C-d
tổ dân phố Số 06	DC	TT. Thịnh Long	H. Hải Hậu	20° 03' 29"	106° 13' 54"					F-48-93-C-d
tổ dân phố Số 07	DC	TT. Thịnh Long	H. Hải Hậu	20° 04' 06"	106° 13' 30"					F-48-93-C-d
tổ dân phố Số 08	DC	TT. Thịnh Long	H. Hải Hậu	20° 03' 24"	106° 12' 58"					F-48-93-C-d
tổ dân phố Số 09	DC	TT. Thịnh Long	H. Hải Hậu	20° 02' 37"	106° 13' 08"					F-48-93-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tổ dân phố Số 10	DC	TT. Thịnh Long	H. Hải Hậu	20° 02' 26"	106° 13' 19"					F-48-93-C-d
tổ dân phố Số 11	DC	TT. Thịnh Long	H. Hải Hậu	20° 02' 22"	106° 13' 09"					F-48-93-C-d
tổ dân phố Số 12	DC	TT. Thịnh Long	H. Hải Hậu	20° 02' 15"	106° 12' 54"					F-48-93-C-d
tổ dân phố Số 13	DC	TT. Thịnh Long	H. Hải Hậu	20° 02' 27"	106° 12' 50"					F-48-93-C-d
tổ dân phố Số 14	DC	TT. Thịnh Long	H. Hải Hậu	20° 02' 08"	106° 12' 51"					F-48-93-C-d
tổ dân phố Số 15	DC	TT. Thịnh Long	H. Hải Hậu	20° 02' 13"	106° 12' 35"					F-48-93-C-d
tổ dân phố Số 16	DC	TT. Thịnh Long	H. Hải Hậu	20° 01' 58"	106° 12' 33"					F-48-93-C-d
tổ dân phố Số 17	DC	TT. Thịnh Long	H. Hải Hậu	20° 02' 07"	106° 13' 06"					F-48-93-C-d
tổ dân phố Số 18	DC	TT. Thịnh Long	H. Hải Hậu	20° 01' 51"	106° 12' 56"					F-48-93-C-d
tổ dân phố Số 19	DC	TT. Thịnh Long	H. Hải Hậu	20° 01' 46"	106° 12' 39"					F-48-93-C-d
tổ dân phố Số 20	DC	TT. Thịnh Long	H. Hải Hậu	20° 01' 34"	106° 12' 33"					F-48-93-C-d
tổ dân phố Số 21	DC	TT. Thịnh Long	H. Hải Hậu	20° 01' 33"	106° 12' 21"					F-48-93-C-d
tổ dân phố Số 22	DC	TT. Thịnh Long	H. Hải Hậu	20° 01' 12"	106° 12' 25"					F-48-93-C-d
bến khách ngang sông Gót Tràng	KX	TT. Thịnh Long	H. Hải Hậu	20° 00' 50"	106° 11' 51"					F-48-93-C-d
Khu du lịch Thịnh Long	KX	TT. Thịnh Long	H. Hải Hậu	20° 01' 24"	106° 12' 53"					F-48-93-C-d
Quốc lộ 21	KX	TT. Thịnh Long	H. Hải Hậu			20° 28' 19"	106° 02' 33"	20° 01' 27"	106° 12' 13"	F-48-93-C-d
sông Ninh Cơ	TV	TT. Thịnh Long	H. Hải Hậu			20° 20' 31"	106° 17' 57"	19° 58' 54"	106° 10' 55"	F-48-93-C-d
tổ dân phố Số 1	DC	TT. Yên Định	H. Hải Hậu	20° 12' 05"	106° 17' 57"					F-48-93-D-a
tổ dân phố Số 2	DC	TT. Yên Định	H. Hải Hậu	20° 12' 11"	106° 17' 47"					F-48-93-D-a
tổ dân phố Số 3	DC	TT. Yên Định	H. Hải Hậu	20° 11' 54"	106° 17' 39"					F-48-93-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tổ dân phố Số 4	DC	TT. Yên Định	H. Hải Hậu	20° 11' 53"	106° 17' 25"					F-48-93-D-a
tổ dân phố Số 5	DC	TT. Yên Định	H. Hải Hậu	20° 12' 10"	106° 17' 27"					F-48-93-D-a
tổ dân phố Số 6	DC	TT. Yên Định	H. Hải Hậu	20° 12' 08"	106° 17' 16"					F-48-93-D-a
tổ dân phố Số 7	DC	TT. Yên Định	H. Hải Hậu	20° 12' 04"	106° 17' 01"					F-48-93-D-a
cầu Hàng Vàng	KX	TT. Yên Định	H. Hải Hậu	20° 12' 01"	106° 17' 49"					F-48-93-D-a
cầu Nhà Xứ	KX	TT. Yên Định	H. Hải Hậu	20° 12' 02"	106° 17' 26"					F-48-93-D-a
cầu Yên Định	KX	TT. Yên Định	H. Hải Hậu	20° 12' 03"	106° 17' 41"					F-48-93-D-a
chùa Phúc An	KX	TT. Yên Định	H. Hải Hậu	20° 12' 16"	106° 17' 51"					F-48-93-D-a
Quốc lộ 21	KX	TT. Yên Định	H. Hải Hậu			20° 28' 19"	106° 02' 33"	20° 01' 27"	106° 12' 13"	F-48-93-D-a
Quốc lộ 37B	KX	TT. Yên Định	H. Hải Hậu			20° 17' 28"	106° 27' 00"	20° 24' 01"	106° 00' 44"	F-48-93-D-a
Sông Múc	TV	TT. Yên Định	H. Hải Hậu			20° 14' 17"	106° 16' 59"	20° 04' 21"	106° 14' 42"	F-48-93-D-a
Xóm 1	DC	xã Hải An	H. Hải Hậu	20° 08' 55"	106° 11' 48"					F-48-93-C-b
Xóm 2	DC	xã Hải An	H. Hải Hậu	20° 08' 56"	106° 12' 00"					F-48-93-C-b
Xóm 3	DC	xã Hải An	H. Hải Hậu	20° 08' 43"	106° 11' 54"					F-48-93-C-b
Xóm 4	DC	xã Hải An	H. Hải Hậu	20° 08' 45"	106° 11' 39"					F-48-93-C-b
Xóm 5	DC	xã Hải An	H. Hải Hậu	20° 08' 49"	106° 11' 32"					F-48-93-C-b
Xóm 6	DC	xã Hải An	H. Hải Hậu	20° 08' 44"	106° 11' 31"					F-48-93-C-b
Xóm 7	DC	xã Hải An	H. Hải Hậu	20° 08' 31"	106° 11' 26"					F-48-93-C-b
Xóm 8	DC	xã Hải An	H. Hải Hậu	20° 08' 44"	106° 11' 16"					F-48-93-C-b
Xóm 9	DC	xã Hải An	H. Hải Hậu	20° 08' 51"	106° 11' 25"					F-48-93-C-b
Xóm 10	DC	xã Hải An	H. Hải Hậu	20° 08' 39"	106° 10' 49"					F-48-93-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Xóm 11	DC	xã Hải An	H. Hải Hậu	20° 09' 05"	106° 11' 14"					F-48-93-C-b
Xóm 12	DC	xã Hải An	H. Hải Hậu	20° 09' 03"	106° 11' 01"					F-48-93-C-b
Xóm 13	DC	xã Hải An	H. Hải Hậu	20° 09' 33"	106° 11' 23"					F-48-93-C-b
Xóm 14	DC	xã Hải An	H. Hải Hậu	20° 08' 32"	106° 11' 17"					F-48-93-C-b
Xóm 15	DC	xã Hải An	H. Hải Hậu	20° 08' 35"	106° 11' 47"					F-48-93-C-b
bến khách ngang sông Cống Cau	KX	xã Hải An	H. Hải Hậu	20° 08' 35"	106° 10' 40"					F-48-93-C-b
đền An Trạch	KX	xã Hải An	H. Hải Hậu	20° 08' 52"	106° 11' 50"					F-48-93-C-b
sông Ninh Cơ	TV	xã Hải An	H. Hải Hậu			20° 20' 31"	106° 17' 57"	19° 58' 54"	106° 10' 55"	F-48-93-C-b
Xóm 1	DC	xã Hải Anh	H. Hải Hậu	20° 14' 07"	106° 16' 11"					F-48-93-D-a
Xóm 2A	DC	xã Hải Anh	H. Hải Hậu	20° 13' 49"	106° 16' 12"					F-48-93-D-a
Xóm 2B	DC	xã Hải Anh	H. Hải Hậu	20° 13' 48"	106° 15' 52"					F-48-93-D-a
Xóm 3	DC	xã Hải Anh	H. Hải Hậu	20° 13' 34"	106° 16' 07"					F-48-93-D-a
Xóm 4A	DC	xã Hải Anh	H. Hải Hậu	20° 13' 35"	106° 16' 18"					F-48-93-D-a
Xóm 4B	DC	xã Hải Anh	H. Hải Hậu	20° 13' 29"	106° 16' 16"					F-48-93-D-a
Xóm 5	DC	xã Hải Anh	H. Hải Hậu	20° 13' 31"	106° 16' 26"					F-48-93-D-a
Xóm 6	DC	xã Hải Anh	H. Hải Hậu	20° 13' 33"	106° 16' 39"					F-48-93-D-a
Xóm 7	DC	xã Hải Anh	H. Hải Hậu	20° 13' 26"	106° 16' 39"					F-48-93-D-a
Xóm 8	DC	xã Hải Anh	H. Hải Hậu	20° 13' 23"	106° 16' 29"					F-48-93-D-a
Xóm 9	DC	xã Hải Anh	H. Hải Hậu	20° 13' 26"	106° 16' 22"					F-48-93-D-a
Xóm 10	DC	xã Hải Anh	H. Hải Hậu	20° 13' 16"	106° 16' 07"					F-48-93-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Xóm 11	DC	xã Hải Anh	H. Hải Hậu	20° 12' 53"	106° 16' 20"					F-48-93-D-a
Xóm 12	DC	xã Hải Anh	H. Hải Hậu	20° 12' 55"	106° 15' 56"					F-48-93-D-a
Xóm 13	DC	xã Hải Anh	H. Hải Hậu	20° 12' 24"	106° 15' 43"					F-48-93-D-a
Xóm 14	DC	xã Hải Anh	H. Hải Hậu	20° 12' 16"	106° 15' 41"					F-48-93-D-a
Xóm 15	DC	xã Hải Anh	H. Hải Hậu	20° 12' 00"	106° 15' 25"					F-48-93-D-a
Xóm 16	DC	xã Hải Anh	H. Hải Hậu	20° 12' 20"	106° 15' 32"					F-48-93-D-a
Xóm 17	DC	xã Hải Anh	H. Hải Hậu	20° 12' 16"	106° 15' 10"					F-48-93-D-a
Xóm 18	DC	xã Hải Anh	H. Hải Hậu	20° 12' 24"	106° 15' 34"					F-48-93-D-a
Xóm 19	DC	xã Hải Anh	H. Hải Hậu	20° 12' 31"	106° 15' 32"					F-48-93-D-a
Xóm 20	DC	xã Hải Anh	H. Hải Hậu	20° 12' 33"	106° 15' 18"					F-48-93-D-a
Xóm 21	DC	xã Hải Anh	H. Hải Hậu	20° 12' 38"	106° 15' 12"					F-48-93-D-a
Xóm 22	DC	xã Hải Anh	H. Hải Hậu	20° 12' 47"	106° 15' 28"					F-48-93-D-a
Xóm 23	DC	xã Hải Anh	H. Hải Hậu	20° 12' 50"	106° 15' 15"					F-48-93-D-a
Xóm 24	DC	xã Hải Anh	H. Hải Hậu	20° 12' 55"	106° 15' 18"					F-48-93-D-a
cầu Chợ Đình	KX	xã Hải Anh	H. Hải Hậu	20° 12' 21"	106° 15' 38"					F-48-93-D-a
Cầu Ngói	KX	xã Hải Anh	H. Hải Hậu	20° 13' 38"	106° 16' 07"					F-48-93-D-a
Chợ Lương	KX	xã Hải Anh	H. Hải Hậu	20° 13' 39"	106° 16' 09"					F-48-93-D-a
Chùa Lương	KX	xã Hải Anh	H. Hải Hậu	20° 13' 40"	106° 16' 14"					F-48-93-D-a
đền Tứ Tổ	KX	xã Hải Anh	H. Hải Hậu	20° 13' 40"	106° 16' 11"					F-48-93-D-a
Quốc lộ 37B	KX	xã Hải Anh	H. Hải Hậu			20° 17' 28"	106° 27' 00"	20° 24' 01"	106° 00' 44"	F-48-93-C-b, F-48-93-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Ninh Cơ	TV	xã Hải Anh	H. Hải Hậu			20° 20' 31"	106° 17' 57"	19° 58' 54"	106° 10' 55"	F-48-93-D-a
Xóm 4	DC	xã Hải Bắc	H. Hải Hậu	20° 12' 49"	106° 17' 26"					F-48-93-D-a
Xóm 8	DC	xã Hải Bắc	H. Hải Hậu	20° 12' 35"	106° 17' 16"					F-48-93-D-a
Xóm 10	DC	xã Hải Bắc	H. Hải Hậu	20° 12' 22"	106° 16' 58"					F-48-93-D-a
Xóm 12	DC	xã Hải Bắc	H. Hải Hậu	20° 12' 09"	106° 16' 51"					F-48-93-D-a
xóm An Lộc	DC	xã Hải Bắc	H. Hải Hậu	20° 12' 39"	106° 17' 40"					F-48-93-D-a
xóm Đông Biên	DC	xã Hải Bắc	H. Hải Hậu	20° 12' 13"	106° 17' 35"					F-48-93-D-a
xóm Giáp Nội	DC	xã Hải Bắc	H. Hải Hậu	20° 12' 27"	106° 17' 10"					F-48-93-D-a
xóm Phương Đức	DC	xã Hải Bắc	H. Hải Hậu	20° 13' 07"	106° 18' 05"					F-48-93-D-a
xóm Triệu Phúc	DC	xã Hải Bắc	H. Hải Hậu	20° 13' 30"	106° 17' 56"					F-48-93-D-a
xóm Triệu Thông A	DC	xã Hải Bắc	H. Hải Hậu	20° 13' 16"	106° 17' 46"					F-48-93-D-a
xóm Triệu Thông B	DC	xã Hải Bắc	H. Hải Hậu	20° 13' 05"	106° 17' 43"					F-48-93-D-a
chùa Xã Hạ	KX	xã Hải Bắc	H. Hải Hậu	20° 12' 26"	106° 17' 03"					F-48-93-D-a
đền Xã Hạ	KX	xã Hải Bắc	H. Hải Hậu	20° 12' 25"	106° 17' 03"					F-48-93-D-a
Sông Múc	TV	xã Hải Bắc	H. Hải Hậu			20° 14' 17"	106° 16' 59"	20° 04' 21"	106° 14' 42"	F-48-93-D-a
xóm 1 Phú Lễ	DC	xã Hải Châu	H. Hải Hậu	20° 04' 56"	106° 13' 03"					F-48-93-C-d
xóm 1 Phú Văn Nam	DC	xã Hải Châu	H. Hải Hậu	20° 05' 56"	106° 13' 34"					F-48-93-C-d
xóm 2 Phú Lễ	DC	xã Hải Châu	H. Hải Hậu	20° 04' 55"	106° 12' 56"					F-48-93-C-d
xóm 2 Phú Văn Nam	DC	xã Hải Châu	H. Hải Hậu	20° 05' 44"	106° 13' 52"					F-48-93-C-d
xóm 3 Phú Lễ	DC	xã Hải Châu	H. Hải Hậu	20° 04' 51"	106° 12' 48"					F-48-93-C-d
xóm 3 Phú Văn Nam	DC	xã Hải Châu	H. Hải Hậu	20° 05' 37"	106° 14' 07"					F-48-93-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm 4 Phú Lễ	DC	xã Hải Châu	H. Hải Hậu	20° 04' 39"	106° 12' 50"					F-48-93-C-d
xóm 4 Phú Văn Nam	DC	xã Hải Châu	H. Hải Hậu	20° 05' 23"	106° 13' 30"					F-48-93-C-d
xóm 5 Phú Lễ	DC	xã Hải Châu	H. Hải Hậu	20° 04' 32"	106° 12' 53"					F-48-93-C-d
xóm 5 Phú Văn Nam	DC	xã Hải Châu	H. Hải Hậu	20° 05' 17"	106° 13' 27"					F-48-93-C-d
xóm 6 Phú Lễ	DC	xã Hải Châu	H. Hải Hậu	20° 04' 34"	106° 13' 02"					F-48-93-C-d
xóm 6 Phú Văn Nam	DC	xã Hải Châu	H. Hải Hậu	20° 05' 12"	106° 13' 29"					F-48-93-C-d
xóm 7 Phú Lễ	DC	xã Hải Châu	H. Hải Hậu	20° 03' 52"	106° 13' 06"					F-48-93-C-d
xóm 7 Phú Văn Nam	DC	xã Hải Châu	H. Hải Hậu	20° 05' 06"	106° 13' 44"					F-48-93-C-d
xóm 8 Phú Lễ	DC	xã Hải Châu	H. Hải Hậu	20° 03' 57"	106° 13' 16"					F-48-93-C-d
xóm 8 Phú Văn Nam	DC	xã Hải Châu	H. Hải Hậu	20° 04' 58"	106° 13' 43"					F-48-93-C-d
xóm 9 Phú Lễ	DC	xã Hải Châu	H. Hải Hậu	20° 04' 44"	106° 13' 06"					F-48-93-C-d
xóm 9 Phú Văn Nam	DC	xã Hải Châu	H. Hải Hậu	20° 05' 06"	106° 13' 24"					F-48-93-C-d
xóm 10 Phú Lễ	DC	xã Hải Châu	H. Hải Hậu	20° 03' 51"	106° 12' 53"					F-48-93-C-d
xóm 10 Phú Văn Nam	DC	xã Hải Châu	H. Hải Hậu	20° 05' 01"	106° 13' 31"					F-48-93-C-d
xóm 11 Phú Văn Nam	DC	xã Hải Châu	H. Hải Hậu	20° 04' 21"	106° 13' 57"					F-48-93-C-d
bến khách ngang sông Phú Lễ	KX	xã Hải Châu	H. Hải Hậu	20° 04' 25"	106° 12' 31"					F-48-93-C-d
Quốc lộ 21	KX	xã Hải Châu	H. Hải Hậu			20° 28' 19"	106° 02' 33"	20° 01' 27"	106° 12' 13"	F-48-93-C-d
Quốc lộ 21B	KX	xã Hải Châu	H. Hải Hậu			20° 27' 45"	106° 04' 44"	20° 03' 29"	106° 07' 42"	F-48-93-C-d
sông Ninh Cơ	TV	xã Hải Châu	H. Hải Hậu			20° 20' 31"	106° 17' 57"	19° 58' 54"	106° 10' 55"	F-48-93-C-d
Xóm 1	DC	xã Hải Chính	H. Hải Hậu	20° 07' 18"	106° 17' 59"					F-48-93-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Xóm 2	DC	xã Hải Chính	H. Hải Hậu	20° 07' 08"	106° 17' 38"					F-48-93-D-c
Xóm 3	DC	xã Hải Chính	H. Hải Hậu	20° 07' 03"	106° 17' 25"					F-48-93-D-c
Xóm 4	DC	xã Hải Chính	H. Hải Hậu	20° 06' 59"	106° 16' 54"					F-48-93-D-c
Xóm 5	DC	xã Hải Chính	H. Hải Hậu	20° 07' 12"	106° 17' 13"					F-48-93-D-c
xóm Nam Ninh	DC	xã Hải Chính	H. Hải Hậu	20° 06' 09"	106° 17' 00"					F-48-93-D-c
xóm Sơn Đông	DC	xã Hải Chính	H. Hải Hậu	20° 06' 15"	106° 16' 58"					F-48-93-D-c
xóm Tây Ninh	DC	xã Hải Chính	H. Hải Hậu	20° 06' 00"	106° 16' 51"					F-48-93-D-c
xóm Tây Sơn	DC	xã Hải Chính	H. Hải Hậu	20° 06' 32"	106° 16' 41"					F-48-93-D-c
xóm Trung Châu	DC	xã Hải Chính	H. Hải Hậu	20° 06' 39"	106° 17' 02"					F-48-93-D-c
Quốc lộ 21	KX	xã Hải Chính	H. Hải Hậu			20° 28' 19"	106° 02' 33"	20° 01' 27"	106° 12' 13"	F-48-93-D-c
Xóm 1	DC	xã Hải Cường	H. Hải Hậu	20° 07' 38"	106° 14' 50"					F-48-93-C-b
Xóm 2	DC	xã Hải Cường	H. Hải Hậu	20° 07' 33"	106° 15' 03"					F-48-93-D-a
Xóm 3	DC	xã Hải Cường	H. Hải Hậu	20° 07' 01"	106° 14' 55"					F-48-93-C-d
Xóm 4	DC	xã Hải Cường	H. Hải Hậu	20° 06' 57"	106° 14' 45"					F-48-93-C-d
Xóm 5	DC	xã Hải Cường	H. Hải Hậu	20° 06' 41"	106° 14' 38"					F-48-93-C-d
Xóm 6	DC	xã Hải Cường	H. Hải Hậu	20° 06' 49"	106° 14' 54"					F-48-93-C-d
Xóm 7	DC	xã Hải Cường	H. Hải Hậu	20° 06' 57"	106° 15' 07"					F-48-93-D-c
Xóm 8	DC	xã Hải Cường	H. Hải Hậu	20° 06' 56"	106° 15' 23"					F-48-93-D-c
Xóm 9	DC	xã Hải Cường	H. Hải Hậu	20° 06' 53"	106° 15' 28"					F-48-93-D-c
Xóm 10	DC	xã Hải Cường	H. Hải Hậu	20° 06' 59"	106° 15' 38"					F-48-93-D-c
Xóm 11	DC	xã Hải Cường	H. Hải Hậu	20° 06' 58"	106° 15' 53"					F-48-93-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Xóm 12	DC	xã Hải Cường	H. Hải Hậu	20° 06' 59"	106° 16' 11"					F-48-93-D-c
cầu Chợ Quán	KX	xã Hải Cường	H. Hải Hậu	20° 07' 31"	106° 15' 09"					F-48-93-D-a
Đường tỉnh 488C	KX	xã Hải Cường	H. Hải Hậu			20° 11' 52"	106° 19' 25"	20° 07' 28"	106° 11' 26"	F-48-93-C-b, F-48-93-D-a
xóm Đông Châu	DC	xã Hải Đông	H. Hải Hậu	20° 09' 12"	106° 19' 16"					F-48-93-D-a
xóm Hải Điền	DC	xã Hải Đông	H. Hải Hậu	20° 09' 31"	106° 18' 27"					F-48-93-D-a
xóm Hợp Thành	DC	xã Hải Đông	H. Hải Hậu	20° 10' 25"	106° 20' 28"					F-48-93-D-a
xóm Nam Châu	DC	xã Hải Đông	H. Hải Hậu	20° 08' 51"	106° 18' 44"					F-48-93-D-a
xóm Nam Giang	DC	xã Hải Đông	H. Hải Hậu	20° 09' 40"	106° 19' 51"					F-48-93-D-a
xóm Tây Cát	DC	xã Hải Đông	H. Hải Hậu	20° 08' 43"	106° 18' 16"					F-48-93-D-a
xóm Trần Phú	DC	xã Hải Đông	H. Hải Hậu	20° 09' 22"	106° 19' 32"					F-48-93-D-a
xóm Trung Đồng	DC	xã Hải Đông	H. Hải Hậu	20° 09' 10"	106° 18' 42"					F-48-93-D-a
xóm Xuân Hà	DC	xã Hải Đông	H. Hải Hậu	20° 09' 23"	106° 19' 48"					F-48-93-D-a
Đường tỉnh 488C	KX	xã Hải Đông	H. Hải Hậu			20° 11' 52"	106° 19' 25"	20° 07' 28"	106° 11' 26"	F-48-93-D-a, F-48-93-D-c
cửa Hà Lạn	TV	xã Hải Đông	H. Hải Hậu	20° 10' 38"	106° 21' 18"					F-48-93-D-a
sông Hải Hậu	TV	xã Hải Đông	H. Hải Hậu			20° 09' 30"	106° 16' 53"	20° 09' 34"	106° 19' 30"	F-48-93-D-a
Sông Sò	TV	xã Hải Đông	H. Hải Hậu			20° 18' 00"	106° 25' 43"	20° 10' 38"	106° 21' 18"	F-48-93-D-a
Xóm 1	DC	xã Hải Đường	H. Hải Hậu	20° 11' 45"	106° 15' 19"					F-48-93-D-a
Xóm 2	DC	xã Hải Đường	H. Hải Hậu	20° 11' 44"	106° 14' 59"					F-48-93-C-b
Xóm 3	DC	xã Hải Đường	H. Hải Hậu	20° 11' 06"	106° 15' 11"					F-48-93-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Xóm 4	DC	xã Hải Đường	H. Hải Hậu	20° 10' 58"	106° 15' 11"					F-48-93-D-a
Xóm 5	DC	xã Hải Đường	H. Hải Hậu	20° 10' 42"	106° 14' 48"					F-48-93-C-b
Xóm 6	DC	xã Hải Đường	H. Hải Hậu	20° 10' 30"	106° 15' 04"					F-48-93-D-a
Xóm 7	DC	xã Hải Đường	H. Hải Hậu	20° 10' 03"	106° 14' 52"					F-48-93-C-b
Xóm 8A	DC	xã Hải Đường	H. Hải Hậu	20° 10' 07"	106° 14' 38"					F-48-93-C-b
Xóm 8B	DC	xã Hải Đường	H. Hải Hậu	20° 09' 47"	106° 14' 40"					F-48-93-C-b
Xóm 9	DC	xã Hải Đường	H. Hải Hậu	20° 09' 26"	106° 14' 35"					F-48-93-C-b
Xóm 10	DC	xã Hải Đường	H. Hải Hậu	20° 09' 16"	106° 14' 26"					F-48-93-C-b
Xóm 11	DC	xã Hải Đường	H. Hải Hậu	20° 09' 10"	106° 14' 18"					F-48-93-C-b
Xóm 12	DC	xã Hải Đường	H. Hải Hậu	20° 08' 52"	106° 14' 17"					F-48-93-C-b
Xóm 13	DC	xã Hải Đường	H. Hải Hậu	20° 08' 24"	106° 14' 10"					F-48-93-C-b
Xóm 14	DC	xã Hải Đường	H. Hải Hậu	20° 08' 39"	106° 14' 27"					F-48-93-C-b
Xóm 15	DC	xã Hải Đường	H. Hải Hậu	20° 08' 20"	106° 14' 38"					F-48-93-C-b
Xóm 16	DC	xã Hải Đường	H. Hải Hậu	20° 08' 36"	106° 14' 36"					F-48-93-C-b
Xóm 17	DC	xã Hải Đường	H. Hải Hậu	20° 09' 05"	106° 14' 41"					F-48-93-C-b
Xóm 18	DC	xã Hải Đường	H. Hải Hậu	20° 09' 22"	106° 14' 52"					F-48-93-C-b
Xóm 19	DC	xã Hải Đường	H. Hải Hậu	20° 09' 38"	106° 14' 58"					F-48-93-C-b
Xóm 20	DC	xã Hải Đường	H. Hải Hậu	20° 10' 03"	106° 15' 00"					F-48-93-C-b
Xóm 21	DC	xã Hải Đường	H. Hải Hậu	20° 10' 19"	106° 15' 07"					F-48-93-D-a
Xóm 22	DC	xã Hải Đường	H. Hải Hậu	20° 10' 58"	106° 15' 15"					F-48-93-D-a
Xóm 23	DC	xã Hải Đường	H. Hải Hậu	20° 11' 31"	106° 15' 37"					F-48-93-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Xóm 24	DC	xã Hải Đường	H. Hải Hậu	20° 11' 40"	106° 15' 29"					F-48-93-D-a
Xóm 25	DC	xã Hải Đường	H. Hải Hậu	20° 11' 46"	106° 15' 45"					F-48-93-D-a
xóm Mỹ Đức	DC	xã Hải Giang	H. Hải Hậu	20° 07' 41"	106° 12' 21"					F-48-93-C-b
xóm Mỹ Hoà	DC	xã Hải Giang	H. Hải Hậu	20° 07' 38"	106° 12' 39"					F-48-93-C-b
xóm Mỹ Thọ I	DC	xã Hải Giang	H. Hải Hậu	20° 07' 40"	106° 11' 37"					F-48-93-C-b
xóm Mỹ Thọ II	DC	xã Hải Giang	H. Hải Hậu	20° 07' 56"	106° 11' 04"					F-48-93-C-b
xóm Mỹ Thuận	DC	xã Hải Giang	H. Hải Hậu	20° 07' 46"	106° 12' 27"					F-48-93-C-b
xóm Mỹ Tiến	DC	xã Hải Giang	H. Hải Hậu	20° 07' 56"	106° 12' 52"					F-48-93-C-b
xóm Ninh Đông	DC	xã Hải Giang	H. Hải Hậu	20° 07' 26"	106° 12' 43"					F-48-93-C-d
xóm Ninh Giang	DC	xã Hải Giang	H. Hải Hậu	20° 07' 29"	106° 12' 05"					F-48-93-C-d
xóm Ninh Hà	DC	xã Hải Giang	H. Hải Hậu	20° 07' 02"	106° 12' 04"					F-48-93-C-d
xóm Ninh Thành	DC	xã Hải Giang	H. Hải Hậu	20° 07' 06"	106° 12' 19"					F-48-93-C-d
xóm Ninh Trung	DC	xã Hải Giang	H. Hải Hậu	20° 07' 01"	106° 12' 14"					F-48-93-C-d
bến khách ngang sông Ninh Mỹ	KX	xã Hải Giang	H. Hải Hậu	20° 07' 19"	106° 11' 27"					F-48-93-C-d
Đường tỉnh 488C	KX	xã Hải Giang	H. Hải Hậu			20° 11' 52"	106° 19' 25"	20° 07' 28"	106° 11' 26"	F-48-93-C-b, F-48-93-C-d
Quốc lộ 21B	KX	xã Hải Giang	H. Hải Hậu			20° 27' 45"	106° 04' 44"	20° 03' 29"	106° 07' 42"	F-48-93-C-b, F-48-93-C-d
sông Ninh Cơ	TV	xã Hải Giang	H. Hải Hậu			20° 20' 31"	106° 17' 57"	19° 58' 54"	106° 10' 55"	F-48-93-C-b, F-48-93-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Xóm 1	DC	xã Hải Hà	H. Hải Hậu	20° 11' 43"	106° 19' 39"					F-48-93-D-a
Xóm 2	DC	xã Hải Hà	H. Hải Hậu	20° 11' 41"	106° 19' 28"					F-48-93-D-a
Xóm 3	DC	xã Hải Hà	H. Hải Hậu	20° 12' 08"	106° 19' 20"					F-48-93-D-a
Xóm 4	DC	xã Hải Hà	H. Hải Hậu	20° 11' 48"	106° 19' 19"					F-48-93-D-a
Xóm 5	DC	xã Hải Hà	H. Hải Hậu	20° 11' 42"	106° 19' 14"					F-48-93-D-a
Xóm 6	DC	xã Hải Hà	H. Hải Hậu	20° 11' 47"	106° 19' 09"					F-48-93-D-a
Xóm 7	DC	xã Hải Hà	H. Hải Hậu	20° 11' 44"	106° 19' 05"					F-48-93-D-a
Xóm 8	DC	xã Hải Hà	H. Hải Hậu	20° 11' 46"	106° 18' 58"					F-48-93-D-a
Xóm 9	DC	xã Hải Hà	H. Hải Hậu	20° 11' 45"	106° 18' 52"					F-48-93-D-a
Xóm 10	DC	xã Hải Hà	H. Hải Hậu	20° 11' 33"	106° 18' 51"					F-48-93-D-a
Xóm 11	DC	xã Hải Hà	H. Hải Hậu	20° 10' 58"	106° 18' 42"					F-48-93-D-a
Xóm 12	DC	xã Hải Hà	H. Hải Hậu	20° 11' 07"	106° 19' 14"					F-48-93-D-a
cầu Chợ Quán	KX	xã Hải Hà	H. Hải Hậu	20° 11' 52"	106° 19' 25"					F-48-93-D-a
Đường tỉnh 488C	KX	xã Hải Hà	H. Hải Hậu			20° 11' 52"	106° 19' 25"	20° 07' 28"	106° 11' 26"	F-48-93-D-a
Quốc lộ 37B	KX	xã Hải Hà	H. Hải Hậu			20° 17' 28"	106° 27' 00"	20° 24' 01"	106° 00' 44"	F-48-93-D-a
xóm Cồn Tròn Đông	DC	xã Hải Hòa	H. Hải Hậu	20° 03' 15"	106° 14' 21"					F-48-93-C-d
xóm Cồn Tròn Tây	DC	xã Hải Hòa	H. Hải Hậu	20° 03' 00"	106° 14' 06"					F-48-93-C-d
xóm Tân Hùng	DC	xã Hải Hòa	H. Hải Hậu	20° 04' 20"	106° 14' 29"					F-48-93-C-d
xóm Xuân An	DC	xã Hải Hòa	H. Hải Hậu	20° 03' 41"	106° 14' 09"					F-48-93-C-d
xóm Xuân Đài Đông	DC	xã Hải Hòa	H. Hải Hậu	20° 04' 44"	106° 15' 03"					F-48-93-D-c
xóm Xuân Đài Tây	DC	xã Hải Hòa	H. Hải Hậu	20° 04' 32"	106° 14' 49"					F-48-93-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Xuân Hà	DC	xã Hải Hòa	H. Hải Hậu	20° 03' 50"	106° 14' 36"					F-48-93-C-d
xóm Xuân Hòa Đông	DC	xã Hải Hòa	H. Hải Hậu	20° 04' 43"	106° 14' 41"					F-48-93-C-d
xóm Xuân Hòa Tây	DC	xã Hải Hòa	H. Hải Hậu	20° 04' 34"	106° 14' 28"					F-48-93-C-d
xóm Xuân Phong	DC	xã Hải Hòa	H. Hải Hậu	20° 05' 12"	106° 14' 45"					F-48-93-C-d
xóm Xuân Thịnh	DC	xã Hải Hòa	H. Hải Hậu	20° 04' 43"	106° 14' 18"					F-48-93-C-d
xóm Xuân Trung	DC	xã Hải Hòa	H. Hải Hậu	20° 04' 00"	106° 14' 48"					F-48-93-C-d
Quốc lộ 21	KX	xã Hải Hòa	H. Hải Hậu			20° 28' 19"	106° 02' 33"	20° 01' 27"	106° 12' 13"	F-48-93-C-d, F-48-93-D-c
Sông Múc	TV	xã Hải Hòa	H. Hải Hậu			20° 14' 17"	106° 16' 59"	20° 04' 21"	106° 14' 42"	F-48-93-C-d, F-48-93-D-c
Xóm 1	DC	xã Hải Hưng	H. Hải Hậu	20° 13' 45"	106° 18' 44"					F-48-93-D-a
Xóm 2	DC	xã Hải Hưng	H. Hải Hậu	20° 13' 39"	106° 18' 41"					F-48-93-D-a
Xóm 3	DC	xã Hải Hưng	H. Hải Hậu	20° 13' 06"	106° 18' 37"					F-48-93-D-a
Xóm 4	DC	xã Hải Hưng	H. Hải Hậu	20° 12' 51"	106° 18' 52"					F-48-93-D-a
Xóm 5	DC	xã Hải Hưng	H. Hải Hậu	20° 12' 56"	106° 18' 30"					F-48-93-D-a
Xóm 6	DC	xã Hải Hưng	H. Hải Hậu	20° 13' 04"	106° 18' 20"					F-48-93-D-a
Xóm 7	DC	xã Hải Hưng	H. Hải Hậu	20° 12' 53"	106° 18' 20"					F-48-93-D-a
Xóm 8	DC	xã Hải Hưng	H. Hải Hậu	20° 12' 47"	106° 18' 27"					F-48-93-D-a
Xóm 9	DC	xã Hải Hưng	H. Hải Hậu	20° 12' 45"	106° 18' 37"					F-48-93-D-a
Xóm 10	DC	xã Hải Hưng	H. Hải Hậu	20° 12' 38"	106° 18' 33"					F-48-93-D-a
Xóm 11	DC	xã Hải Hưng	H. Hải Hậu	20° 12' 41"	106° 18' 19"					F-48-93-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Xóm 12	DC	xã Hải Hưng	H. Hải Hậu	20° 12' 34"	106° 18' 25"					F-48-93-D-a
Xóm 13	DC	xã Hải Hưng	H. Hải Hậu	20° 12' 14"	106° 18' 21"					F-48-93-D-a
Xóm 14	DC	xã Hải Hưng	H. Hải Hậu	20° 12' 15"	106° 18' 30"					F-48-93-D-a
Xóm 15	DC	xã Hải Hưng	H. Hải Hậu	20° 12' 09"	106° 18' 25"					F-48-93-D-a
Xóm 16	DC	xã Hải Hưng	H. Hải Hậu	20° 12' 08"	106° 18' 16"					F-48-93-D-a
Xóm 17	DC	xã Hải Hưng	H. Hải Hậu	20° 12' 04"	106° 18' 06"					F-48-93-D-a
Xóm 18	DC	xã Hải Hưng	H. Hải Hậu	20° 11' 45"	106° 17' 51"					F-48-93-D-a
Xóm 19	DC	xã Hải Hưng	H. Hải Hậu	20° 11' 42"	106° 17' 58"					F-48-93-D-a
Xóm 20	DC	xã Hải Hưng	H. Hải Hậu	20° 10' 41"	106° 17' 21"					F-48-93-D-a
cầu Chợ Trâu	KX	xã Hải Hưng	H. Hải Hậu	20° 12' 57"	106° 19' 12"					F-48-93-D-a
cầu Hàng Bạc	KX	xã Hải Hưng	H. Hải Hậu	20° 11' 58"	106° 18' 12"					F-48-93-D-a
cầu Hàng Thụ	KX	xã Hải Hưng	H. Hải Hậu	20° 11' 57"	106° 18' 21"					F-48-93-D-a
Quốc lộ 21	KX	xã Hải Hưng	H. Hải Hậu			20° 28' 19"	106° 02' 33"	20° 01' 27"	106° 12' 13"	F-48-93-D-a
Quốc lộ 37B	KX	xã Hải Hưng	H. Hải Hậu			20° 17' 28"	106° 27' 00"	20° 24' 01"	106° 00' 44"	F-48-93-D-a
Sông Múc	TV	xã Hải Hưng	H. Hải Hậu			20° 14' 17"	106° 16' 59"	20° 04' 21"	106° 14' 42"	F-48-93-D-a
Xóm 1	DC	xã Hải Long	H. Hải Hậu	20° 11' 55"	106° 16' 34"					F-48-93-D-a
Xóm 2	DC	xã Hải Long	H. Hải Hậu	20° 12' 07"	106° 16' 21"					F-48-93-D-a
Xóm 3	DC	xã Hải Long	H. Hải Hậu	20° 12' 04"	106° 16' 03"					F-48-93-D-a
Xóm 4	DC	xã Hải Long	H. Hải Hậu	20° 11' 52"	106° 16' 01"					F-48-93-D-a
Xóm 5	DC	xã Hải Long	H. Hải Hậu	20° 11' 44"	106° 16' 02"					F-48-93-D-a
Xóm 6	DC	xã Hải Long	H. Hải Hậu	20° 11' 39"	106° 16' 12"					F-48-93-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Xóm 7	DC	xã Hải Long	H. Hải Hậu	20° 11' 27"	106° 15' 48"					F-48-93-D-a
Xóm 8	DC	xã Hải Long	H. Hải Hậu	20° 11' 27"	106° 16' 02"					F-48-93-D-a
Xóm 9	DC	xã Hải Long	H. Hải Hậu	20° 11' 25"	106° 16' 21"					F-48-93-D-a
Xóm 10	DC	xã Hải Long	H. Hải Hậu	20° 11' 19"	106° 16' 17"					F-48-93-D-a
Xóm 11	DC	xã Hải Long	H. Hải Hậu	20° 11' 15"	106° 16' 22"					F-48-93-D-a
Xóm 12	DC	xã Hải Long	H. Hải Hậu	20° 10' 52"	106° 16' 09"					F-48-93-D-a
Xóm 13	DC	xã Hải Long	H. Hải Hậu	20° 10' 34"	106° 16' 00"					F-48-93-D-a
Xóm 14	DC	xã Hải Long	H. Hải Hậu	20° 10' 20"	106° 15' 56"					F-48-93-D-a
Xóm 15	DC	xã Hải Long	H. Hải Hậu	20° 10' 03"	106° 16' 00"					F-48-93-D-a
Xóm 16	DC	xã Hải Long	H. Hải Hậu	20° 10' 41"	106° 15' 52"					F-48-93-D-a
Xóm 17	DC	xã Hải Long	H. Hải Hậu	20° 10' 22"	106° 15' 46"					F-48-93-D-a
cầu Tùng Lâm	KX	xã Hải Long	H. Hải Hậu	20° 12' 03"	106° 16' 37"					F-48-93-D-a
Quốc lộ 37B	KX	xã Hải Long	H. Hải Hậu			20° 17' 28"	106° 27' 00"	20° 24' 01"	106° 00' 44"	F-48-93-D-a
Xóm 1	DC	xã Hải Lộc	H. Hải Hậu	20° 11' 28"	106° 19' 24"					F-48-93-D-a
Xóm 2	DC	xã Hải Lộc	H. Hải Hậu	20° 11' 26"	106° 19' 41"					F-48-93-D-a
Xóm 3	DC	xã Hải Lộc	H. Hải Hậu	20° 11' 29"	106° 19' 54"					F-48-93-D-a
Xóm 4	DC	xã Hải Lộc	H. Hải Hậu	20° 11' 18"	106° 20' 22"					F-48-93-D-a
Xóm 5	DC	xã Hải Lộc	H. Hải Hậu	20° 10' 40"	106° 19' 56"					F-48-93-D-a
Xóm 6	DC	xã Hải Lộc	H. Hải Hậu	20° 11' 06"	106° 19' 43"					F-48-93-D-a
Xóm 7	DC	xã Hải Lộc	H. Hải Hậu	20° 11' 12"	106° 19' 55"					F-48-93-D-a
Xóm 8	DC	xã Hải Lộc	H. Hải Hậu	20° 11' 05"	106° 19' 27"					F-48-93-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Xóm 9	DC	xã Hải Lộc	H. Hải Hậu	20° 10' 45"	106° 20' 35"					F-48-93-D-a
Xóm 10	DC	xã Hải Lộc	H. Hải Hậu	20° 10' 09"	106° 19' 58"					F-48-93-D-a
Xóm 11	DC	xã Hải Lộc	H. Hải Hậu	20° 09' 58"	106° 19' 48"					F-48-93-D-a
Sông Sò	TV	xã Hải Lộc	H. Hải Hậu			20° 18' 00"	106° 25' 43"	20° 10' 38"	106° 21' 18"	F-48-93-D-a
Xóm 3	DC	xã Hải Lý	H. Hải Hậu	20° 07' 56"	106° 18' 33"					F-48-93-D-a
Xóm 4	DC	xã Hải Lý	H. Hải Hậu	20° 08' 04"	106° 18' 30"					F-48-93-D-a
Xóm 5	DC	xã Hải Lý	H. Hải Hậu	20° 08' 04"	106° 18' 17"					F-48-93-D-c
Xóm 6	DC	xã Hải Lý	H. Hải Hậu	20° 07' 57"	106° 18' 21"					F-48-93-D-a
Xóm 7	DC	xã Hải Lý	H. Hải Hậu	20° 07' 44"	106° 18' 20"					F-48-93-D-a
Xóm 8	DC	xã Hải Lý	H. Hải Hậu	20° 07' 33"	106° 18' 20"					F-48-93-D-a
Xóm 9	DC	xã Hải Lý	H. Hải Hậu	20° 07' 39"	106° 18' 05"					F-48-93-D-a
Xóm 10	DC	xã Hải Lý	H. Hải Hậu	20° 07' 50"	106° 18' 13"					F-48-93-D-a
Xóm A	DC	xã Hải Lý	H. Hải Hậu	20° 07' 31"	106° 17' 35"					F-48-93-D-a
Xóm B	DC	xã Hải Lý	H. Hải Hậu	20° 07' 34"	106° 17' 13"					F-48-93-D-a
Xóm C	DC	xã Hải Lý	H. Hải Hậu	20° 07' 37"	106° 17' 42"					F-48-93-D-a
Xóm Đ	DC	xã Hải Lý	H. Hải Hậu	20° 07' 35"	106° 17' 56"					F-48-93-D-a
xóm Đinh Tiên Hoàng	DC	xã Hải Lý	H. Hải Hậu	20° 07' 34"	106° 17' 02"					F-48-93-D-a
Xóm E	DC	xã Hải Lý	H. Hải Hậu	20° 07' 43"	106° 18' 02"					F-48-93-D-a
xóm Lê Lợi	DC	xã Hải Lý	H. Hải Hậu	20° 07' 33"	106° 16' 54"					F-48-93-D-a
xóm Quang Trung	DC	xã Hải Lý	H. Hải Hậu	20° 07' 03"	106° 16' 53"					F-48-93-D-c
xóm Tây Cát	DC	xã Hải Lý	H. Hải Hậu	20° 08' 05"	106° 18' 07"					F-48-93-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Văn Lý	DC	xã Hải Lý	H. Hải Hậu	20° 07' 32"	106° 18' 05"					F-48-93-D-a
Xóm 1	DC	xã Hải Minh	H. Hải Hậu	20° 13' 44"	106° 16' 00"					F-48-93-D-a
Xóm 2A	DC	xã Hải Minh	H. Hải Hậu	20° 13' 56"	106° 16' 02"					F-48-93-D-a
Xóm 2B	DC	xã Hải Minh	H. Hải Hậu	20° 13' 49"	106° 15' 52"					F-48-93-D-a
Xóm 3	DC	xã Hải Minh	H. Hải Hậu	20° 13' 36"	106° 16' 01"					F-48-93-D-a
Xóm 3A	DC	xã Hải Minh	H. Hải Hậu	20° 14' 19"	106° 16' 01"					F-48-93-D-a
Xóm 3B	DC	xã Hải Minh	H. Hải Hậu	20° 14' 37"	106° 15' 17"					F-48-93-D-a
Xóm 4A	DC	xã Hải Minh	H. Hải Hậu	20° 13' 46"	106° 15' 39"					F-48-93-D-a
Xóm 4B	DC	xã Hải Minh	H. Hải Hậu	20° 13' 47"	106° 15' 27"					F-48-93-D-a
Xóm 5	DC	xã Hải Minh	H. Hải Hậu	20° 13' 34"	106° 15' 37"					F-48-93-D-a
Xóm 6	DC	xã Hải Minh	H. Hải Hậu	20° 13' 43"	106° 14' 49"					F-48-93-C-b
Xóm 7A	DC	xã Hải Minh	H. Hải Hậu	20° 13' 29"	106° 15' 06"					F-48-93-D-a
Xóm 7B	DC	xã Hải Minh	H. Hải Hậu	20° 13' 18"	106° 15' 06"					F-48-93-D-a
Xóm 8	DC	xã Hải Minh	H. Hải Hậu	20° 13' 11"	106° 15' 54"					F-48-93-D-a
xóm 9 Liên Minh	DC	xã Hải Minh	H. Hải Hậu	20° 13' 51"	106° 15' 15"					F-48-93-D-a
xóm 9 Tân Tiến	DC	xã Hải Minh	H. Hải Hậu	20° 14' 42"	106° 15' 07"					F-48-93-D-a
xóm 10 Liên Minh	DC	xã Hải Minh	H. Hải Hậu	20° 13' 14"	106° 15' 12"					F-48-93-D-a
xóm 10 Tân Tiến	DC	xã Hải Minh	H. Hải Hậu	20° 14' 14"	106° 15' 24"					F-48-93-D-a
Xóm 30	DC	xã Hải Minh	H. Hải Hậu	20° 14' 09"	106° 14' 47"					F-48-93-C-b
Xóm 31	DC	xã Hải Minh	H. Hải Hậu	20° 14' 23"	106° 14' 46"					F-48-93-C-b
Xóm 32	DC	xã Hải Minh	H. Hải Hậu	20° 14' 18"	106° 15' 08"					F-48-93-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Xóm 33	DC	xã Hải Minh	H. Hải Hậu	20° 13' 59"	106° 14' 58"					F-48-93-C-b
Xóm 34	DC	xã Hải Minh	H. Hải Hậu	20° 14' 09"	106° 15' 12"					F-48-93-D-a
Xóm 35	DC	xã Hải Minh	H. Hải Hậu	20° 14' 04"	106° 15' 27"					F-48-93-D-a
Xóm 37	DC	xã Hải Minh	H. Hải Hậu	20° 13' 56"	106° 15' 37"					F-48-93-D-a
xóm Bắc Hải	DC	xã Hải Minh	H. Hải Hậu	20° 14' 35"	106° 15' 54"					F-48-93-D-a
Xóm Gò	DC	xã Hải Minh	H. Hải Hậu	20° 14' 55"	106° 15' 19"					F-48-93-D-a
chùa Phúc Hải	KX	xã Hải Minh	H. Hải Hậu	20° 13' 57"	106° 15' 50"					F-48-93-D-a
sông Ninh Cơ	TV	xã Hải Minh	H. Hải Hậu			20° 20' 31"	106° 17' 57"	19° 58' 54"	106° 10' 55"	F-48-93-B-c, F-48-93-C-b, F-48-93-D-a
Xóm 1	DC	xã Hải Nam	H. Hải Hậu	20° 12' 59"	106° 19' 33"					F-48-93-D-a
Xóm 2	DC	xã Hải Nam	H. Hải Hậu	20° 12' 40"	106° 19' 29"					F-48-93-D-a
Xóm 3	DC	xã Hải Nam	H. Hải Hậu	20° 12' 54"	106° 19' 42"					F-48-93-D-a
Xóm 4	DC	xã Hải Nam	H. Hải Hậu	20° 12' 51"	106° 19' 29"					F-48-93-D-a
Xóm 5	DC	xã Hải Nam	H. Hải Hậu	20° 13' 04"	106° 19' 45"					F-48-93-D-a
Xóm 6	DC	xã Hải Nam	H. Hải Hậu	20° 13' 05"	106° 19' 54"					F-48-93-D-a
Xóm 7	DC	xã Hải Nam	H. Hải Hậu	20° 13' 25"	106° 20' 29"					F-48-93-D-a
Xóm 8	DC	xã Hải Nam	H. Hải Hậu	20° 13' 20"	106° 20' 40"					F-48-93-D-a
Xóm 9	DC	xã Hải Nam	H. Hải Hậu	20° 13' 45"	106° 20' 13"					F-48-93-D-a
Xóm 10	DC	xã Hải Nam	H. Hải Hậu	20° 13' 31"	106° 20' 18"					F-48-93-D-a
Xóm 11	DC	xã Hải Nam	H. Hải Hậu	20° 13' 33"	106° 20' 09"					F-48-93-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Xóm 12	DC	xã Hải Nam	H. Hải Hậu	20° 13' 37"	106° 20' 17"					F-48-93-D-a
Xóm 13	DC	xã Hải Nam	H. Hải Hậu	20° 13' 38"	106° 20' 07"					F-48-93-D-a
Xóm 14	DC	xã Hải Nam	H. Hải Hậu	20° 14' 01"	106° 20' 28"					F-48-93-D-a
Xóm 15	DC	xã Hải Nam	H. Hải Hậu	20° 14' 08"	106° 20' 35"					F-48-93-D-a
Xóm 16	DC	xã Hải Nam	H. Hải Hậu	20° 14' 11"	106° 20' 57"					F-48-93-D-a
Xóm 17	DC	xã Hải Nam	H. Hải Hậu	20° 14' 15"	106° 21' 09"					F-48-93-D-a
Xóm 18	DC	xã Hải Nam	H. Hải Hậu	20° 14' 09"	106° 20' 03"					F-48-93-D-a
Xóm 19	DC	xã Hải Nam	H. Hải Hậu	20° 12' 55"	106° 19' 19"					F-48-93-D-a
Xóm 20	DC	xã Hải Nam	H. Hải Hậu	20° 14' 38"	106° 21' 26"					F-48-93-D-a
cầu Chợ Trâu	KX	xã Hải Nam	H. Hải Hậu	20° 12' 57"	106° 19' 12"					F-48-93-D-a
cầu Thức Hóa	KX	xã Hải Nam	H. Hải Hậu	20° 14' 00"	106° 21' 36"					F-48-93-D-a
Đường tỉnh 489B	KX	xã Hải Nam	H. Hải Hậu			20° 14' 40"	106° 19' 20"	20° 11' 31"	106° 22' 50"	F-48-93-D-a
Quốc lộ 21	KX	xã Hải Nam	H. Hải Hậu			20° 28' 19"	106° 02' 33"	20° 01' 27"	106° 12' 13"	F-48-93-D-a
Sông Sò	TV	xã Hải Nam	H. Hải Hậu			20° 18' 00"	106° 25' 43"	20° 10' 38"	106° 21' 18"	F-48-93-D-a
Xóm 1	DC	xã Hải Ninh	H. Hải Hậu	20° 06' 57"	106° 13' 24"					F-48-93-C-d
Xóm 2	DC	xã Hải Ninh	H. Hải Hậu	20° 06' 49"	106° 13' 21"					F-48-93-C-d
Xóm 3	DC	xã Hải Ninh	H. Hải Hậu	20° 06' 54"	106° 13' 34"					F-48-93-C-d
Xóm 4	DC	xã Hải Ninh	H. Hải Hậu	20° 06' 30"	106° 13' 34"					F-48-93-C-d
Xóm 5	DC	xã Hải Ninh	H. Hải Hậu	20° 07' 02"	106° 13' 16"					F-48-93-C-d
Xóm 6	DC	xã Hải Ninh	H. Hải Hậu	20° 06' 52"	106° 13' 12"					F-48-93-C-d
Xóm 7	DC	xã Hải Ninh	H. Hải Hậu	20° 06' 39"	106° 13' 14"					F-48-93-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Xóm 8	DC	xã Hải Ninh	H. Hải Hậu	20° 06' 08"	106° 13' 12"					F-48-93-C-d
Xóm 9	DC	xã Hải Ninh	H. Hải Hậu	20° 06' 26"	106° 12' 57"					F-48-93-C-d
Xóm 10	DC	xã Hải Ninh	H. Hải Hậu	20° 06' 48"	106° 13' 02"					F-48-93-C-d
Xóm 11	DC	xã Hải Ninh	H. Hải Hậu	20° 06' 43"	106° 12' 34"					F-48-93-C-d
Xóm 12	DC	xã Hải Ninh	H. Hải Hậu	20° 06' 46"	106° 12' 19"					F-48-93-C-d
Xóm 13	DC	xã Hải Ninh	H. Hải Hậu	20° 06' 39"	106° 12' 05"					F-48-93-C-d
Xóm 14	DC	xã Hải Ninh	H. Hải Hậu	20° 06' 13"	106° 12' 42"					F-48-93-C-d
Xóm 15	DC	xã Hải Ninh	H. Hải Hậu	20° 06' 11"	106° 12' 39"					F-48-93-C-d
Xóm 16	DC	xã Hải Ninh	H. Hải Hậu	20° 06' 14"	106° 12' 23"					F-48-93-C-d
Xóm 17	DC	xã Hải Ninh	H. Hải Hậu	20° 06' 10"	106° 12' 12"					F-48-93-C-d
Xóm 18	DC	xã Hải Ninh	H. Hải Hậu	20° 05' 28"	106° 12' 42"					F-48-93-C-d
Xóm 19	DC	xã Hải Ninh	H. Hải Hậu	20° 05' 24"	106° 12' 30"					F-48-93-C-d
Quốc lộ 21B	KX	xã Hải Ninh	H. Hải Hậu			20° 27' 45"	106° 04' 44"	20° 03' 29"	106° 07' 42"	F-48-93-C-d
sông Ninh Cơ	TV	xã Hải Ninh	H. Hải Hậu			20° 20' 31"	106° 17' 57"	19° 58' 54"	106° 10' 55"	F-48-93-C-d
Xóm 1A	DC	xã Hải Phong	H. Hải Hậu	20° 08' 55"	106° 14' 01"					F-48-93-C-b
Xóm 1B	DC	xã Hải Phong	H. Hải Hậu	20° 09' 02"	106° 14' 03"					F-48-93-C-b
Xóm 2A	DC	xã Hải Phong	H. Hải Hậu	20° 09' 14"	106° 13' 53"					F-48-93-C-b
Xóm 2B	DC	xã Hải Phong	H. Hải Hậu	20° 09' 15"	106° 13' 47"					F-48-93-C-b
Xóm 2C	DC	xã Hải Phong	H. Hải Hậu	20° 08' 44"	106° 13' 36"					F-48-93-C-b
Xóm 2D	DC	xã Hải Phong	H. Hải Hậu	20° 09' 21"	106° 13' 37"					F-48-93-C-b
Xóm 3A	DC	xã Hải Phong	H. Hải Hậu	20° 09' 08"	106° 13' 28"					F-48-93-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Xóm 3B	DC	xã Hải Phong	H. Hải Hậu	20° 09' 07"	106° 13' 20"					F-48-93-C-b
Xóm 4A	DC	xã Hải Phong	H. Hải Hậu	20° 09' 21"	106° 13' 09"					F-48-93-C-b
Xóm 4B	DC	xã Hải Phong	H. Hải Hậu	20° 09' 09"	106° 13' 11"					F-48-93-C-b
Xóm 5A	DC	xã Hải Phong	H. Hải Hậu	20° 08' 25"	106° 13' 13"					F-48-93-C-b
Xóm 5B	DC	xã Hải Phong	H. Hải Hậu	20° 08' 27"	106° 13' 01"					F-48-93-C-b
Xóm 6A	DC	xã Hải Phong	H. Hải Hậu	20° 08' 09"	106° 13' 18"					F-48-93-C-b
Xóm 6B	DC	xã Hải Phong	H. Hải Hậu	20° 08' 00"	106° 13' 09"					F-48-93-C-b
Xóm 6C	DC	xã Hải Phong	H. Hải Hậu	20° 07' 53"	106° 13' 11"					F-48-93-C-b
Xóm 7A	DC	xã Hải Phong	H. Hải Hậu	20° 08' 07"	106° 13' 24"					F-48-93-C-b
Xóm 7B	DC	xã Hải Phong	H. Hải Hậu	20° 08' 09"	106° 13' 32"					F-48-93-C-b
Xóm 7C	DC	xã Hải Phong	H. Hải Hậu	20° 07' 58"	106° 13' 23"					F-48-93-C-b
Xóm 8A	DC	xã Hải Phong	H. Hải Hậu	20° 08' 02"	106° 13' 50"					F-48-93-C-b
Xóm 8B	DC	xã Hải Phong	H. Hải Hậu	20° 07' 28"	106° 13' 44"					F-48-93-C-d
Xóm 9A	DC	xã Hải Phong	H. Hải Hậu	20° 07' 32"	106° 13' 14"					F-48-93-C-b
Xóm 9B	DC	xã Hải Phong	H. Hải Hậu	20° 07' 28"	106° 13' 16"					F-48-93-C-d
Đường tỉnh 488C	KX	xã Hải Phong	H. Hải Hậu			20° 11' 52"	106° 19' 25"	20° 07' 28"	106° 11' 26"	F-48-93-C-b, F-48-93-C-d
Quốc lộ 21B	KX	xã Hải Phong	H. Hải Hậu			20° 27' 45"	106° 04' 44"	20° 03' 29"	106° 07' 42"	F-48-93-C-b
xóm Bình Khanh	DC	xã Hải Phú	H. Hải Hậu	20° 07' 50"	106° 13' 57"					F-48-93-C-b
xóm Đoàn Mai	DC	xã Hải Phú	H. Hải Hậu	20° 08' 08"	106° 14' 15"					F-48-93-C-b
xóm Hoàng Thức	DC	xã Hải Phú	H. Hải Hậu	20° 07' 39"	106° 14' 17"					F-48-93-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Lưu Rong	DC	xã Hải Phú	H. Hải Hậu	20° 07' 45"	106° 14' 06"					F-48-93-C-b
xóm Mai Quyền	DC	xã Hải Phú	H. Hải Hậu	20° 06' 51"	106° 13' 55"					F-48-93-C-d
xóm Minh Thiện	DC	xã Hải Phú	H. Hải Hậu	20° 07' 57"	106° 14' 43"					F-48-93-C-b
xóm Nguyễn Rinh	DC	xã Hải Phú	H. Hải Hậu	20° 06' 38"	106° 14' 18"					F-48-93-C-d
xóm Nguyễn Trung	DC	xã Hải Phú	H. Hải Hậu	20° 06' 57"	106° 14' 23"					F-48-93-C-d
xóm Nguyễn Vượng	DC	xã Hải Phú	H. Hải Hậu	20° 06' 24"	106° 13' 56"					F-48-93-C-d
xóm Phạm Ruyến	DC	xã Hải Phú	H. Hải Hậu	20° 07' 37"	106° 14' 37"					F-48-93-C-b
xóm Phạm Thoại	DC	xã Hải Phú	H. Hải Hậu	20° 07' 35"	106° 13' 54"					F-48-93-C-b
xóm Phạm Tuấn	DC	xã Hải Phú	H. Hải Hậu	20° 06' 07"	106° 13' 47"					F-48-93-C-d
xóm Trần Hiềng	DC	xã Hải Phú	H. Hải Hậu	20° 06' 34"	106° 14' 15"					F-48-93-C-d
xóm Trần Hộ	DC	xã Hải Phú	H. Hải Hậu	20° 07' 23"	106° 13' 57"					F-48-93-C-d
xóm Trần Hòa	DC	xã Hải Phú	H. Hải Hậu	20° 06' 55"	106° 14' 06"					F-48-93-C-d
xóm Văn Khoa	DC	xã Hải Phú	H. Hải Hậu	20° 07' 39"	106° 14' 27"					F-48-93-C-b
xóm Vũ Đĩnh	DC	xã Hải Phú	H. Hải Hậu	20° 08' 16"	106° 14' 05"					F-48-93-C-b
Đường tỉnh 488C	KX	xã Hải Phú	H. Hải Hậu			20° 11' 52"	106° 19' 25"	20° 07' 28"	106° 11' 26"	F-48-93-C-b, F-48-93-C-d
Xóm 1	DC	xã Hải Phúc	H. Hải Hậu	20° 11' 52"	106° 20' 57"					F-48-93-D-a
Xóm 2	DC	xã Hải Phúc	H. Hải Hậu	20° 11' 52"	106° 20' 50"					F-48-93-D-a
Xóm 3	DC	xã Hải Phúc	H. Hải Hậu	20° 11' 43"	106° 20' 38"					F-48-93-D-a
Xóm 4	DC	xã Hải Phúc	H. Hải Hậu	20° 11' 51"	106° 20' 34"					F-48-93-D-a
Xóm 5	DC	xã Hải Phúc	H. Hải Hậu	20° 12' 38"	106° 20' 52"					F-48-93-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Xóm 6	DC	xã Hải Phúc	H. Hải Hậu	20° 12' 03"	106° 20' 39"					F-48-93-D-a
Xóm 7	DC	xã Hải Phúc	H. Hải Hậu	20° 12' 04"	106° 20' 31"					F-48-93-D-a
Xóm 8	DC	xã Hải Phúc	H. Hải Hậu	20° 11' 54"	106° 20' 24"					F-48-93-D-a
Xóm 9	DC	xã Hải Phúc	H. Hải Hậu	20° 12' 02"	106° 20' 23"					F-48-93-D-a
Xóm 10	DC	xã Hải Phúc	H. Hải Hậu	20° 11' 58"	106° 20' 18"					F-48-93-D-a
Xóm 11	DC	xã Hải Phúc	H. Hải Hậu	20° 12' 03"	106° 20' 15"					F-48-93-D-a
Xóm 12	DC	xã Hải Phúc	H. Hải Hậu	20° 11' 50"	106° 20' 11"					F-48-93-D-a
Xóm 13	DC	xã Hải Phúc	H. Hải Hậu	20° 11' 53"	106° 20' 01"					F-48-93-D-a
Xóm 14	DC	xã Hải Phúc	H. Hải Hậu	20° 11' 51"	106° 19' 55"					F-48-93-D-a
Xóm 15	DC	xã Hải Phúc	H. Hải Hậu	20° 11' 49"	106° 19' 49"					F-48-93-D-a
cầu Hà Lạn	KX	xã Hải Phúc	H. Hải Hậu	20° 12' 06"	106° 21' 06"					F-48-93-D-a
chùa Hà Lạn	KX	xã Hải Phúc	H. Hải Hậu	20° 11' 56"	106° 20' 14"					F-48-93-D-a
Quốc lộ 37B	KX	xã Hải Phúc	H. Hải Hậu			20° 17' 28"	106° 27' 00"	20° 24' 01"	106° 00' 44"	F-48-93-D-a
Sông Sò	TV	xã Hải Phúc	H. Hải Hậu			20° 18' 00"	106° 25' 43"	20° 10' 38"	106° 21' 18"	F-48-93-D-a
Xóm 1	DC	xã Hải Phương	H. Hải Hậu	20° 11' 37"	106° 17' 14"					F-48-93-D-a
Xóm 2	DC	xã Hải Phương	H. Hải Hậu	20° 11' 54"	106° 17' 17"					F-48-93-D-a
Xóm 3	DC	xã Hải Phương	H. Hải Hậu	20° 11' 55"	106° 16' 59"					F-48-93-D-a
Xóm 4	DC	xã Hải Phương	H. Hải Hậu	20° 11' 55"	106° 16' 51"					F-48-93-D-a
Xóm 5	DC	xã Hải Phương	H. Hải Hậu	20° 11' 35"	106° 16' 40"					F-48-93-D-a
Xóm 6	DC	xã Hải Phương	H. Hải Hậu	20° 11' 28"	106° 16' 54"					F-48-93-D-a
Xóm 7	DC	xã Hải Phương	H. Hải Hậu	20° 11' 24"	106° 17' 04"					F-48-93-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Xóm 8	DC	xã Hải Phương	H. Hải Hậu	20° 11' 20"	106° 17' 13"					F-48-93-D-a
Xóm 9	DC	xã Hải Phương	H. Hải Hậu	20° 11' 09"	106° 17' 03"					F-48-93-D-a
Xóm 10	DC	xã Hải Phương	H. Hải Hậu	20° 11' 17"	106° 16' 37"					F-48-93-D-a
Xóm 11	DC	xã Hải Phương	H. Hải Hậu	20° 11' 12"	106° 16' 43"					F-48-93-D-a
Xóm 12	DC	xã Hải Phương	H. Hải Hậu	20° 10' 38"	106° 16' 46"					F-48-93-D-a
Xóm 13	DC	xã Hải Phương	H. Hải Hậu	20° 10' 42"	106° 16' 34"					F-48-93-D-a
cầu Tùng Lâm	KX	xã Hải Phương	H. Hải Hậu	20° 12' 03"	106° 16' 37"					F-48-93-D-a
đền Bảo Ninh	KX	xã Hải Phương	H. Hải Hậu	20° 11' 01"	106° 16' 28"					F-48-93-D-a
Quốc lộ 37B	KX	xã Hải Phương	H. Hải Hậu			20° 17' 28"	106° 27' 00"	20° 24' 01"	106° 00' 44"	F-48-93-D-a
Sông Múc	TV	xã Hải Phương	H. Hải Hậu			20° 14' 17"	106° 16' 59"	20° 04' 21"	106° 14' 42"	F-48-93-D-a
Xóm 1	DC	xã Hải Quang	H. Hải Hậu	20° 10' 31"	106° 19' 05"					F-48-93-D-a
Xóm 2	DC	xã Hải Quang	H. Hải Hậu	20° 10' 28"	106° 18' 44"					F-48-93-D-a
Xóm 3	DC	xã Hải Quang	H. Hải Hậu	20° 10' 06"	106° 18' 48"					F-48-93-D-a
Xóm 4	DC	xã Hải Quang	H. Hải Hậu	20° 10' 05"	106° 19' 00"					F-48-93-D-a
Xóm 5	DC	xã Hải Quang	H. Hải Hậu	20° 09' 46"	106° 19' 18"					F-48-93-D-a
Xóm 6	DC	xã Hải Quang	H. Hải Hậu	20° 09' 47"	106° 18' 34"					F-48-93-D-a
Xóm 7	DC	xã Hải Quang	H. Hải Hậu	20° 10' 08"	106° 18' 23"					F-48-93-D-a
Xóm 8	DC	xã Hải Quang	H. Hải Hậu	20° 10' 03"	106° 18' 09"					F-48-93-D-a
Xóm 9	DC	xã Hải Quang	H. Hải Hậu	20° 09' 44"	106° 18' 05"					F-48-93-D-a
Xóm 10	DC	xã Hải Quang	H. Hải Hậu	20° 09' 41"	106° 17' 56"					F-48-93-D-a
Xóm 11	DC	xã Hải Quang	H. Hải Hậu	20° 09' 56"	106° 17' 57"					F-48-93-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Xóm 12	DC	xã Hải Quang	H. Hải Hậu	20° 10' 11"	106° 18' 01"					F-48-93-D-a
Xóm 13	DC	xã Hải Quang	H. Hải Hậu	20° 10' 08"	106° 17' 44"					F-48-93-D-a
Xóm 14	DC	xã Hải Quang	H. Hải Hậu	20° 10' 13"	106° 17' 25"					F-48-93-D-a
Xóm 15	DC	xã Hải Quang	H. Hải Hậu	20° 09' 57"	106° 17' 22"					F-48-93-D-a
Xóm 17	DC	xã Hải Quang	H. Hải Hậu	20° 09' 30"	106° 16' 57"					F-48-93-D-a
Xóm 18	DC	xã Hải Quang	H. Hải Hậu	20° 10' 14"	106° 17' 29"					F-48-93-D-a
Xóm 19	DC	xã Hải Quang	H. Hải Hậu	20° 09' 39"	106° 17' 40"					F-48-93-D-a
cầu Hải Quang I	KX	xã Hải Quang	H. Hải Hậu	20° 10' 30"	106° 17' 02"					F-48-93-D-a
cầu Hải Quang II	KX	xã Hải Quang	H. Hải Hậu	20° 09' 30"	106° 16' 53"					F-48-93-D-a
Đường tỉnh 488C	KX	xã Hải Quang	H. Hải Hậu			20° 11' 52"	106° 19' 25"	20° 07' 28"	106° 11' 26"	F-48-93-D-a
Quốc lộ 21	KX	xã Hải Quang	H. Hải Hậu			20° 28' 19"	106° 02' 33"	20° 01' 27"	106° 12' 13"	F-48-93-D-a
sông Hải Hậu	TV	xã Hải Quang	H. Hải Hậu			20° 09' 30"	106° 16' 53"	20° 09' 34"	106° 19' 30"	F-48-93-D-a
Sông Múc	TV	xã Hải Quang	H. Hải Hậu			20° 14' 17"	106° 16' 59"	20° 04' 21"	106° 14' 42"	F-48-93-D-a
Xóm 1	DC	xã Hải Sơn	H. Hải Hậu	20° 09' 45"	106° 15' 41"					F-48-93-D-a
Xóm 2	DC	xã Hải Sơn	H. Hải Hậu	20° 09' 38"	106° 15' 48"					F-48-93-D-a
Xóm 3	DC	xã Hải Sơn	H. Hải Hậu	20° 09' 23"	106° 15' 29"					F-48-93-D-a
Xóm 4	DC	xã Hải Sơn	H. Hải Hậu	20° 09' 07"	106° 15' 41"					F-48-93-D-a
Xóm 5	DC	xã Hải Sơn	H. Hải Hậu	20° 08' 26"	106° 15' 13"					F-48-93-D-a
Xóm 6	DC	xã Hải Sơn	H. Hải Hậu	20° 08' 47"	106° 15' 34"					F-48-93-D-a
Xóm 7	DC	xã Hải Sơn	H. Hải Hậu	20° 07' 55"	106° 15' 02"					F-48-93-D-a
Xóm 8	DC	xã Hải Sơn	H. Hải Hậu	20° 08' 22"	106° 15' 20"					F-48-93-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Xóm 9	DC	xã Hải Sơn	H. Hải Hậu	20° 07' 53"	106° 15' 25"					F-48-93-D-a
Xóm 10	DC	xã Hải Sơn	H. Hải Hậu	20° 07' 36"	106° 15' 17"					F-48-93-D-a
Xóm 11	DC	xã Hải Sơn	H. Hải Hậu	20° 07' 38"	106° 15' 35"					F-48-93-D-a
cầu Chợ Quán	KX	xã Hải Sơn	H. Hải Hậu	20° 07' 31"	106° 15' 09"					F-48-93-D-a
Đường tỉnh 488C	KX	xã Hải Sơn	H. Hải Hậu			20° 11' 52"	106° 19' 25"	20° 07' 28"	106° 11' 26"	F-48-93-D-a
xóm Đỗ Đăng	DC	xã Hải Tân	H. Hải Hậu	20° 08' 09"	106° 16' 17"					F-48-93-D-a
xóm Lâm Liết	DC	xã Hải Tân	H. Hải Hậu	20° 07' 59"	106° 16' 23"					F-48-93-D-a
xóm Lê Đê	DC	xã Hải Tân	H. Hải Hậu	20° 09' 08"	106° 16' 36"					F-48-93-D-a
xóm Nguyễn Đào	DC	xã Hải Tân	H. Hải Hậu	20° 09' 39"	106° 16' 51"					F-48-93-D-a
xóm Nguyễn Phú	DC	xã Hải Tân	H. Hải Hậu	20° 09' 04"	106° 16' 19"					F-48-93-D-a
xóm Nguyễn Ước	DC	xã Hải Tân	H. Hải Hậu	20° 09' 50"	106° 16' 13"					F-48-93-D-a
xóm Phạm Giảng	DC	xã Hải Tân	H. Hải Hậu	20° 08' 05"	106° 16' 02"					F-48-93-D-a
xóm Phạm Luận	DC	xã Hải Tân	H. Hải Hậu	20° 08' 29"	106° 16' 04"					F-48-93-D-a
xóm Phạm Tăng	DC	xã Hải Tân	H. Hải Hậu	20° 09' 25"	106° 16' 16"					F-48-93-D-a
xóm Thanh Mai	DC	xã Hải Tân	H. Hải Hậu	20° 09' 11"	106° 16' 09"					F-48-93-D-a
xóm Trần Đồng	DC	xã Hải Tân	H. Hải Hậu	20° 08' 46"	106° 16' 28"					F-48-93-D-a
xóm Trần Mạnh	DC	xã Hải Tân	H. Hải Hậu	20° 08' 00"	106° 15' 50"					F-48-93-D-a
xóm Trần Thuần	DC	xã Hải Tân	H. Hải Hậu	20° 07' 57"	106° 16' 10"					F-48-93-D-a
xóm Trần Tiếp	DC	xã Hải Tân	H. Hải Hậu	20° 07' 53"	106° 16' 26"					F-48-93-D-a
Sông Múc	TV	xã Hải Tân	H. Hải Hậu			20° 14' 17"	106° 16' 59"	20° 04' 21"	106° 14' 42"	F-48-93-D-a
Xóm 1	DC	xã Hải Tây	H. Hải Hậu	20° 08' 12"	106° 17' 15"					F-48-93-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Xóm 2	DC	xã Hải Tây	H. Hải Hậu	20° 08' 03"	106° 17' 13"					F-48-93-D-a
Xóm 3	DC	xã Hải Tây	H. Hải Hậu	20° 07' 58"	106° 16' 49"					F-48-93-D-a
Xóm 4	DC	xã Hải Tây	H. Hải Hậu	20° 08' 13"	106° 17' 01"					F-48-93-D-a
Xóm 5	DC	xã Hải Tây	H. Hải Hậu	20° 08' 22"	106° 16' 42"					F-48-93-D-a
Xóm 6	DC	xã Hải Tây	H. Hải Hậu	20° 08' 40"	106° 17' 05"					F-48-93-D-a
Xóm 7	DC	xã Hải Tây	H. Hải Hậu	20° 08' 46"	106° 17' 01"					F-48-93-D-a
Xóm 8	DC	xã Hải Tây	H. Hải Hậu	20° 08' 55"	106° 17' 02"					F-48-93-D-a
Xóm 9	DC	xã Hải Tây	H. Hải Hậu	20° 08' 59"	106° 16' 49"					F-48-93-D-a
Xóm 10	DC	xã Hải Tây	H. Hải Hậu	20° 09' 05"	106° 17' 09"					F-48-93-D-a
Xóm 11	DC	xã Hải Tây	H. Hải Hậu	20° 08' 57"	106° 17' 45"					F-48-93-D-a
Xóm 12	DC	xã Hải Tây	H. Hải Hậu	20° 08' 45"	106° 17' 30"					F-48-93-D-a
Xóm 13	DC	xã Hải Tây	H. Hải Hậu	20° 08' 32"	106° 17' 24"					F-48-93-D-a
Xóm 14	DC	xã Hải Tây	H. Hải Hậu	20° 08' 37"	106° 17' 48"					F-48-93-D-a
Xóm 15	DC	xã Hải Tây	H. Hải Hậu	20° 08' 29"	106° 17' 43"					F-48-93-D-a
Xóm 16	DC	xã Hải Tây	H. Hải Hậu	20° 08' 11"	106° 17' 45"					F-48-93-D-a
cầu Hải Tây I	KX	xã Hải Tây	H. Hải Hậu	20° 08' 53"	106° 16' 47"					F-48-93-D-a
cầu Hải Tây II	KX	xã Hải Tây	H. Hải Hậu	20° 08' 06"	106° 16' 39"					F-48-93-D-a
Đường tỉnh 488C	KX	xã Hải Tây	H. Hải Hậu			20° 11' 52"	106° 19' 25"	20° 07' 28"	106° 11' 26"	F-48-93-D-a
Quốc lộ 21	KX	xã Hải Tây	H. Hải Hậu			20° 28' 19"	106° 02' 33"	20° 01' 27"	106° 12' 13"	F-48-93-D-a
Sông Múc	TV	xã Hải Tây	H. Hải Hậu			20° 14' 17"	106° 16' 59"	20° 04' 21"	106° 14' 42"	F-48-93-D-a
xóm Ba Loan	DC	xã Hải Thanh	H. Hải Hậu	20° 11' 28"	106° 18' 17"					F-48-93-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Hoan Huỳnh	DC	xã Hải Thanh	H. Hải Hậu	20° 11' 26"	106° 18' 05"					F-48-93-D-a
xóm Lưu Tùy	DC	xã Hải Thanh	H. Hải Hậu	20° 11' 23"	106° 18' 10"					F-48-93-D-a
xóm Nguyễn Chẩm	DC	xã Hải Thanh	H. Hải Hậu	20° 11' 46"	106° 18' 34"					F-48-93-D-a
xóm Nguyễn Hoằng	DC	xã Hải Thanh	H. Hải Hậu	20° 11' 56"	106° 18' 20"					F-48-93-D-a
xóm Nguyễn My	DC	xã Hải Thanh	H. Hải Hậu	20° 11' 04"	106° 18' 28"					F-48-93-D-a
xóm Nguyễn Quất	DC	xã Hải Thanh	H. Hải Hậu	20° 11' 48"	106° 18' 18"					F-48-93-D-a
xóm Thức Tới	DC	xã Hải Thanh	H. Hải Hậu	20° 11' 46"	106° 18' 13"					F-48-93-D-a
xóm Trần Cường	DC	xã Hải Thanh	H. Hải Hậu	20° 10' 59"	106° 17' 45"					F-48-93-D-a
xóm Vĩnh Hiệp	DC	xã Hải Thanh	H. Hải Hậu	20° 11' 36"	106° 18' 31"					F-48-93-D-a
xóm Xướng Cau	DC	xã Hải Thanh	H. Hải Hậu	20° 11' 32"	106° 18' 17"					F-48-93-D-a
xóm Xướng Chử Dưới	DC	xã Hải Thanh	H. Hải Hậu	20° 12' 11"	106° 18' 41"					F-48-93-D-a
xóm Xướng Chử Trên	DC	xã Hải Thanh	H. Hải Hậu	20° 12' 36"	106° 19' 16"					F-48-93-D-a
cầu Hàng Thụ	KX	xã Hải Thanh	H. Hải Hậu	20° 11' 57"	106° 18' 21"					F-48-93-D-a
Quốc lộ 21	KX	xã Hải Thanh	H. Hải Hậu			20° 28' 19"	106° 02' 33"	20° 01' 27"	106° 12' 13"	F-48-93-D-a
Quốc lộ 37B	KX	xã Hải Thanh	H. Hải Hậu			20° 17' 28"	106° 27' 00"	20° 24' 01"	106° 00' 44"	F-48-93-D-a
Xóm 1	DC	xã Hải Toàn	H. Hải Hậu	20° 09' 04"	106° 12' 54"					F-48-93-C-b
Xóm 2	DC	xã Hải Toàn	H. Hải Hậu	20° 09' 04"	106° 12' 49"					F-48-93-C-b
Xóm 3	DC	xã Hải Toàn	H. Hải Hậu	20° 09' 06"	106° 12' 45"					F-48-93-C-b
Xóm 4	DC	xã Hải Toàn	H. Hải Hậu	20° 09' 05"	106° 12' 36"					F-48-93-C-b
Xóm 5	DC	xã Hải Toàn	H. Hải Hậu	20° 09' 36"	106° 12' 20"					F-48-93-C-b
Xóm 6	DC	xã Hải Toàn	H. Hải Hậu	20° 08' 09"	106° 12' 31"					F-48-93-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Xóm 7	DC	xã Hải Toàn	H. Hải Hậu	20° 08' 52"	106° 12' 22"					F-48-93-C-b
Xóm 8	DC	xã Hải Toàn	H. Hải Hậu	20° 08' 51"	106° 12' 14"					F-48-93-C-b
Xóm 9	DC	xã Hải Toàn	H. Hải Hậu	20° 08' 40"	106° 12' 13"					F-48-93-C-b
Xóm 10	DC	xã Hải Toàn	H. Hải Hậu	20° 08' 39"	106° 12' 24"					F-48-93-C-b
Xóm 11	DC	xã Hải Toàn	H. Hải Hậu	20° 08' 30"	106° 12' 12"					F-48-93-C-b
Xóm 12	DC	xã Hải Toàn	H. Hải Hậu	20° 08' 16"	106° 11' 57"					F-48-93-C-b
xóm Hưng Bình	DC	xã Hải Triều	H. Hải Hậu	20° 05' 38"	106° 16' 38"					F-48-93-D-c
xóm Quang Phục	DC	xã Hải Triều	H. Hải Hậu	20° 05' 15"	106° 16' 14"					F-48-93-D-c
xóm Tân Minh	DC	xã Hải Triều	H. Hải Hậu	20° 05' 44"	106° 16' 20"					F-48-93-D-c
xóm Tân Phong	DC	xã Hải Triều	H. Hải Hậu	20° 05' 36"	106° 16' 12"					F-48-93-D-c
xóm Tân Thịnh	DC	xã Hải Triều	H. Hải Hậu	20° 05' 31"	106° 16' 03"					F-48-93-D-c
xóm Tây Bình	DC	xã Hải Triều	H. Hải Hậu	20° 04' 56"	106° 15' 48"					F-48-93-D-c
xóm Tây Tiến	DC	xã Hải Triều	H. Hải Hậu	20° 04' 57"	106° 15' 58"					F-48-93-D-c
xóm Việt An	DC	xã Hải Triều	H. Hải Hậu	20° 05' 35"	106° 16' 30"					F-48-93-D-c
xóm Việt Tiến	DC	xã Hải Triều	H. Hải Hậu	20° 05' 15"	106° 16' 18"					F-48-93-D-c
xóm Xuân Hương	DC	xã Hải Triều	H. Hải Hậu	20° 05' 17"	106° 15' 42"					F-48-93-D-c
cầu Xuân Hương	KX	xã Hải Triều	H. Hải Hậu	20° 05' 15"	106° 15' 37"					F-48-93-D-c
Quốc lộ 21	KX	xã Hải Triều	H. Hải Hậu			20° 28' 19"	106° 02' 33"	20° 01' 27"	106° 12' 13"	F-48-93-D-c
Sông Múc	TV	xã Hải Triều	H. Hải Hậu			20° 14' 17"	106° 16' 59"	20° 04' 21"	106° 14' 42"	F-48-93-D-c
Xóm 1	DC	xã Hải Trung	H. Hải Hậu	20° 14' 34"	106° 17' 44"					F-48-93-D-a
Xóm 2	DC	xã Hải Trung	H. Hải Hậu	20° 14' 25"	106° 17' 33"					F-48-93-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Xóm 3	DC	xã Hải Trung	H. Hải Hậu	20° 14' 39"	106° 17' 46"					F-48-93-D-a
Xóm 4	DC	xã Hải Trung	H. Hải Hậu	20° 14' 04"	106° 17' 33"					F-48-93-D-a
Xóm 5	DC	xã Hải Trung	H. Hải Hậu	20° 14' 01"	106° 17' 17"					F-48-93-D-a
Xóm 6	DC	xã Hải Trung	H. Hải Hậu	20° 14' 04"	106° 17' 02"					F-48-93-D-a
Xóm 7	DC	xã Hải Trung	H. Hải Hậu	20° 13' 53"	106° 17' 06"					F-48-93-D-a
Xóm 8	DC	xã Hải Trung	H. Hải Hậu	20° 14' 06"	106° 16' 49"					F-48-93-D-a
Xóm 9	DC	xã Hải Trung	H. Hải Hậu	20° 13' 54"	106° 16' 54"					F-48-93-D-a
Xóm 10	DC	xã Hải Trung	H. Hải Hậu	20° 13' 17"	106° 17' 09"					F-48-93-D-a
Xóm 11	DC	xã Hải Trung	H. Hải Hậu	20° 13' 30"	106° 17' 06"					F-48-93-D-a
Xóm 12	DC	xã Hải Trung	H. Hải Hậu	20° 13' 29"	106° 16' 52"					F-48-93-D-a
Xóm 13	DC	xã Hải Trung	H. Hải Hậu	20° 13' 24"	106° 16' 47"					F-48-93-D-a
Xóm 14	DC	xã Hải Trung	H. Hải Hậu	20° 13' 18"	106° 17' 00"					F-48-93-D-a
Xóm 15	DC	xã Hải Trung	H. Hải Hậu	20° 13' 05"	106° 17' 04"					F-48-93-D-a
Xóm 16	DC	xã Hải Trung	H. Hải Hậu	20° 12' 56"	106° 16' 51"					F-48-93-D-a
Xóm 17	DC	xã Hải Trung	H. Hải Hậu	20° 12' 47"	106° 16' 14"					F-48-93-D-a
Xóm 18	DC	xã Hải Trung	H. Hải Hậu	20° 12' 35"	106° 16' 35"					F-48-93-D-a
Xóm 19	DC	xã Hải Trung	H. Hải Hậu	20° 12' 14"	106° 16' 15"					F-48-93-D-a
bến khách ngang sông Cống Múc	KX	xã Hải Trung	H. Hải Hậu	20° 14' 15"	106° 16' 44"					F-48-93-D-a
cầu Tùng Lâm	KX	xã Hải Trung	H. Hải Hậu	20° 12' 03"	106° 16' 37"					F-48-93-D-a
chùa Phúc Sơn	KX	xã Hải Trung	H. Hải Hậu	20° 13' 36"	106° 17' 04"					F-48-93-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Quốc lộ 37B	KX	xã Hải Trung	H. Hải Hậu			20° 17' 28"	106° 27' 00"	20° 24' 01"	106° 00' 44"	F-48-93-D-a
Sông Múc	TV	xã Hải Trung	H. Hải Hậu			20° 14' 17"	106° 16' 59"	20° 04' 21"	106° 14' 42"	F-48-93-D-a
sông Múc 2	TV	xã Hải Trung	H. Hải Hậu			20° 13' 31"	106° 17' 11"	20° 14' 53"	106° 17' 50"	F-48-93-D-a
sông Ninh Cơ	TV	xã Hải Trung	H. Hải Hậu			20° 20' 31"	106° 17' 57"	19° 58' 54"	106° 10' 55"	F-48-93-D-a
Xóm 1	DC	xã Hải Vân	H. Hải Hậu	20° 14' 26"	106° 19' 36"					F-48-93-D-a
Xóm 2	DC	xã Hải Vân	H. Hải Hậu	20° 14' 37"	106° 19' 25"					F-48-93-D-a
Xóm 3	DC	xã Hải Vân	H. Hải Hậu	20° 13' 45"	106° 19' 19"					F-48-93-D-a
Xóm 4	DC	xã Hải Vân	H. Hải Hậu	20° 13' 36"	106° 19' 19"					F-48-93-D-a
Xóm 5	DC	xã Hải Vân	H. Hải Hậu	20° 13' 50"	106° 19' 53"					F-48-93-D-a
Xóm 6	DC	xã Hải Vân	H. Hải Hậu	20° 13' 48"	106° 19' 42"					F-48-93-D-a
Xóm 7	DC	xã Hải Vân	H. Hải Hậu	20° 13' 34"	106° 19' 41"					F-48-93-D-a
Xóm 8	DC	xã Hải Vân	H. Hải Hậu	20° 13' 43"	106° 19' 52"					F-48-93-D-a
Xóm 9	DC	xã Hải Vân	H. Hải Hậu	20° 13' 35"	106° 19' 58"					F-48-93-D-a
Xóm 10	DC	xã Hải Vân	H. Hải Hậu	20° 13' 26"	106° 19' 56"					F-48-93-D-a
Xóm 11	DC	xã Hải Vân	H. Hải Hậu	20° 13' 19"	106° 19' 44"					F-48-93-D-a
Xóm 12	DC	xã Hải Vân	H. Hải Hậu	20° 13' 15"	106° 19' 35"					F-48-93-D-a
cầu Chợ Trâu	KX	xã Hải Vân	H. Hải Hậu	20° 12' 57"	106° 19' 12"					F-48-93-D-a
Cầu Tây	KX	xã Hải Vân	H. Hải Hậu	20° 14' 26"	106° 19' 47"					F-48-93-D-a
Đường tỉnh 489B	KX	xã Hải Vân	H. Hải Hậu			20° 14' 40"	106° 19' 20"	20° 11' 31"	106° 22' 50"	F-48-93-D-a
Quốc lộ 21	KX	xã Hải Vân	H. Hải Hậu			20° 28' 19"	106° 02' 33"	20° 01' 27"	106° 12' 13"	F-48-93-D-a
Xóm Bắc	DC	xã Hải Xuân	H. Hải Hậu	20° 06' 19"	106° 16' 32"					F-48-93-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Đức Thuận	DC	xã Hải Xuân	H. Hải Hậu	20° 06' 44"	106° 15' 46"					F-48-93-D-c
xóm Hoàng Sơn	DC	xã Hải Xuân	H. Hải Hậu	20° 05' 57"	106° 16' 43"					F-48-93-D-c
xóm Hồng Thái	DC	xã Hải Xuân	H. Hải Hậu	20° 06' 50"	106° 16' 22"					F-48-93-D-c
xóm Kim Liên	DC	xã Hải Xuân	H. Hải Hậu	20° 06' 29"	106° 15' 40"					F-48-93-D-c
Xóm Tây	DC	xã Hải Xuân	H. Hải Hậu	20° 06' 11"	106° 16' 09"					F-48-93-D-c
xóm Trần Phú	DC	xã Hải Xuân	H. Hải Hậu	20° 06' 48"	106° 16' 06"					F-48-93-D-c
Xóm Trung	DC	xã Hải Xuân	H. Hải Hậu	20° 06' 05"	106° 16' 24"					F-48-93-D-c
xóm Xuân Hóa	DC	xã Hải Xuân	H. Hải Hậu	20° 05' 41"	106° 15' 38"					F-48-93-D-c
xóm Xuân Hương	DC	xã Hải Xuân	H. Hải Hậu	20° 05' 25"	106° 15' 40"					F-48-93-D-c
xóm Xuân Lập	DC	xã Hải Xuân	H. Hải Hậu	20° 05' 55"	106° 16' 28"					F-48-93-D-c
xóm Xuân Phương Đông	DC	xã Hải Xuân	H. Hải Hậu	20° 05' 51"	106° 15' 57"					F-48-93-D-c
xóm Xuân Phương Tây	DC	xã Hải Xuân	H. Hải Hậu	20° 06' 02"	106° 15' 53"					F-48-93-D-c
cầu Xuân Hương	KX	xã Hải Xuân	H. Hải Hậu	20° 05' 15"	106° 15' 37"					F-48-93-D-c
Quốc lộ 21	KX	xã Hải Xuân	H. Hải Hậu			20° 28' 19"	106° 02' 33"	20° 01' 27"	106° 12' 13"	F-48-93-D-c
Trung tâm Điều dưỡng người có công tỉnh Nam Định	KX	xã Hải Xuân	H. Hải Hậu	20° 06' 38"	106° 16' 00"					F-48-93-D-c
Sông Múc	TV	xã Hải Xuân	H. Hải Hậu			20° 14' 17"	106° 16' 59"	20° 04' 21"	106° 14' 42"	F-48-93-D-c
tổ dân phố An Hưng	DC	TT. Mỹ Lộc	H. Mỹ Lộc	20° 26' 36"	106° 06' 46"					F-48-93-A-a
tổ dân phố Bắc Lê Xá	DC	TT. Mỹ Lộc	H. Mỹ Lộc	20° 26' 19"	106° 05' 40"					F-48-93-A-a
tổ dân phố Đặng Xá	DC	TT. Mỹ Lộc	H. Mỹ Lộc	20° 26' 37"	106° 07' 10"					F-48-93-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tổ dân phố Hào Hưng	DC	TT. Mỹ Lộc	H. Mỹ Lộc	20° 26' 19"	106° 06' 34"					F-48-93-A-a
tổ dân phố Hào Quang	DC	TT. Mỹ Lộc	H. Mỹ Lộc	20° 26' 09"	106° 06' 30"					F-48-93-A-a
tổ dân phố Hưng Lộc	DC	TT. Mỹ Lộc	H. Mỹ Lộc	20° 26' 41"	106° 06' 41"					F-48-93-A-a
tổ dân phố Mỹ Tục	DC	TT. Mỹ Lộc	H. Mỹ Lộc	20° 26' 40"	106° 06' 09"					F-48-93-A-a
tổ dân phố Nam Lê Xá	DC	TT. Mỹ Lộc	H. Mỹ Lộc	20° 26' 13"	106° 05' 36"					F-48-93-A-a
tổ dân phố Thịnh Lộc	DC	TT. Mỹ Lộc	H. Mỹ Lộc	20° 26' 33"	106° 05' 43"					F-48-93-A-a
tổ dân phố Trung Quyên	DC	TT. Mỹ Lộc	H. Mỹ Lộc	20° 26' 03"	106° 06' 17"					F-48-93-A-a
tổ dân phố Vạn Đồn	DC	TT. Mỹ Lộc	H. Mỹ Lộc	20° 26' 28"	106° 07' 06"					F-48-93-A-a
cầu Đặng Xá	KX	TT. Mỹ Lộc	H. Mỹ Lộc	20° 26' 37"	106° 07' 17"					F-48-93-A-a
Cầu Giáng	KX	TT. Mỹ Lộc	H. Mỹ Lộc	20° 26' 32"	106° 06' 41"					F-48-93-A-a
cầu Lê Xá	KX	TT. Mỹ Lộc	H. Mỹ Lộc	20° 26' 33"	106° 05' 37"					F-48-93-A-a
ga Đặng Xá	KX	TT. Mỹ Lộc	H. Mỹ Lộc	20° 26' 35"	106° 07' 01"					F-48-93-A-a
Quốc lộ 21	KX	TT. Mỹ Lộc	H. Mỹ Lộc			20° 28' 19"	106° 02' 33"	20° 01' 27"	106° 12' 13"	F-48-93-A-a
Quốc lộ 21B	KX	TT. Mỹ Lộc	H. Mỹ Lộc			20° 27' 45"	106° 04' 44"	20° 03' 29"	106° 07' 42"	F-48-93-A-a
kênh T5	TV	TT. Mỹ Lộc	H. Mỹ Lộc			20° 27' 32"	106° 06' 43"	20° 23' 10"	106° 05' 59"	F-48-93-A-a
thôn Bảo Long Bãi	DC	xã Mỹ Hà	H. Mỹ Lộc	20° 29' 58"	106° 07' 36"					F-48-93-A-b
thôn Bảo Long Làng	DC	xã Mỹ Hà	H. Mỹ Lộc	20° 29' 40"	106° 07' 07"					F-48-93-A-a
Thôn Bến	DC	xã Mỹ Hà	H. Mỹ Lộc	20° 29' 13"	106° 06' 50"					F-48-93-A-a
thôn Bình An	DC	xã Mỹ Hà	H. Mỹ Lộc	20° 28' 49"	106° 07' 43"					F-48-93-A-b
thôn Cầu Giữa	DC	xã Mỹ Hà	H. Mỹ Lộc	20° 28' 57"	106° 08' 01"					F-48-93-A-b
Thôn Chỉ	DC	xã Mỹ Hà	H. Mỹ Lộc	20° 29' 01"	106° 07' 44"					F-48-93-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Thôn Chợ	DC	xã Mỹ Hà	H. Mỹ Lộc	20° 28' 58"	106° 07' 53"					F-48-93-A-b
Thôn Cửa	DC	xã Mỹ Hà	H. Mỹ Lộc	20° 28' 45"	106° 07' 51"					F-48-93-A-b
Thôn Đòng	DC	xã Mỹ Hà	H. Mỹ Lộc	20° 28' 41"	106° 07' 41"					F-48-93-A-b
thôn Đồng Cao	DC	xã Mỹ Hà	H. Mỹ Lộc	20° 29' 02"	106° 06' 58"					F-48-93-A-a
thôn Kếu Làng	DC	xã Mỹ Hà	H. Mỹ Lộc	20° 29' 00"	106° 06' 36"					F-48-93-A-a
thôn Kếu Trại	DC	xã Mỹ Hà	H. Mỹ Lộc	20° 29' 04"	106° 06' 25"					F-48-93-A-a
Thôn Nội	DC	xã Mỹ Hà	H. Mỹ Lộc	20° 28' 48"	106° 07' 59"					F-48-93-A-b
thôn Quang Liệt	DC	xã Mỹ Hà	H. Mỹ Lộc	20° 29' 10"	106° 08' 09"					F-48-93-A-b
Thôn Rõ	DC	xã Mỹ Hà	H. Mỹ Lộc	20° 28' 59"	106° 07' 34"					F-48-93-A-b
thôn Vòng Trại	DC	xã Mỹ Hà	H. Mỹ Lộc	20° 29' 32"	106° 08' 02"					F-48-93-A-b
kênh Chính Tây	TV	xã Mỹ Hà	H. Mỹ Lộc			20° 28' 48"	106° 08' 13"	20° 27' 22"	106° 05' 55"	F-48-93-A-a, F-48-93-A-b
sông Châu Giang	TV	xã Mỹ Hà	H. Mỹ Lộc			20° 29' 44"	106° 08' 19"	20° 29' 01"	106° 10' 47"	F-48-93-A-b
sông Ninh Giang	TV	xã Mỹ Hà	H. Mỹ Lộc			20° 28' 24"	106° 02' 44"	20° 29' 44"	106° 08' 17"	F-48-81-C-d, F-48-93-A-a, F-48-93-A-b
Thôn 1	DC	xã Mỹ Hưng	H. Mỹ Lộc	20° 27' 09"	106° 07' 17"					F-48-93-A-a
Thôn 2	DC	xã Mỹ Hưng	H. Mỹ Lộc	20° 27' 06"	106° 07' 15"					F-48-93-A-a
Thôn 3	DC	xã Mỹ Hưng	H. Mỹ Lộc	20° 26' 42"	106° 07' 22"					F-48-93-A-a
Thôn 4	DC	xã Mỹ Hưng	H. Mỹ Lộc	20° 26' 40"	106° 07' 45"					F-48-93-A-b
Thôn 5	DC	xã Mỹ Hưng	H. Mỹ Lộc	20° 26' 34"	106° 07' 38"					F-48-93-A-b
Thôn 6	DC	xã Mỹ Hưng	H. Mỹ Lộc	20° 26' 25"	106° 07' 30"					F-48-93-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Thôn 7	DC	xã Mỹ Hưng	H. Mỹ Lộc	20° 26' 27"	106° 07' 50"					F-48-93-A-b
Thôn 8	DC	xã Mỹ Hưng	H. Mỹ Lộc	20° 26' 33"	106° 07' 45"					F-48-93-A-b
Thôn 9	DC	xã Mỹ Hưng	H. Mỹ Lộc	20° 26' 14"	106° 07' 32"					F-48-93-A-b
Thôn 10	DC	xã Mỹ Hưng	H. Mỹ Lộc	20° 25' 58"	106° 06' 56"					F-48-93-A-a
cầu Đặng Xá	KX	xã Mỹ Hưng	H. Mỹ Lộc	20° 26' 37"	106° 07' 17"					F-48-93-A-a
đài Chiến Thắng	KX	xã Mỹ Hưng	H. Mỹ Lộc	20° 26' 39"	106° 07' 26"					F-48-93-A-a
Quốc lộ 21	KX	xã Mỹ Hưng	H. Mỹ Lộc			20° 28' 19"	106° 02' 33"	20° 01' 27"	106° 12' 13"	F-48-93-A-a, F-48-93-A-b
Quốc lộ 21B	KX	xã Mỹ Hưng	H. Mỹ Lộc			20° 27' 45"	106° 04' 44"	20° 03' 29"	106° 07' 42"	F-48-93-A-a, F-48-93-A-b
kênh Chính Tây	TV	xã Mỹ Hưng	H. Mỹ Lộc			20° 28' 48"	106° 08' 13"	20° 27' 22"	106° 05' 55"	F-48-93-A-a
kênh T5	TV	xã Mỹ Hưng	H. Mỹ Lộc			20° 27' 32"	106° 06' 43"	20° 23' 10"	106° 05' 59"	F-48-93-A-a
thôn Bảo Lộc	DC	xã Mỹ Phúc	H. Mỹ Lộc	20° 28' 17"	106° 09' 37"					F-48-93-A-b
thôn Bồi Đông	DC	xã Mỹ Phúc	H. Mỹ Lộc	20° 27' 37"	106° 09' 38"					F-48-93-A-b
thôn Bồi Tây	DC	xã Mỹ Phúc	H. Mỹ Lộc	20° 27' 14"	106° 09' 27"					F-48-93-A-b
thôn Cấp Tiến 1	DC	xã Mỹ Phúc	H. Mỹ Lộc	20° 28' 17"	106° 09' 13"					F-48-93-A-b
thôn Cấp Tiến 2	DC	xã Mỹ Phúc	H. Mỹ Lộc	20° 28' 14"	106° 09' 26"					F-48-93-A-b
thôn Đàm Thanh	DC	xã Mỹ Phúc	H. Mỹ Lộc	20° 28' 35"	106° 10' 27"					F-48-93-A-b
Thôn Hóp	DC	xã Mỹ Phúc	H. Mỹ Lộc	20° 27' 20"	106° 09' 15"					F-48-93-A-b
Thôn La	DC	xã Mỹ Phúc	H. Mỹ Lộc	20° 27' 06"	106° 09' 18"					F-48-93-A-b
thôn Liễu Nha	DC	xã Mỹ Phúc	H. Mỹ Lộc	20° 27' 29"	106° 10' 10"					F-48-93-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Thôn Lốc	DC	xã Mỹ Phúc	H. Mỹ Lộc	20° 27' 45"	106° 09' 12"					F-48-93-A-b
thôn Lựu Phố	DC	xã Mỹ Phúc	H. Mỹ Lộc	20° 28' 15"	106° 09' 56"					F-48-93-A-b
thôn Tam Đoài	DC	xã Mỹ Phúc	H. Mỹ Lộc	20° 27' 42"	106° 09' 55"					F-48-93-A-b
thôn Tam Đông	DC	xã Mỹ Phúc	H. Mỹ Lộc	20° 28' 00"	106° 10' 09"					F-48-93-A-b
thôn Văn Hưng	DC	xã Mỹ Phúc	H. Mỹ Lộc	20° 27' 52"	106° 10' 20"					F-48-93-A-b
thôn Vạn Khoảnh	DC	xã Mỹ Phúc	H. Mỹ Lộc	20° 28' 21"	106° 10' 00"					F-48-93-A-b
cầu Vĩnh Giang (Cầu Đá)	KX	xã Mỹ Phúc	H. Mỹ Lộc	20° 27' 10"	106° 10' 22"					F-48-93-A-b
Chợ Viềng	KX	xã Mỹ Phúc	H. Mỹ Lộc	20° 27' 57"	106° 10' 19"					F-48-93-A-b
đền Bảo Lộc	KX	xã Mỹ Phúc	H. Mỹ Lộc	20° 28' 05"	106° 09' 31"					F-48-93-A-b
đền Lựu Phố	KX	xã Mỹ Phúc	H. Mỹ Lộc	20° 28' 11"	106° 10' 11"					F-48-93-A-b
Quốc lộ 10	KX	xã Mỹ Phúc	H. Mỹ Lộc			20° 26' 41"	106° 13' 01"	20° 15' 59"	105° 58' 44"	F-48-93-A-b
Quốc lộ 21B	KX	xã Mỹ Phúc	H. Mỹ Lộc			20° 27' 45"	106° 04' 44"	20° 03' 29"	106° 07' 42"	F-48-93-A-b
Quốc lộ 38B	KX	xã Mỹ Phúc	H. Mỹ Lộc			20° 28' 53"	106° 10' 42"	20° 15' 59"	105° 58' 44"	F-48-93-A-b
sông Châu Giang	TV	xã Mỹ Phúc	H. Mỹ Lộc			20° 29' 44"	106° 08' 19"	20° 29' 01"	106° 10' 47"	F-48-93-A-b
sông Vĩnh Giang	TV	xã Mỹ Phúc	H. Mỹ Lộc			20° 28' 12"	106° 11' 23"	20° 24' 45"	106° 07' 56"	F-48-93-A-b
thôn Bình Dân	DC	xã Mỹ Tân	H. Mỹ Lộc	20° 27' 57"	106° 12' 31"					F-48-93-A-b
thôn Cộng Hòa	DC	xã Mỹ Tân	H. Mỹ Lộc	20° 27' 38"	106° 12' 36"					F-48-93-A-b
thôn Đoàn Kết	DC	xã Mỹ Tân	H. Mỹ Lộc	20° 28' 22"	106° 12' 29"					F-48-93-A-b
thôn Đường 10	DC	xã Mỹ Tân	H. Mỹ Lộc	20° 26' 42"	106° 12' 18"					F-48-93-A-b
thôn Hồng Hà 1	DC	xã Mỹ Tân	H. Mỹ Lộc	20° 27' 59"	106° 13' 08"					F-48-93-A-b
thôn Hồng Hà 2	DC	xã Mỹ Tân	H. Mỹ Lộc	20° 27' 51"	106° 12' 51"					F-48-93-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Hồng Phong 1	DC	xã Mỹ Tân	H. Mỹ Lộc	20° 27' 11"	106° 12' 39"					F-48-93-A-b
thôn Hồng Phong 2	DC	xã Mỹ Tân	H. Mỹ Lộc	20° 26' 59"	106° 12' 40"					F-48-93-A-b
thôn Hồng Phú	DC	xã Mỹ Tân	H. Mỹ Lộc	20° 26' 53"	106° 12' 31"					F-48-93-A-b
thôn Hồng Phúc	DC	xã Mỹ Tân	H. Mỹ Lộc	20° 27' 05"	106° 12' 09"					F-48-93-A-b
thôn Hưng Long	DC	xã Mỹ Tân	H. Mỹ Lộc	20° 26' 35"	106° 12' 24"					F-48-93-A-b
thôn Liên Minh	DC	xã Mỹ Tân	H. Mỹ Lộc	20° 28' 13"	106° 12' 28"					F-48-93-A-b
thôn Nghĩa Hưng	DC	xã Mỹ Tân	H. Mỹ Lộc	20° 28' 04"	106° 11' 52"					F-48-93-A-b
thôn Phố Bến	DC	xã Mỹ Tân	H. Mỹ Lộc	20° 26' 30"	106° 12' 40"					F-48-93-A-b
thôn Phụ Long	DC	xã Mỹ Tân	H. Mỹ Lộc	20° 26' 13"	106° 12' 23"					F-48-93-A-b
thôn Tân Đệ	DC	xã Mỹ Tân	H. Mỹ Lộc	20° 26' 44"	106° 12' 48"					F-48-93-A-b
thôn Thượng Trang	DC	xã Mỹ Tân	H. Mỹ Lộc	20° 28' 28"	106° 12' 16"					F-48-93-A-b
thôn Trung Trại	DC	xã Mỹ Tân	H. Mỹ Lộc	20° 27' 28"	106° 12' 00"					F-48-93-A-b
Bến khách ngang sông Búng	KX	xã Mỹ Tân	H. Mỹ Lộc	20° 28' 05"	106° 13' 12"					F-48-93-A-b
cầu Tân Đệ	KX	xã Mỹ Tân	H. Mỹ Lộc	20° 26' 41"	106° 13' 01"					F-48-93-A-b
cầu Tân Phong	KX	xã Mỹ Tân	H. Mỹ Lộc	20° 26' 41"	106° 12' 04"					F-48-93-A-b
đền Cây Quế	KX	xã Mỹ Tân	H. Mỹ Lộc	20° 26' 19"	106° 12' 23"					F-48-93-A-b
Quốc lộ 10	KX	xã Mỹ Tân	H. Mỹ Lộc			20° 26' 41"	106° 13' 01"	20° 15' 59"	105° 58' 44"	F-48-93-A-b
Quốc lộ 21B	KX	xã Mỹ Tân	H. Mỹ Lộc			20° 27' 45"	106° 04' 44"	20° 03' 29"	106° 07' 42"	F-48-93-A-b
Sông Đào (sông Nam Định)	TV	xã Mỹ Tân	H. Mỹ Lộc			20° 25' 53"	106° 12' 16"	20° 15' 08"	106° 05' 47"	F-48-93-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Sông Hồng	TV	xã Mỹ Tân	H. Mỹ Lộc			20° 29' 09"	106° 10' 53"	20° 15' 05"	106° 35' 06"	F-48-93-A-b
thôn An Cổ	DC	xã Mỹ Thành	H. Mỹ Lộc	20° 25' 12"	106° 07' 23"					F-48-93-A-a
thôn Cư Nhân	DC	xã Mỹ Thành	H. Mỹ Lộc	20° 25' 21"	106° 06' 54"					F-48-93-A-a
thôn Đa Mễ Đông	DC	xã Mỹ Thành	H. Mỹ Lộc	20° 26' 01"	106° 06' 44"					F-48-93-A-a
thôn Đa Mễ Tây	DC	xã Mỹ Thành	H. Mỹ Lộc	20° 26' 01"	106° 06' 30"					F-48-93-A-a
thôn Dị Sử	DC	xã Mỹ Thành	H. Mỹ Lộc	20° 25' 27"	106° 06' 48"					F-48-93-A-a
thôn Động Phấn	DC	xã Mỹ Thành	H. Mỹ Lộc	20° 25' 21"	106° 06' 15"					F-48-93-A-a
Xóm 1	DC	xã Mỹ Thành	H. Mỹ Lộc	20° 25' 33"	106° 06' 01"					F-48-93-A-a
Xóm 2	DC	xã Mỹ Thành	H. Mỹ Lộc	20° 25' 20"	106° 06' 03"					F-48-93-A-a
Xóm 3	DC	xã Mỹ Thành	H. Mỹ Lộc	20° 25' 05"	106° 06' 08"					F-48-93-A-a
Xóm 4	DC	xã Mỹ Thành	H. Mỹ Lộc	20° 25' 08"	106° 06' 11"					F-48-93-A-a
Xóm 5	DC	xã Mỹ Thành	H. Mỹ Lộc	20° 25' 09"	106° 06' 17"					F-48-93-A-a
Xóm 6	DC	xã Mỹ Thành	H. Mỹ Lộc	20° 25' 12"	106° 06' 16"					F-48-93-A-a
Xóm 7	DC	xã Mỹ Thành	H. Mỹ Lộc	20° 25' 11"	106° 06' 49"					F-48-93-A-a
đình Cao Đài	KX	xã Mỹ Thành	H. Mỹ Lộc	20° 25' 17"	106° 06' 05"					F-48-93-A-a
miễu Cao Đài	KX	xã Mỹ Thành	H. Mỹ Lộc	20° 25' 14"	106° 06' 05"					F-48-93-A-a
kênh T5	TV	xã Mỹ Thành	H. Mỹ Lộc			20° 27' 32"	106° 06' 43"	20° 23' 10"	106° 05' 59"	F-48-93-A-a
Thôn Mai	DC	xã Mỹ Thắng	H. Mỹ Lộc	20° 27' 49"	106° 08' 51"					F-48-93-A-b
Thôn Mỹ	DC	xã Mỹ Thắng	H. Mỹ Lộc	20° 27' 35"	106° 08' 44"					F-48-93-A-b
Thôn Nội	DC	xã Mỹ Thắng	H. Mỹ Lộc	20° 27' 20"	106° 07' 50"					F-48-93-A-b
thôn Thát Đoài	DC	xã Mỹ Thắng	H. Mỹ Lộc	20° 27' 31"	106° 07' 42"					F-48-93-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Thát Đông	DC	xã Mỹ Thắng	H. Mỹ Lộc	20° 27' 31"	106° 07' 57"					F-48-93-A-b
Thôn Thịnh	DC	xã Mỹ Thắng	H. Mỹ Lộc	20° 27' 03"	106° 08' 01"					F-48-93-A-b
Xóm 7	DC	xã Mỹ Thắng	H. Mỹ Lộc	20° 27' 48"	106° 08' 17"					F-48-93-A-b
Xóm 8	DC	xã Mỹ Thắng	H. Mỹ Lộc	20° 27' 38"	106° 08' 15"					F-48-93-A-b
Xóm 9	DC	xã Mỹ Thắng	H. Mỹ Lộc	20° 27' 42"	106° 08' 24"					F-48-93-A-b
Xóm 10	DC	xã Mỹ Thắng	H. Mỹ Lộc	20° 27' 42"	106° 08' 31"					F-48-93-A-b
xóm Bườn 1	DC	xã Mỹ Thắng	H. Mỹ Lộc	20° 28' 43"	106° 08' 13"					F-48-93-A-b
xóm Bườn 2	DC	xã Mỹ Thắng	H. Mỹ Lộc	20° 28' 24"	106° 08' 09"					F-48-93-A-b
xóm Bườn 3	DC	xã Mỹ Thắng	H. Mỹ Lộc	20° 28' 27"	106° 08' 18"					F-48-93-A-b
Xóm Kim	DC	xã Mỹ Thắng	H. Mỹ Lộc	20° 27' 46"	106° 07' 22"					F-48-93-A-a
cầu Sắc	KX	xã Mỹ Thắng	H. Mỹ Lộc	20° 28' 14"	106° 08' 35"					F-48-93-A-b
Đình Bườn	KX	xã Mỹ Thắng	H. Mỹ Lộc	20° 28' 20"	106° 08' 07"					F-48-93-A-b
Mộ Các nhân vật lịch sử liên quan	KX	xã Mỹ Thắng	H. Mỹ Lộc	20° 28' 26"	106° 08' 00"					F-48-93-A-b
Miếu Trúc	KX	xã Mỹ Thắng	H. Mỹ Lộc	20° 28' 32"	106° 08' 07"					F-48-93-A-b
kênh Chính Tây	TV	xã Mỹ Thắng	H. Mỹ Lộc			20° 28' 48"	106° 08' 13"	20° 27' 22"	106° 05' 55"	F-48-93-A-a, F-48-93-A-b
sông Châu Giang	TV	xã Mỹ Thắng	H. Mỹ Lộc			20° 29' 44"	106° 08' 19"	20° 29' 01"	106° 10' 47"	F-48-93-A-b
thôn Bói Trung	DC	xã Mỹ Thịnh	H. Mỹ Lộc	20° 26' 26"	106° 05' 05"					F-48-93-A-a
thôn Đồng Nhuệ	DC	xã Mỹ Thịnh	H. Mỹ Lộc	20° 26' 41"	106° 05' 12"					F-48-93-A-a
thôn Liêm Thôn	DC	xã Mỹ Thịnh	H. Mỹ Lộc	20° 25' 51"	106° 05' 03"					F-48-93-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Liêm Trại	DC	xã Mỹ Thịnh	H. Mỹ Lộc	20° 25' 48"	106° 04' 49"					F-48-93-A-a
Xóm Bắc	DC	xã Mỹ Thịnh	H. Mỹ Lộc	20° 25' 46"	106° 05' 39"					F-48-93-A-a
Xóm Bến	DC	xã Mỹ Thịnh	H. Mỹ Lộc	20° 26' 48"	106° 05' 39"					F-48-93-A-a
Xóm Đình	DC	xã Mỹ Thịnh	H. Mỹ Lộc	20° 26' 59"	106° 05' 39"					F-48-93-A-a
Xóm Đông	DC	xã Mỹ Thịnh	H. Mỹ Lộc	20° 25' 34"	106° 05' 47"					F-48-93-A-a
Xóm Nam	DC	xã Mỹ Thịnh	H. Mỹ Lộc	20° 25' 34"	106° 05' 32"					F-48-93-A-a
Xóm Trung	DC	xã Mỹ Thịnh	H. Mỹ Lộc	20° 27' 18"	106° 05' 34"					F-48-93-A-a
Cầu Mái	KX	xã Mỹ Thịnh	H. Mỹ Lộc	20° 26' 44"	106° 04' 52"					F-48-93-A-a
Chợ Huyện	KX	xã Mỹ Thịnh	H. Mỹ Lộc	20° 25' 50"	106° 05' 54"					F-48-93-A-a
đình Khả Lực	KX	xã Mỹ Thịnh	H. Mỹ Lộc	20° 27' 00"	106° 05' 35"					F-48-93-A-a
đình Tiểu Liên	KX	xã Mỹ Thịnh	H. Mỹ Lộc	20° 25' 43"	106° 05' 31"					F-48-93-A-a
Nhà máy Tấm lợp VINA	KX	xã Mỹ Thịnh	H. Mỹ Lộc	20° 26' 36"	106° 04' 57"					F-48-93-A-a
Quốc lộ 21	KX	xã Mỹ Thịnh	H. Mỹ Lộc			20° 28' 19"	106° 02' 33"	20° 01' 27"	106° 12' 13"	F-48-93-A-a
Quốc lộ 21B	KX	xã Mỹ Thịnh	H. Mỹ Lộc			20° 27' 45"	106° 04' 44"	20° 03' 29"	106° 07' 42"	F-48-93-A-a
sông Ninh Giang	TV	xã Mỹ Thịnh	H. Mỹ Lộc			20° 28' 24"	106° 02' 44"	20° 29' 44"	106° 08' 17"	F-48-93-A-a
sông Tiên Hương	TV	xã Mỹ Thịnh	H. Mỹ Lộc			20° 27' 29"	106° 04' 26"	20° 25' 43"	106° 04' 36"	F-48-93-A-a
thôn Cầu Nhân	DC	xã Mỹ Thuận	H. Mỹ Lộc	20° 27' 15"	106° 04' 14"					F-48-93-A-a
thôn Đại Thắng	DC	xã Mỹ Thuận	H. Mỹ Lộc	20° 27' 24"	106° 04' 01"					F-48-93-A-a
thôn Đống Ba	DC	xã Mỹ Thuận	H. Mỹ Lộc	20° 26' 55"	106° 03' 38"					F-48-93-A-a
thôn Hàn Thông	DC	xã Mỹ Thuận	H. Mỹ Lộc	20° 28' 04"	106° 03' 05"					F-48-93-A-a
thôn Nam Khánh	DC	xã Mỹ Thuận	H. Mỹ Lộc	20° 27' 46"	106° 04' 23"					F-48-93-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Phú Vinh	DC	xã Mỹ Thuận	H. Mỹ Lộc	20° 27' 03"	106° 04' 23"					F-48-93-A-a
xóm Lê Hồng Phong	DC	xã Mỹ Thuận	H. Mỹ Lộc	20° 27' 31"	106° 04' 31"					F-48-93-A-a
xóm Liên Minh	DC	xã Mỹ Thuận	H. Mỹ Lộc	20° 27' 30"	106° 04' 42"					F-48-93-A-a
Xóm Lộc	DC	xã Mỹ Thuận	H. Mỹ Lộc	20° 28' 20"	106° 03' 05"					F-48-93-A-a
Xóm Phúc	DC	xã Mỹ Thuận	H. Mỹ Lộc	20° 28' 06"	106° 03' 29"					F-48-93-A-a
xóm Quang Trung	DC	xã Mỹ Thuận	H. Mỹ Lộc	20° 27' 52"	106° 05' 00"					F-48-93-A-a
Xóm Thọ	DC	xã Mỹ Thuận	H. Mỹ Lộc	20° 28' 20"	106° 02' 45"					F-48-93-A-a
Cầu Họ	KX	xã Mỹ Thuận	H. Mỹ Lộc	20° 28' 18"	106° 02' 33"					F-48-93-A-a
Chợ Mạng	KX	xã Mỹ Thuận	H. Mỹ Lộc	20° 27' 44"	106° 04' 49"					F-48-93-A-a
đình Sùng Văn	KX	xã Mỹ Thuận	H. Mỹ Lộc	20° 28' 13"	106° 03' 24"					F-48-93-A-a
Đường tỉnh 486B	KX	xã Mỹ Thuận	H. Mỹ Lộc			20° 27' 24"	106° 03' 38"	20° 22' 22"	106° 04' 10"	F-48-93-A-a
ga Cầu Họ	KX	xã Mỹ Thuận	H. Mỹ Lộc	20° 28' 02"	106° 02' 52"					F-48-93-A-a
Quốc lộ 21	KX	xã Mỹ Thuận	H. Mỹ Lộc			20° 28' 19"	106° 02' 33"	20° 01' 27"	106° 12' 13"	F-48-93-A-a
Quốc lộ 21B	KX	xã Mỹ Thuận	H. Mỹ Lộc			20° 27' 45"	106° 04' 44"	20° 03' 29"	106° 07' 42"	F-48-93-A-a
sông Cầu Họ (kênh S17)	TV	xã Mỹ Thuận	H. Mỹ Lộc			20° 28' 24"	106° 02' 44"	20° 26' 50"	106° 01' 42"	F-48-93-A-a
sông Ninh Giang	TV	xã Mỹ Thuận	H. Mỹ Lộc			20° 28' 24"	106° 02' 44"	20° 29' 44"	106° 08' 17"	F-48-93-A-a
sông Tiên Hương	TV	xã Mỹ Thuận	H. Mỹ Lộc			20° 27' 29"	106° 04' 26"	20° 25' 43"	106° 04' 36"	F-48-93-A-a
thôn La Chợ	DC	xã Mỹ Tiến	H. Mỹ Lộc	20° 27' 43"	106° 06' 39"					F-48-93-A-a
thôn La Đồng	DC	xã Mỹ Tiến	H. Mỹ Lộc	20° 27' 18"	106° 06' 38"					F-48-93-A-a
thôn Lang Xá	DC	xã Mỹ Tiến	H. Mỹ Lộc	20° 28' 37"	106° 06' 13"					F-48-93-A-a
thôn Nguyễn Huệ	DC	xã Mỹ Tiến	H. Mỹ Lộc	20° 28' 11"	106° 06' 40"					F-48-93-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Vị Việt	DC	xã Mỹ Tiến	H. Mỹ Lộc	20° 27' 06"	106° 06' 07"					F-48-93-A-a
xóm Bãi Ngoài	DC	xã Mỹ Tiến	H. Mỹ Lộc	20° 29' 17"	106° 05' 57"					F-48-93-A-a
Quốc lộ 21B	KX	xã Mỹ Tiến	H. Mỹ Lộc			20° 27' 45"	106° 04' 44"	20° 03' 29"	106° 07' 42"	F-48-93-A-a
kênh Chính Tây	TV	xã Mỹ Tiến	H. Mỹ Lộc			20° 28' 48"	106° 08' 13"	20° 27' 22"	106° 05' 55"	F-48-93-A-a
kênh T5	TV	xã Mỹ Tiến	H. Mỹ Lộc			20° 27' 32"	106° 06' 43"	20° 23' 10"	106° 05' 59"	F-48-93-A-a
sông Ninh Giang	TV	xã Mỹ Tiến	H. Mỹ Lộc			20° 28' 24"	106° 02' 44"	20° 29' 44"	106° 08' 17"	F-48-93-A-a
Thôn 1	DC	xã Mỹ Trung	H. Mỹ Lộc	20° 27' 56"	106° 10' 42"					F-48-93-A-b
Thôn 2	DC	xã Mỹ Trung	H. Mỹ Lộc	20° 27' 59"	106° 10' 55"					F-48-93-A-b
Thôn 3	DC	xã Mỹ Trung	H. Mỹ Lộc	20° 27' 51"	106° 10' 54"					F-48-93-A-b
Thôn 4	DC	xã Mỹ Trung	H. Mỹ Lộc	20° 28' 00"	106° 11' 19"					F-48-93-A-b
Thôn 5	DC	xã Mỹ Trung	H. Mỹ Lộc	20° 27' 53"	106° 11' 16"					F-48-93-A-b
Thôn 6	DC	xã Mỹ Trung	H. Mỹ Lộc	20° 28' 05"	106° 10' 32"					F-48-93-A-b
Thôn 7	DC	xã Mỹ Trung	H. Mỹ Lộc	20° 28' 14"	106° 10' 48"					F-48-93-A-b
Thôn 8	DC	xã Mỹ Trung	H. Mỹ Lộc	20° 28' 25"	106° 10' 40"					F-48-93-A-b
Thôn 9	DC	xã Mỹ Trung	H. Mỹ Lộc	20° 28' 40"	106° 10' 47"					F-48-93-A-b
Thôn 10	DC	xã Mỹ Trung	H. Mỹ Lộc	20° 28' 09"	106° 11' 40"					F-48-93-A-b
Thôn 11	DC	xã Mỹ Trung	H. Mỹ Lộc	20° 27' 38"	106° 11' 52"					F-48-93-A-b
Thôn 12	DC	xã Mỹ Trung	H. Mỹ Lộc	20° 28' 06"	106° 11' 13"					F-48-93-A-b
bến khách ngang sông Hữu Bị	KX	xã Mỹ Trung	H. Mỹ Lộc	20° 28' 55"	106° 10' 58"					F-48-93-A-b
Đình Cả	KX	xã Mỹ Trung	H. Mỹ Lộc	20° 28' 20"	106° 10' 55"					F-48-93-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Khu công nghiệp Mỹ Trung	KX	xã Mỹ Trung	H. Mỹ Lộc	20° 27' 27"	106° 11' 26"					F-48-93-A-b
Quốc lộ 10	KX	xã Mỹ Trung	H. Mỹ Lộc			20° 26' 41"	106° 13' 01"	20° 15' 59"	105° 58' 44"	F-48-93-A-b
Quốc lộ 21B	KX	xã Mỹ Trung	H. Mỹ Lộc			20° 27' 45"	106° 04' 44"	20° 03' 29"	106° 07' 42"	F-48-93-A-b
Quốc lộ 38B	KX	xã Mỹ Trung	H. Mỹ Lộc			20° 28' 53"	106° 10' 42"	20° 15' 59"	105° 58' 44"	F-48-93-A-b
sông Châu Giang	TV	xã Mỹ Trung	H. Mỹ Lộc			20° 29' 44"	106° 08' 19"	20° 29' 01"	106° 10' 47"	F-48-93-A-b
Sông Hồng	TV	xã Mỹ Trung	H. Mỹ Lộc			20° 29' 09"	106° 10' 53"	20° 15' 05"	106° 35' 06"	F-48-93-A-b
sông Vĩnh Giang	TV	xã Mỹ Trung	H. Mỹ Lộc			20° 28' 12"	106° 11' 23"	20° 24' 45"	106° 07' 56"	F-48-93-A-b
tổ dân phố Số 1	DC	TT. Nam Giang	H. Nam Trực	20° 20' 34"	106° 11' 46"					F-48-93-A-d
tổ dân phố Số 2	DC	TT. Nam Giang	H. Nam Trực	20° 20' 33"	106° 11' 40"					F-48-93-A-d
tổ dân phố Số 3	DC	TT. Nam Giang	H. Nam Trực	20° 20' 30"	106° 11' 37"					F-48-93-A-d
tổ dân phố Số 4	DC	TT. Nam Giang	H. Nam Trực	20° 20' 32"	106° 11' 29"					F-48-93-A-d
tổ dân phố Số 5	DC	TT. Nam Giang	H. Nam Trực	20° 20' 28"	106° 11' 16"					F-48-93-A-d
tổ dân phố Số 6	DC	TT. Nam Giang	H. Nam Trực	20° 20' 20"	106° 11' 06"					F-48-93-A-d
tổ dân phố Số 7	DC	TT. Nam Giang	H. Nam Trực	20° 20' 21"	106° 11' 00"					F-48-93-A-d
tổ dân phố Số 8	DC	TT. Nam Giang	H. Nam Trực	20° 20' 16"	106° 10' 50"					F-48-93-A-d
tổ dân phố Số 9	DC	TT. Nam Giang	H. Nam Trực	20° 20' 18"	106° 10' 45"					F-48-93-A-d
tổ dân phố Số 10	DC	TT. Nam Giang	H. Nam Trực	20° 20' 16"	106° 10' 37"					F-48-93-A-d
tổ dân phố Số 11	DC	TT. Nam Giang	H. Nam Trực	20° 20' 11"	106° 10' 34"					F-48-93-A-d
tổ dân phố Số 12	DC	TT. Nam Giang	H. Nam Trực	20° 20' 07"	106° 10' 22"					F-48-93-A-d
tổ dân phố Số 13	DC	TT. Nam Giang	H. Nam Trực	20° 20' 33"	106° 10' 11"					F-48-93-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tổ dân phố Số 14	DC	TT. Nam Giang	H. Nam Trực	20° 20' 34"	106° 10' 00"					F-48-93-A-d
tổ dân phố Số 15	DC	TT. Nam Giang	H. Nam Trực	20° 20' 31"	106° 10' 37"					F-48-93-A-d
tổ dân phố Số 16	DC	TT. Nam Giang	H. Nam Trực	20° 20' 37"	106° 10' 35"					F-48-93-A-d
tổ dân phố Số 17	DC	TT. Nam Giang	H. Nam Trực	20° 20' 35"	106° 10' 49"					F-48-93-A-d
cầu Trại Dân	KX	TT. Nam Giang	H. Nam Trực	20° 21' 09"	106° 10' 40"					F-48-93-A-d
cầu Vân Tràng	KX	TT. Nam Giang	H. Nam Trực	20° 20' 32"	106° 10' 34"					F-48-93-A-d
chùa Đại Bi	KX	TT. Nam Giang	H. Nam Trực	20° 20' 20"	106° 10' 45"					F-48-93-A-d
Đền Am	KX	TT. Nam Giang	H. Nam Trực	20° 20' 38"	106° 11' 42"					F-48-93-A-d
đền Giáp Ba	KX	TT. Nam Giang	H. Nam Trực	20° 20' 19"	106° 10' 48"					F-48-93-A-d
Đường tỉnh 485B	KX	TT. Nam Giang	H. Nam Trực			20° 20' 57"	106° 14' 41"	20° 20' 12"	106° 10' 10"	F-48-93-A-d
Đường tỉnh 490C	KX	TT. Nam Giang	H. Nam Trực			20° 25' 11"	106° 10' 49"	19° 58' 08"	106° 08' 13"	F-48-93-A-d
Trường Trung học phổ thông Nam Trực	KX	TT. Nam Giang	H. Nam Trực	20° 20' 15"	106° 10' 22"					F-48-93-A-d
Sông Đào (sông Nam Định)	TV	TT. Nam Giang	H. Nam Trực			20° 25' 53"	106° 12' 16"	20° 15' 08"	106° 05' 47"	F-48-93-A-d
thôn Cổ Chử	DC	xã Bình Minh	H. Nam Trực	20° 19' 40"	106° 12' 52"					F-48-93-A-d
thôn Cổ Lũng	DC	xã Bình Minh	H. Nam Trực	20° 19' 13"	106° 10' 38"					F-48-93-A-d
thôn Nho Lâm	DC	xã Bình Minh	H. Nam Trực	20° 19' 01"	106° 11' 59"					F-48-93-A-d
Thôn Phan	DC	xã Bình Minh	H. Nam Trực	20° 19' 22"	106° 10' 55"					F-48-93-A-d
Thôn Rót	DC	xã Bình Minh	H. Nam Trực	20° 19' 17"	106° 10' 30"					F-48-93-A-d
Thôn Xẫy	DC	xã Bình Minh	H. Nam Trực	20° 19' 20"	106° 11' 04"					F-48-93-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Xứ Trưởng	DC	xã Bình Minh	H. Nam Trực	20° 18' 46"	106° 10' 33"					F-48-93-A-d
xóm Bãi Cát	DC	xã Bình Minh	H. Nam Trực	20° 18' 49"	106° 13' 00"					F-48-93-A-d
xóm Đông Cổ Nông	DC	xã Bình Minh	H. Nam Trực	20° 19' 15"	106° 12' 14"					F-48-93-A-d
xóm Đông Hành Quần	DC	xã Bình Minh	H. Nam Trực	20° 18' 48"	106° 11' 32"					F-48-93-A-d
xóm Đông Thượng Dưới	DC	xã Bình Minh	H. Nam Trực	20° 19' 22"	106° 12' 44"					F-48-93-A-d
xóm Đông Thượng Trên	DC	xã Bình Minh	H. Nam Trực	20° 19' 31"	106° 12' 42"					F-48-93-A-d
xóm Minh Hồng	DC	xã Bình Minh	H. Nam Trực	20° 18' 17"	106° 13' 04"					F-48-93-A-d
xóm Tây Cổ Nông	DC	xã Bình Minh	H. Nam Trực	20° 19' 14"	106° 12' 04"					F-48-93-A-d
xóm Tây Hành Quần	DC	xã Bình Minh	H. Nam Trực	20° 18' 32"	106° 11' 10"					F-48-93-A-d
xóm Tây Thượng Dưới	DC	xã Bình Minh	H. Nam Trực	20° 19' 14"	106° 12' 32"					F-48-93-A-d
xóm Tây Thượng Trên	DC	xã Bình Minh	H. Nam Trực	20° 19' 24"	106° 12' 28"					F-48-93-A-d
Cầu Ngói	KX	xã Bình Minh	H. Nam Trực	20° 19' 18"	106° 12' 28"					F-48-93-A-d
Cầu Trắng	KX	xã Bình Minh	H. Nam Trực	20° 19' 08"	106° 10' 15"					F-48-93-A-d
Đường tỉnh 487B	KX	xã Bình Minh	H. Nam Trực			20° 21' 24"	106° 14' 58"	20° 17' 16"	106° 08' 42"	F-48-93-A-d
Đường tỉnh 490C	KX	xã Bình Minh	H. Nam Trực			20° 25' 11"	106° 10' 49"	19° 58' 08"	106° 08' 13"	F-48-93-A-d
phủ thờ Bà chúa Nguyễn Thị Ngọc Xuân	KX	xã Bình Minh	H. Nam Trực	20° 19' 26"	106° 12' 36"					F-48-93-A-d
Quốc lộ 21B	KX	xã Bình Minh	H. Nam Trực			20° 27' 45"	106° 04' 44"	20° 03' 29"	106° 07' 42"	F-48-93-A-d
sông Châu Thành	TV	xã Bình Minh	H. Nam Trực			20° 25' 09"	106° 12' 37"	20° 16' 54"	106° 13' 18"	F-48-93-A-d
Xóm 1	DC	xã Điền Xá	H. Nam Trực	20° 24' 31"	106° 13' 05"					F-48-93-A-b
Xóm 2	DC	xã Điền Xá	H. Nam Trực	20° 24' 21"	106° 13' 30"					F-48-93-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Xóm 3	DC	xã Điền Xá	H. Nam Trực	20° 24' 19"	106° 13' 39"					F-48-93-A-b
Xóm 4	DC	xã Điền Xá	H. Nam Trực	20° 24' 01"	106° 13' 34"					F-48-93-A-b
Xóm 5	DC	xã Điền Xá	H. Nam Trực	20° 23' 55"	106° 13' 40"					F-48-93-A-b
Xóm 6	DC	xã Điền Xá	H. Nam Trực	20° 24' 18"	106° 13' 14"					F-48-93-A-b
Xóm 7	DC	xã Điền Xá	H. Nam Trực	20° 24' 12"	106° 13' 18"					F-48-93-A-b
Xóm 8	DC	xã Điền Xá	H. Nam Trực	20° 24' 07"	106° 13' 17"					F-48-93-A-b
Xóm 9	DC	xã Điền Xá	H. Nam Trực	20° 23' 57"	106° 13' 21"					F-48-93-A-b
Xóm 10	DC	xã Điền Xá	H. Nam Trực	20° 24' 01"	106° 13' 13"					F-48-93-A-b
Xóm 11	DC	xã Điền Xá	H. Nam Trực	20° 23' 56"	106° 13' 26"					F-48-93-A-b
Xóm 12	DC	xã Điền Xá	H. Nam Trực	20° 23' 56"	106° 13' 31"					F-48-93-A-b
Xóm 13	DC	xã Điền Xá	H. Nam Trực	20° 24' 16"	106° 13' 45"					F-48-93-A-b
Xóm 14	DC	xã Điền Xá	H. Nam Trực	20° 24' 11"	106° 13' 53"					F-48-93-A-b
Xóm 15	DC	xã Điền Xá	H. Nam Trực	20° 24' 05"	106° 14' 05"					F-48-93-A-b
Xóm 16	DC	xã Điền Xá	H. Nam Trực	20° 24' 05"	106° 14' 20"					F-48-93-A-b
Xóm 17	DC	xã Điền Xá	H. Nam Trực	20° 23' 55"	106° 14' 21"					F-48-93-A-b
Xóm 18	DC	xã Điền Xá	H. Nam Trực	20° 24' 04"	106° 14' 39"					F-48-93-A-b
Xóm 19	DC	xã Điền Xá	H. Nam Trực	20° 23' 58"	106° 15' 10"					F-48-93-B-a
Xóm 20	DC	xã Điền Xá	H. Nam Trực	20° 24' 05"	106° 15' 18"					F-48-93-B-a
Xóm 21	DC	xã Điền Xá	H. Nam Trực	20° 22' 37"	106° 13' 30"					F-48-93-A-b
Xóm 22	DC	xã Điền Xá	H. Nam Trực	20° 22' 51"	106° 13' 26"					F-48-93-A-b
Xóm 23	DC	xã Điền Xá	H. Nam Trực	20° 22' 51"	106° 13' 34"					F-48-93-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Xóm 24	DC	xã Điền Xá	H. Nam Trực	20° 22' 54"	106° 13' 41"					F-48-93-A-b
Xóm 25	DC	xã Điền Xá	H. Nam Trực	20° 22' 52"	106° 13' 52"					F-48-93-A-b
Xóm 26	DC	xã Điền Xá	H. Nam Trực	20° 23' 01"	106° 13' 53"					F-48-93-A-b
Xóm 27	DC	xã Điền Xá	H. Nam Trực	20° 23' 04"	106° 13' 49"					F-48-93-A-b
Xóm 28	DC	xã Điền Xá	H. Nam Trực	20° 22' 57"	106° 14' 03"					F-48-93-A-b
Xóm 29	DC	xã Điền Xá	H. Nam Trực	20° 23' 05"	106° 14' 11"					F-48-93-A-b
Xóm 30	DC	xã Điền Xá	H. Nam Trực	20° 23' 10"	106° 14' 06"					F-48-93-A-b
Xóm 31	DC	xã Điền Xá	H. Nam Trực	20° 23' 31"	106° 13' 59"					F-48-93-A-b
Xóm 32	DC	xã Điền Xá	H. Nam Trực	20° 23' 52"	106° 13' 58"					F-48-93-A-b
Xóm 33	DC	xã Điền Xá	H. Nam Trực	20° 23' 42"	106° 13' 46"					F-48-93-A-b
bến khách ngang sông Bách Tính	KX	xã Điền Xá	H. Nam Trực	20° 24' 25"	106° 13' 33"					F-48-93-A-b
cầu Đỗ Xá	KX	xã Điền Xá	H. Nam Trực	20° 22' 42"	106° 13' 21"					F-48-93-A-b
Cầu Vòi	KX	xã Điền Xá	H. Nam Trực	20° 22' 57"	106° 13' 04"					F-48-93-A-b
Quốc lộ 21	KX	xã Điền Xá	H. Nam Trực			20° 28' 19"	106° 02' 33"	20° 01' 27"	106° 12' 13"	F-48-93-A-b, F-48-93-A-d
sông Châu Thành	TV	xã Điền Xá	H. Nam Trực			20° 25' 09"	106° 12' 37"	20° 16' 54"	106° 13' 18"	F-48-93-A-b, F-48-93-A-d
Sông Hồng	TV	xã Điền Xá	H. Nam Trực			20° 29' 09"	106° 10' 53"	20° 15' 05"	106° 35' 06"	F-48-93-A-b, F-48-93-B-a
thôn An Lộc	DC	xã Đồng Sơn	H. Nam Trực	20° 17' 55"	106° 09' 15"					F-48-93-A-d
thôn Đông Lạc	DC	xã Đồng Sơn	H. Nam Trực	20° 17' 26"	106° 11' 03"					F-48-93-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Thôn Khoát	DC	xã Đồng Sơn	H. Nam Trực	20° 18' 24"	106° 09' 40"					F-48-93-A-d
thôn Thượng Đồng	DC	xã Đồng Sơn	H. Nam Trực	20° 17' 16"	106° 10' 28"					F-48-93-A-d
thôn Trại Vườn	DC	xã Đồng Sơn	H. Nam Trực	20° 16' 40"	106° 10' 35"					F-48-93-A-d
xóm 1 Dương Độ	DC	xã Đồng Sơn	H. Nam Trực	20° 18' 40"	106° 09' 19"					F-48-93-A-d
xóm 2 Dương Độ	DC	xã Đồng Sơn	H. Nam Trực	20° 18' 35"	106° 09' 27"					F-48-93-A-d
xóm 3 Sa Lung	DC	xã Đồng Sơn	H. Nam Trực	20° 18' 45"	106° 09' 46"					F-48-93-A-d
xóm 4 Sa Lung	DC	xã Đồng Sơn	H. Nam Trực	20° 18' 52"	106° 09' 54"					F-48-93-A-d
xóm 5 Giao Cù Thượng	DC	xã Đồng Sơn	H. Nam Trực	20° 18' 37"	106° 10' 04"					F-48-93-A-d
xóm 6 Giao Cù Thượng	DC	xã Đồng Sơn	H. Nam Trực	20° 18' 28"	106° 10' 01"					F-48-93-A-d
xóm 9 Vân Cù	DC	xã Đồng Sơn	H. Nam Trực	20° 17' 47"	106° 09' 25"					F-48-93-A-d
xóm 10 Vân Cù	DC	xã Đồng Sơn	H. Nam Trực	20° 17' 45"	106° 09' 33"					F-48-93-A-d
xóm 11 Giao Cù Trung	DC	xã Đồng Sơn	H. Nam Trực	20° 17' 44"	106° 09' 45"					F-48-93-A-d
xóm 12 Giao Cù Trung	DC	xã Đồng Sơn	H. Nam Trực	20° 17' 36"	106° 09' 48"					F-48-93-A-d
xóm 13 Nam Phong	DC	xã Đồng Sơn	H. Nam Trực	20° 16' 34"	106° 10' 17"					F-48-93-A-d
xóm 14 Nam Phong	DC	xã Đồng Sơn	H. Nam Trực	20° 16' 31"	106° 10' 01"					F-48-93-A-d
xóm 15 Tây Lạc	DC	xã Đồng Sơn	H. Nam Trực	20° 17' 46"	106° 10' 00"					F-48-93-A-d
xóm 16 Tây Lạc	DC	xã Đồng Sơn	H. Nam Trực	20° 17' 50"	106° 10' 06"					F-48-93-A-d
xóm 17 Tây Lạc	DC	xã Đồng Sơn	H. Nam Trực	20° 17' 55"	106° 10' 15"					F-48-93-A-d
xóm 18 Tây Lạc	DC	xã Đồng Sơn	H. Nam Trực	20° 18' 01"	106° 10' 21"					F-48-93-A-d
xóm 19 Tây Lạc	DC	xã Đồng Sơn	H. Nam Trực	20° 18' 08"	106° 10' 37"					F-48-93-A-d
Bến khách ngang sông Đế	KX	xã Đồng Sơn	H. Nam Trực	20° 19' 08"	106° 09' 16"					F-48-93-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cầu Giao Cù Hạ	KX	xã Đồng Sơn	H. Nam Trực	20° 17' 22"	106° 10' 03"					F-48-93-A-d
cầu Thạch Bi	KX	xã Đồng Sơn	H. Nam Trực	20° 15' 58"	106° 10' 21"					F-48-93-A-d
chùa Viên Quang Như	KX	xã Đồng Sơn	H. Nam Trực	20° 18' 06"	106° 10' 31"					F-48-93-A-d
đền Giao Cù	KX	xã Đồng Sơn	H. Nam Trực	20° 17' 38"	106° 09' 44"					F-48-93-A-d
Đường tỉnh 487	KX	xã Đồng Sơn	H. Nam Trực			20° 20' 08"	106° 17' 58"	20° 15' 18"	106° 07' 11"	F-48-93-A-d
Đường tỉnh 487B	KX	xã Đồng Sơn	H. Nam Trực			20° 21' 24"	106° 14' 58"	20° 17' 16"	106° 08' 42"	F-48-93-A-d
Đường tỉnh 490C	KX	xã Đồng Sơn	H. Nam Trực			20° 25' 11"	106° 10' 49"	19° 58' 08"	106° 08' 13"	F-48-93-A-d
Sông Đào (sông Nam Định)	TV	xã Đồng Sơn	H. Nam Trực			20° 25' 53"	106° 12' 16"	20° 15' 08"	106° 05' 47"	F-48-93-A-d
Xóm 1	DC	xã Hồng Quang	H. Nam Trực	20° 22' 18"	106° 11' 56"					F-48-93-A-d
xóm 2 và 3	DC	xã Hồng Quang	H. Nam Trực	20° 22' 17"	106° 11' 51"					F-48-93-A-d
Xóm 4	DC	xã Hồng Quang	H. Nam Trực	20° 22' 18"	106° 11' 46"					F-48-93-A-d
xóm 5 và 7	DC	xã Hồng Quang	H. Nam Trực	20° 22' 13"	106° 11' 40"					F-48-93-A-d
Xóm 6	DC	xã Hồng Quang	H. Nam Trực	20° 22' 21"	106° 11' 40"					F-48-93-A-d
Xóm 8	DC	xã Hồng Quang	H. Nam Trực	20° 22' 18"	106° 11' 32"					F-48-93-A-d
Xóm 9	DC	xã Hồng Quang	H. Nam Trực	20° 22' 11"	106° 11' 33"					F-48-93-A-d
Xóm 10	DC	xã Hồng Quang	H. Nam Trực	20° 22' 10"	106° 11' 21"					F-48-93-A-d
xóm Cát Thành	DC	xã Hồng Quang	H. Nam Trực	20° 21' 51"	106° 12' 57"					F-48-93-A-d
Xóm Chiền	DC	xã Hồng Quang	H. Nam Trực	20° 22' 34"	106° 12' 50"					F-48-93-A-b
Xóm Đậu	DC	xã Hồng Quang	H. Nam Trực	20° 22' 29"	106° 12' 41"					F-48-93-A-d
Xóm Đông	DC	xã Hồng Quang	H. Nam Trực	20° 22' 39"	106° 12' 50"					F-48-93-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Xóm Dứa	DC	xã Hồng Quang	H. Nam Trực	20° 22' 17"	106° 12' 52"					F-48-93-A-d
Xóm Giang	DC	xã Hồng Quang	H. Nam Trực	20° 22' 33"	106° 12' 41"					F-48-93-A-b
xóm Hậu Phú	DC	xã Hồng Quang	H. Nam Trực	20° 21' 46"	106° 12' 27"					F-48-93-A-d
xóm Lạc Na	DC	xã Hồng Quang	H. Nam Trực	20° 21' 32"	106° 12' 30"					F-48-93-A-d
xóm Mộng Giáo	DC	xã Hồng Quang	H. Nam Trực	20° 21' 51"	106° 13' 11"					F-48-93-A-d
xóm Mộng Lương	DC	xã Hồng Quang	H. Nam Trực	20° 22' 02"	106° 13' 02"					F-48-93-A-d
Xóm Phố	DC	xã Hồng Quang	H. Nam Trực	20° 23' 18"	106° 12' 37"					F-48-93-A-b
xóm Rạch Đông	DC	xã Hồng Quang	H. Nam Trực	20° 21' 35"	106° 13' 37"					F-48-93-A-d
xóm Rạch Tây	DC	xã Hồng Quang	H. Nam Trực	20° 21' 42"	106° 13' 23"					F-48-93-A-d
xóm Rạch Trung	DC	xã Hồng Quang	H. Nam Trực	20° 21' 36"	106° 13' 29"					F-48-93-A-d
Xóm Rộc	DC	xã Hồng Quang	H. Nam Trực	20° 21' 40"	106° 12' 48"					F-48-93-A-d
xóm Tân Thành	DC	xã Hồng Quang	H. Nam Trực	20° 22' 34"	106° 13' 04"					F-48-93-A-b
xóm Thị 8	DC	xã Hồng Quang	H. Nam Trực	20° 22' 20"	106° 12' 27"					F-48-93-A-d
xóm Thị 9	DC	xã Hồng Quang	H. Nam Trực	20° 22' 25"	106° 12' 31"					F-48-93-A-d
Xóm Thự	DC	xã Hồng Quang	H. Nam Trực	20° 22' 07"	106° 12' 43"					F-48-93-A-d
xóm Trại Làng	DC	xã Hồng Quang	H. Nam Trực	20° 22' 43"	106° 12' 51"					F-48-93-A-b
xóm Trại Xám	DC	xã Hồng Quang	H. Nam Trực	20° 23' 46"	106° 12' 45"					F-48-93-A-b
cầu Nam Vân	KX	xã Hồng Quang	H. Nam Trực	20° 23' 32"	106° 12' 24"					F-48-93-A-b
Cầu Vòi	KX	xã Hồng Quang	H. Nam Trực	20° 22' 57"	106° 13' 04"					F-48-93-A-b
Đền Xám	KX	xã Hồng Quang	H. Nam Trực	20° 22' 28"	106° 12' 43"					F-48-93-A-d
Quốc lộ 21	KX	xã Hồng Quang	H. Nam Trực			20° 28' 19"	106° 02' 33"	20° 01' 27"	106° 12' 13"	F-48-93-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Quốc lộ 21B	KX	xã Hồng Quang	H. Nam Trực			20° 27' 45"	106° 04' 44"	20° 03' 29"	106° 07' 42"	F-48-93-A-b, F-48-93-A-d
sông Châu Thành	TV	xã Hồng Quang	H. Nam Trực			20° 25' 09"	106° 12' 37"	20° 16' 54"	106° 13' 18"	F-48-93-A-b, F-48-93-A-d
thôn Bơ Cầu	DC	xã Nam Cường	H. Nam Trực	20° 21' 59"	106° 10' 32"					F-48-93-A-d
Thôn Đoài	DC	xã Nam Cường	H. Nam Trực	20° 21' 48"	106° 11' 26"					F-48-93-A-d
Thôn Đông	DC	xã Nam Cường	H. Nam Trực	20° 21' 50"	106° 11' 43"					F-48-93-A-d
Thôn Hậu	DC	xã Nam Cường	H. Nam Trực	20° 21' 57"	106° 11' 20"					F-48-93-A-d
thôn Ngưu Trì	DC	xã Nam Cường	H. Nam Trực	20° 21' 12"	106° 12' 10"					F-48-93-A-d
Thôn Nguyễn	DC	xã Nam Cường	H. Nam Trực	20° 21' 40"	106° 10' 44"					F-48-93-A-d
Thôn Phan	DC	xã Nam Cường	H. Nam Trực	20° 21' 47"	106° 11' 16"					F-48-93-A-d
thôn Thanh Khê	DC	xã Nam Cường	H. Nam Trực	20° 21' 01"	106° 11' 33"					F-48-93-A-d
Thôn Thượng	DC	xã Nam Cường	H. Nam Trực	20° 21' 16"	106° 12' 37"					F-48-93-A-d
Thôn Trai	DC	xã Nam Cường	H. Nam Trực	20° 22' 05"	106° 10' 54"					F-48-93-A-d
Thôn Trù	DC	xã Nam Cường	H. Nam Trực	20° 21' 44"	106° 11' 03"					F-48-93-A-d
Thôn Trung	DC	xã Nam Cường	H. Nam Trực	20° 21' 48"	106° 11' 32"					F-48-93-A-d
Đường tỉnh 490C	KX	xã Nam Cường	H. Nam Trực			20° 25' 11"	106° 10' 49"	19° 58' 08"	106° 08' 13"	F-48-93-A-b, F-48-93-A-d
Quốc lộ 21B	KX	xã Nam Cường	H. Nam Trực			20° 27' 45"	106° 04' 44"	20° 03' 29"	106° 07' 42"	F-48-93-A-d
sông Châu Thành	TV	xã Nam Cường	H. Nam Trực			20° 25' 09"	106° 12' 37"	20° 16' 54"	106° 13' 18"	F-48-93-A-d
thôn Chiền A	DC	xã Nam Dương	H. Nam Trực	20° 19' 42"	106° 10' 26"					F-48-93-A-d
thôn Chiền B	DC	xã Nam Dương	H. Nam Trực	20° 19' 41"	106° 10' 34"					F-48-93-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Đông Đầm	DC	xã Nam Dương	H. Nam Trực	20° 19' 36"	106° 12' 01"					F-48-93-A-d
Thôn Phượng	DC	xã Nam Dương	H. Nam Trực	20° 19' 31"	106° 10' 25"					F-48-93-A-d
thôn Quán Chiền	DC	xã Nam Dương	H. Nam Trực	20° 19' 42"	106° 10' 22"					F-48-93-A-d
thôn Tây Đầm	DC	xã Nam Dương	H. Nam Trực	20° 19' 34"	106° 11' 50"					F-48-93-A-d
thôn Thi Châu A	DC	xã Nam Dương	H. Nam Trực	20° 19' 51"	106° 10' 10"					F-48-93-A-d
thôn Thi Châu B	DC	xã Nam Dương	H. Nam Trực	20° 19' 34"	106° 10' 05"					F-48-93-A-d
thôn Trung Hòa	DC	xã Nam Dương	H. Nam Trực	20° 19' 31"	106° 11' 06"					F-48-93-A-d
Thôn Vọc	DC	xã Nam Dương	H. Nam Trực	20° 19' 28"	106° 11' 08"					F-48-93-A-d
xóm 1 và 2	DC	xã Nam Dương	H. Nam Trực	20° 19' 40"	106° 11' 17"					F-48-93-A-d
xóm 3 và 4	DC	xã Nam Dương	H. Nam Trực	20° 19' 40"	106° 11' 04"					F-48-93-A-d
Xóm 5	DC	xã Nam Dương	H. Nam Trực	20° 19' 36"	106° 10' 58"					F-48-93-A-d
xóm 6 và 7	DC	xã Nam Dương	H. Nam Trực	20° 19' 32"	106° 10' 42"					F-48-93-A-d
Cầu Trắng	KX	xã Nam Dương	H. Nam Trực	20° 19' 08"	106° 10' 15"					F-48-93-A-d
Đường tỉnh 490C	KX	xã Nam Dương	H. Nam Trực			20° 25' 11"	106° 10' 49"	19° 58' 08"	106° 08' 13"	F-48-93-A-d
Đền Gin	KX	xã Nam Dương	H. Nam Trực	20° 19' 39"	106° 10' 25"					F-48-93-A-d
Sông Đào (sông Nam Định)	TV	xã Nam Dương	H. Nam Trực			20° 25' 53"	106° 12' 16"	20° 15' 08"	106° 05' 47"	F-48-93-A-d
Xóm 1	DC	xã Nam Hải	H. Nam Trực	20° 17' 28"	106° 13' 22"					F-48-93-A-d
Xóm 2	DC	xã Nam Hải	H. Nam Trực	20° 17' 18"	106° 13' 23"					F-48-93-A-d
Xóm 3	DC	xã Nam Hải	H. Nam Trực	20° 17' 11"	106° 13' 33"					F-48-93-A-d
Xóm 4	DC	xã Nam Hải	H. Nam Trực	20° 17' 03"	106° 13' 34"					F-48-93-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Xóm 5	DC	xã Nam Hải	H. Nam Trực	20° 17' 07"	106° 13' 15"					F-48-93-A-d
Xóm 6	DC	xã Nam Hải	H. Nam Trực	20° 16' 57"	106° 13' 15"					F-48-93-A-d
Xóm 7	DC	xã Nam Hải	H. Nam Trực	20° 16' 48"	106° 13' 30"					F-48-93-A-d
Xóm 8	DC	xã Nam Hải	H. Nam Trực	20° 16' 45"	106° 13' 39"					F-48-93-A-d
Xóm 9	DC	xã Nam Hải	H. Nam Trực	20° 16' 36"	106° 13' 42"					F-48-93-A-d
Xóm 10	DC	xã Nam Hải	H. Nam Trực	20° 16' 38"	106° 13' 59"					F-48-93-A-d
Xóm 11	DC	xã Nam Hải	H. Nam Trực	20° 16' 15"	106° 14' 05"					F-48-93-A-d
Xóm 12	DC	xã Nam Hải	H. Nam Trực	20° 16' 25"	106° 14' 12"					F-48-93-A-d
Xóm 13	DC	xã Nam Hải	H. Nam Trực	20° 16' 36"	106° 14' 17"					F-48-93-A-d
Xóm 14	DC	xã Nam Hải	H. Nam Trực	20° 16' 47"	106° 14' 03"					F-48-93-A-d
Xóm 15	DC	xã Nam Hải	H. Nam Trực	20° 16' 41"	106° 14' 09"					F-48-93-A-d
Xóm 16	DC	xã Nam Hải	H. Nam Trực	20° 17' 00"	106° 14' 38"					F-48-93-A-d
Xóm 17	DC	xã Nam Hải	H. Nam Trực	20° 17' 11"	106° 14' 34"					F-48-93-A-d
Xóm 18	DC	xã Nam Hải	H. Nam Trực	20° 17' 16"	106° 14' 09"					F-48-93-A-d
Xóm 19	DC	xã Nam Hải	H. Nam Trực	20° 17' 22"	106° 14' 13"					F-48-93-A-d
Xóm 20	DC	xã Nam Hải	H. Nam Trực	20° 17' 14"	106° 13' 55"					F-48-93-A-d
Xóm 21	DC	xã Nam Hải	H. Nam Trực	20° 15' 56"	106° 13' 39"					F-48-93-A-d
Quốc lộ 21B	KX	xã Nam Hải	H. Nam Trực			20° 27' 45"	106° 04' 44"	20° 03' 29"	106° 07' 42"	F-48-93-A-d
sông Châu Thành	TV	xã Nam Hải	H. Nam Trực			20° 25' 09"	106° 12' 37"	20° 16' 54"	106° 13' 18"	F-48-93-A-d
sông Rõng	TV	xã Nam Hải	H. Nam Trực			20° 16' 54"	106° 13' 18"	20° 12' 34"	106° 11' 41"	F-48-93-A-d
Sông Quýt (sông Cổ Lễ - Bà Lữ)	TV	xã Nam Hải	H. Nam Trực			20° 15' 24"	106° 14' 15"	20° 19' 35"	106° 15' 45"	F-48-93-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Xóm 1	DC	xã Nam Hoa	H. Nam Trực	20° 20' 22"	106° 14' 02"					F-48-93-A-d
Xóm 2	DC	xã Nam Hoa	H. Nam Trực	20° 20' 17"	106° 13' 54"					F-48-93-A-d
Xóm 3	DC	xã Nam Hoa	H. Nam Trực	20° 20' 10"	106° 13' 45"					F-48-93-A-d
Xóm 4	DC	xã Nam Hoa	H. Nam Trực	20° 20' 08"	106° 13' 37"					F-48-93-A-d
Xóm 5	DC	xã Nam Hoa	H. Nam Trực	20° 20' 00"	106° 13' 27"					F-48-93-A-d
Xóm 6	DC	xã Nam Hoa	H. Nam Trực	20° 20' 08"	106° 13' 30"					F-48-93-A-d
Xóm 7	DC	xã Nam Hoa	H. Nam Trực	20° 20' 12"	106° 13' 25"					F-48-93-A-d
Xóm 8	DC	xã Nam Hoa	H. Nam Trực	20° 19' 53"	106° 13' 18"					F-48-93-A-d
Xóm 9	DC	xã Nam Hoa	H. Nam Trực	20° 19' 50"	106° 13' 12"					F-48-93-A-d
Xóm 10	DC	xã Nam Hoa	H. Nam Trực	20° 19' 48"	106° 13' 09"					F-48-93-A-d
Xóm 11	DC	xã Nam Hoa	H. Nam Trực	20° 19' 46"	106° 13' 02"					F-48-93-A-d
Xóm 12	DC	xã Nam Hoa	H. Nam Trực	20° 19' 51"	106° 13' 02"					F-48-93-A-d
Xóm 13	DC	xã Nam Hoa	H. Nam Trực	20° 20' 00"	106° 13' 04"					F-48-93-A-d
Xóm 14	DC	xã Nam Hoa	H. Nam Trực	20° 19' 54"	106° 12' 47"					F-48-93-A-d
Xóm 15	DC	xã Nam Hoa	H. Nam Trực	20° 20' 42"	106° 13' 47"					F-48-93-A-d
Xóm 16	DC	xã Nam Hoa	H. Nam Trực	20° 20' 39"	106° 13' 34"					F-48-93-A-d
Xóm 17	DC	xã Nam Hoa	H. Nam Trực	20° 20' 36"	106° 13' 23"					F-48-93-A-d
Đường tỉnh 485B	KX	xã Nam Hoa	H. Nam Trực			20° 20' 57"	106° 14' 41"	20° 20' 12"	106° 10' 10"	F-48-93-A-d
Đường tỉnh 487B	KX	xã Nam Hoa	H. Nam Trực			20° 21' 24"	106° 14' 58"	20° 17' 16"	106° 08' 42"	F-48-93-A-d
sông Châu Thành	TV	xã Nam Hoa	H. Nam Trực			20° 25' 09"	106° 12' 37"	20° 16' 54"	106° 13' 18"	F-48-93-A-d

(Xem tiếp Công báo số 675 + 676)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng